NGÀNH DƯỢC & Y TẾ

Báo cáo Ngành Dược Việt Nam

H1/2026

Ngành Dược và Chăm sóc Y tế - Toàn cảnh thị trường, động lực tăng trưởng và cơ hội đầu tư





CHƯƠNG 01

Bối cảnh Ngành Dược - Y tế Toàn cầu 2026

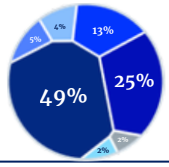
& Hàm ý tác động đối với Việt Nam

I. NGÀNH DƯỢC – Y TẾ TOÀN CẦU 2026

Thị trường thuốc toàn cầu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ, chính thức đạt **quy mô ~1,67 nghìn tỷ USD vào năm 2025 (+10% YoY)** dựa trên mức giá niêm yết (list price). Dự báo giai đoạn đến **năm 2030**, thị trường sẽ tăng trưởng ổn định với **CAGR từ 5–8%**, hướng tới quy mô chuyển đổi **cột mốc ~2,6 nghìn tỷ USD** nhờ động lực lớn từ các liệu pháp đổi mới sáng tạo. Về mặt sản lượng, tổng lượng sử dụng thuốc toàn cầu dự kiến chạm mức ~4 nghìn tỷ liều xác định hàng ngày (DDD) vào năm 2030, trong đó Trung Quốc và các thị trường mới nổi (Pharmerging) tiếp tục là đầu tàu dẫn dắt về tốc độ gia tăng khối lượng tiêu thụ.

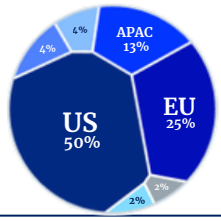
Mỹ Latin | Nhật Bản | Trung Đông & Châu Phi | Khác

Năm **2021** — *nghìn tỷ USD* **1.145**



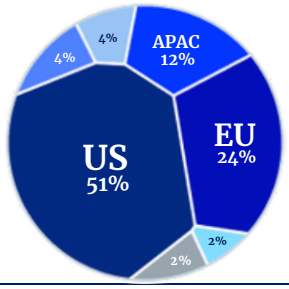
+8%

Năm **2022** — *nghìn tỷ USD* **1.240**



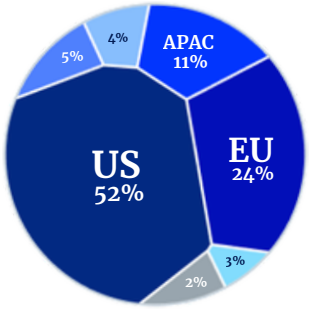
+12%

Năm **2023** — *nghìn tỷ USD* **1.385**



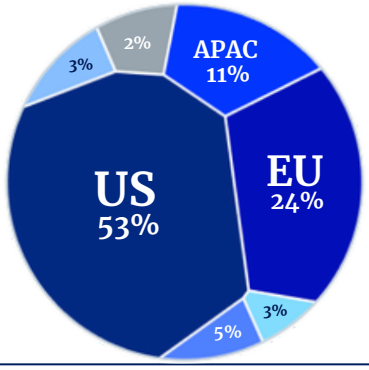
+9%

Năm **2024** — *nghìn tỷ USD* **1.516**



+10%

Năm **2025** — *nghìn tỷ USD* **1.674**



Top 5 thị trường tăng trưởng DDD (2025-2030)

Trung Quốc — **1** — CAGR 5.8%



Ấn Độ — **2** — CAGR 3.3%



Mỹ Latinh — **3** — CAGR 2.8%



Đông Âu — **4** — CAGR 2.3%



Châu Á - TBD — **5** — CAGR 2.3%

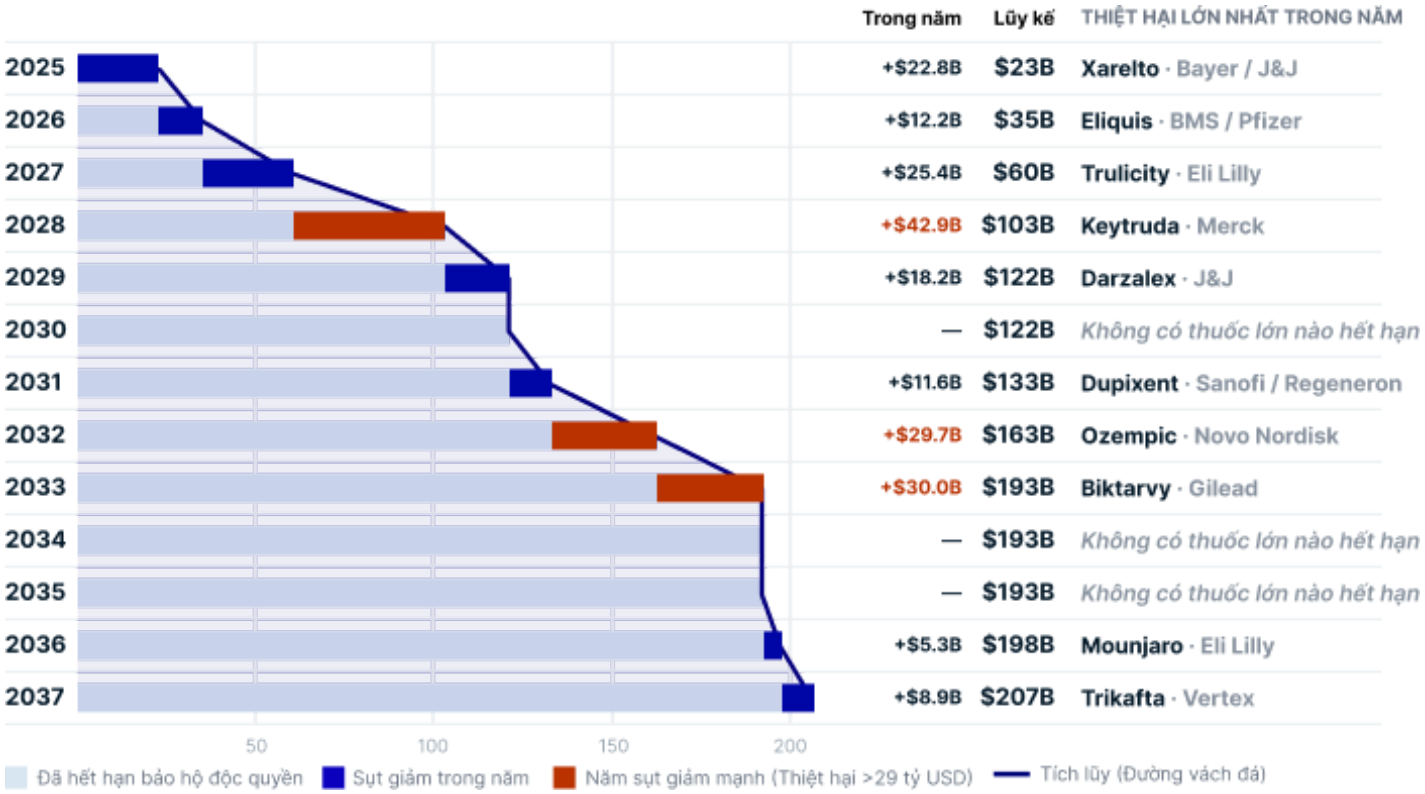


Pharma Patent Cliff - Vách đá sáng chế ngành dược phẩm

"Vách đá sáng chế" (Patent cliff) là thuật ngữ chỉ thời điểm một loại thuốc biệt dược gốc hết hạn bảo hộ độc quyền, lập tức đối mặt với làn sóng cạnh tranh khốc liệt từ các phiên bản thay thế giá rẻ, khiến doanh thu của hãng phát minh có thể sụt giảm tới 80–90% chỉ trong vòng 12–24 tháng. Theo các định chế phân tích lớn, thập kỷ tới đây sẽ chứng kiến làn sóng rớt vách đá lớn nhất lịch sử ngành dược, đặt khoảng 200–400 tỷ USD doanh thu thuốc thương hiệu toàn cầu vào vùng rủi ro.

"Vách đá" $207 tỷ USD từ 25 bom tấn lớn nhất ngành dược: Giai đoạn 2025–2030 là vùng trũng rủi ro nhóm thuốc sinh học (biosimilar), trước khi làn sóng hóa dược (generic) và peptide bùng nổ đến năm 2037.

Doanh thu rủi ro tích lũy, tính theo năm mất quyền bảo hộ độc quyền · *Doanh thu toàn cầu năm 2023, đơn vị: tỷ USD*



WHAT "THE CLIFF" TELL US?

("VÁCH ĐÁ" CHO CHÚNG TA THẤY GÌ?)

Thiệt hại tập trung & dịch chuyển công nghệ: Top 5 MNCs chịu ~50% rủi ro (~99 tỷ USD). Đáy vực sụt giảm mạnh nhất vào năm 2028, lên tới 42,9 tỷ USD, nhưng vách đá kéo dài đến năm 2037 do các bom tấn biosimilar và peptide béo phì (Ozempic, Mounjaro) tiếp tục hết hạn.

Cơ chế dẫn truyền sang Việt Nam. Mỗi khi một loại thuốc "rớt vách đá" là một thị trường generic/biosimilar mới mở ra, và năng lực sản xuất chi phí thấp đang dịch chuyển về châu Á theo xu hướng China+1. Doanh nghiệp dược Việt đạt chuẩn EU-GMP có thể đón dòng giá trị này qua đấu thầu ETC Nhóm 1–2 và xuất khẩu

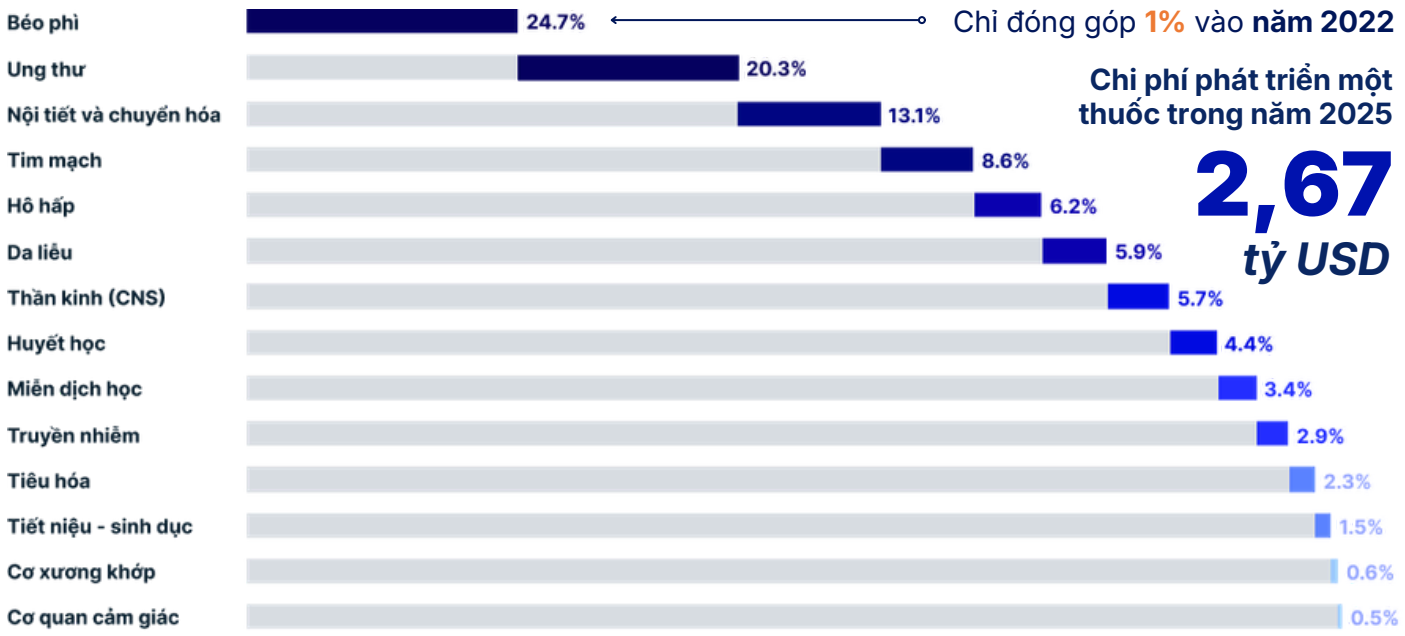


Doanh thu gặp rủi ro là doanh thu thuần toàn cầu năm 2023 của các loại thuốc được lựa chọn bị mất bằng sáng chế gốc/quyền bảo hộ độc quyền trong năm hiển thị; các loại thuốc được hợp tác tiếp thị được chia đều cho các đối tác có tên trong bảng phân tích theo công ty. Những năm không có thuốc lớn hết hạn (2030, 2034–35) sẽ hiển thị dưới dạng các khoảng đi ngang phẳng. Các số liệu có thể không khớp tổng do làm tròn số.

Nguồn: Báo cáo thường niên của các công ty; dữ liệu tổng hợp về hết hạn bằng sáng chế của J. Sadowska.

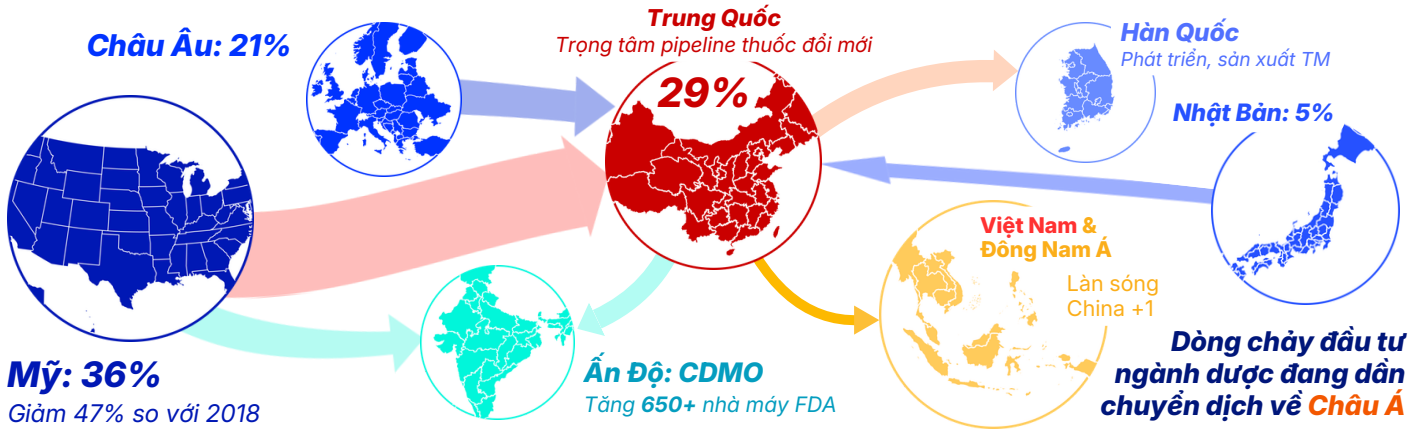
Trong khi "vách đá sáng chế" bào mòn doanh thu cũ, tăng trưởng ngành dồn về ba mũi nhọn: **Ung thư, miễn dịch, nội tiết (béo phì/GLP-1)**; với trọng tâm dịch chuyển sang sinh học & đặc trị. Trong đó, **ung thư tiếp tục là nhóm chi tiêu lớn nhất** và là mỏ neo tăng trưởng của toàn ngành. **Chi tiêu thuốc ung thư toàn cầu** (giá niêm yết) có thể **tăng từ 252 tỷ USD năm 2024 lên dự báo 441 tỷ USD vào năm 2029, gần gấp đôi trong 5 năm**, được thúc đẩy bởi khoảng 100 thuốc mới ra mắt . Nhưng chính nhóm này cxung đang phơi bày sự giao thoa giữa "tăng trưởng" và "vách đá": đà tăng được dự báo chững lại trong năm 2028–2029, khi các thuốc ức chế PD-1/PD-L1, dẫn đầu là Keytruda, bắt đầu đối mặt với cạnh tranh từ các dòng thuốc biosimilar.

Ung thư vẫn là thị trường có sức chi tiêu lớn nhất, nhưng xét theo giá trị pipeline giai đoạn cuối, nơi giá trị tương lai đang hình thành, dòng thuốc béo phì đã lần đầu vượt lên soán ngôi sau 16 năm



Nguồn: Deloitte, SHS Research tổng hợp.

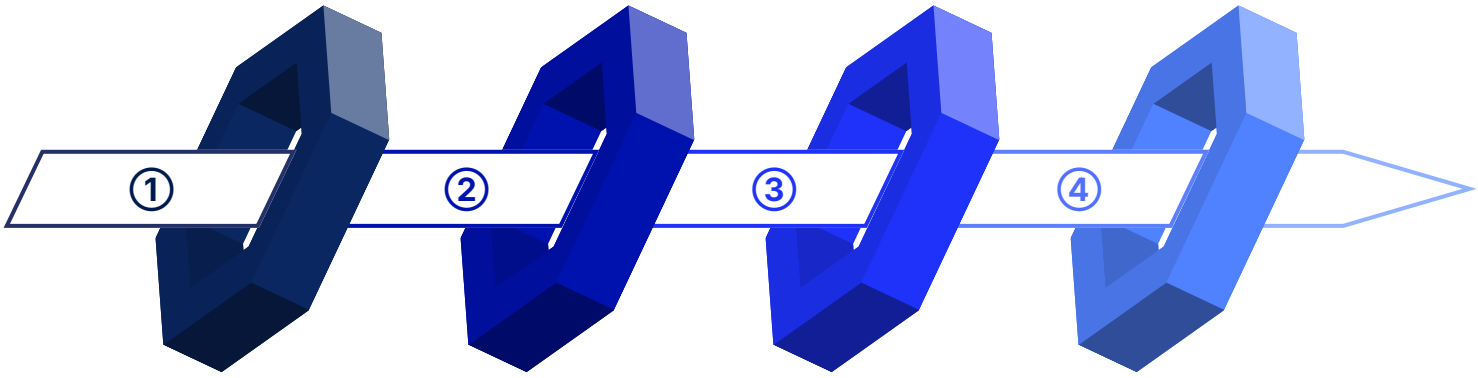
Nhưng câu chuyện nóng nhất thuộc về **thuốc béo phì và nhóm GLP-1**, khi chuẩn bị bước vào một siêu chu kỳ mà theo IQVIA là chưa có dấu hiệu đạt đỉnh. Chi tiêu cho thuốc béo phì toàn cầu được dự báo tăng từ **24 tỷ USD năm 2023 lên khoảng 74 tỷ USD vào năm 2028**, tương ứng **CAGR 24–27%**; nếu như **tính cả GLP-1 tiểu đường, quy mô thị trường có thể chạm ~200 tỷ USD vào 2030** theo báo cáo của Morgan Stanley, tốc độ hiếm thấy ở bất kỳ nhóm nào. GLP-1 là minh họa trọn vẹn "hai mặt của một đồng xu": ở mặt tương lai, đây là nơi khoa học và vốn đổ vào nhiều nhất; ở mặt hết hạn, chính Ozempic (2032) và Mounjaro (2036) lại nằm ở phần đuôi của vách đá sáng chế. Tuy nhiên thì điều này cũng mở đường cho các dòng thuốc generic hay biosimilar GLP-1, đặc biệt là với làn sóng China+1, khi Trung Quốc đang nổi lên không chỉ là thị trường tiêu thụ mà còn là nguồn đổi mới GLP-1, với các hãng như Innovent, Hengrui, Hansoh hay các thương vụ như AstraZeneca-CSPC vào năm 2026.



Xuyên suốt cả ba mũi nhọn là một dịch chuyển cấu trúc: trọng tâm giá trị rời hóa dược phân tử nhỏ để dồn về sinh học và đặc trị, với bằng chứng là nhóm miễn dịch vốn tăng mạnh nay chững còn 2–5% do biosimilar Humira, Stelara. Với Việt Nam, dịch chuyển này vừa củng cố nền cầu dài hạn (ba nhóm bệnh trùng khớp gánh nặng bệnh tật đang gia tăng cùng già hóa dân số), vừa nâng giá trị chiến lược của năng lực EU-GMP và biosimilar

Mỗi khi một thuốc biệt dược gốc (thuốc phát minh độc quyền) hết hạn bảo hộ và bước vào giai đoạn "vách đá sáng chế", một thị trường khổng lồ lập tức mở ra cho các phiên bản thay thế giá rẻ (thuốc generic và biosimilar). Làn sóng này kéo dài liên tục từ nay đến năm 2037, cung cấp một "danh mục phân tử" sẵn có để Việt Nam thay thế hàng nhập khẩu và vươn ra xuất khẩu. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang phụ thuộc vào nhập khẩu lên tới 4,3 tỷ USD dược phẩm mỗi năm và mới tự chủ được chưa tới phân nửa giá trị toàn ngành, "Patent cliff" thực tế không "rót tiền" trực tiếp vào Việt Nam, mà dòng chảy giá trị sẽ chỉ truyền một cách gián tiếp và có điều kiện, thông qua một vài cơ chế đặc thù.

Patent cliff không chuyển trực tiếp dòng chảy giá trị vào Việt Nam: Nó truyền qua bốn cơ chế, và cả bốn cơ chế ấy cùng mở khóa bằng một điều kiện là EU-GMP



Thay thế nhập khẩu

- Khi một thuốc gốc hết bảo hộ, **rào cản pháp lý** để sản xuất bản sao của chúng sẽ **biến mất.**
- Việt Nam **nhập ~$4,3 tỷ dược phẩm/năm (EU chiếm ~54%)**; sản xuất nội địa mới đáp ứng **~60% về sản lượng** nhưng **chỉ 46% về giá trị.**

Dịch chuyển thị phần đấu thầu ETC

- Khi thuốc gốc hết độc quyền, các gói thầu giá trị cao trước đây mặc định thuộc thuốc ngoại nhập mở ra cho generic và biosimilar nội.
- **ETC chiếm 70–76% thị trường.** Trong đó, **thuốc EU-GMP** được dự thầu Nhóm 1-2, **chiếm 60% tổng giá trị trúng thầu kênh ETC.**

Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

- Patent cliff và chính sách giá Mỹ ép các hãng phát minh tìm chi phí thấp và đa dạng hóa chuỗi cung → **dòng vốn, công nghệ và đơn hàng CDMO dịch về châu Á theo xu hướng China+1.**
- Các thương vụ gần đây như Livzon-IMP, Taisho-DHG, Stada-PME đã mang chuẩn quản trị và công nghệ vào, dự báo bùng nổ deal M&A ngành dược giai đoạn 2027-2030.

Cửa sổ xuất khẩu

- Patent cliff không chỉ tạo ra cầu generic/biosimilar trong nước - nó làm bùng nổ cầu trên toàn cầu, khi hàng loạt thuốc gốc hết bảo hộ và **thị trường thế giới cần nguồn cung chi phí thấp đạt chuẩn.** Doanh nghiệp Việt đạt EU-GMP/PIC-S/Japan-GMP vì thế **không dừng ở "thay thế hàng nhập trong nước", mà có thể bán ngược ra ngoài.**
- **Xuất khẩu dược hiện mới ~$312 triệu/năm**, cực nhỏ so với thị trường nội ~$8 tỷ và kim ngạch nhập ~$4,3 tỷ . Tức là **dư địa tăng trưởng gần như mở hoàn toàn** nếu năng lực đạt chuẩn được mở rộng.

ĐÒN BẨY PHÁP LÝ

Chính sách kích hoạt cơ hội "Patent Cliff" cho ngành Dược Việt Nam

Luật Đấu thầu 2023 & TT 03/2024/TT-BYT	Ưu tiên thuốc nội đạt EU-GMP vào đấu thầu Nhóm 1–2; hạn chế nhập khẩu hoạt chất đã sản xuất EU-GMP trong nước	Mở trực tiếp ~60% giá trị trúng thầu ETC cho nhóm EU-GMP
Luật Dược sửa đổi 44/2024/QH15 (1/7/2025) **& NĐ 163/2025**	Đơn giản hóa đăng ký thuốc, chuẩn hóa thị trường, ưu đãi đầu tư sản xuất, minh bạch giá, công nhận e-pharmacy	Rút ngắn thời gian đưa generic ra thị trường (thuốc generic "Day-1" có thể chiếm 90% thị phần)
Chiến lược ngành Dược đến 2030 (QĐ 1165/QĐ-TTg)	Mục tiêu nội địa 80% sản lượng / 70% giá trị; tự chủ 20–30% API; đưa VN thành trung tâm sản xuất dược ASEAN	Đích chính sách dài hạn; biến nội địa hóa & xuất khẩu thành mục tiêu QG, không phải kỳ vọng tự phát



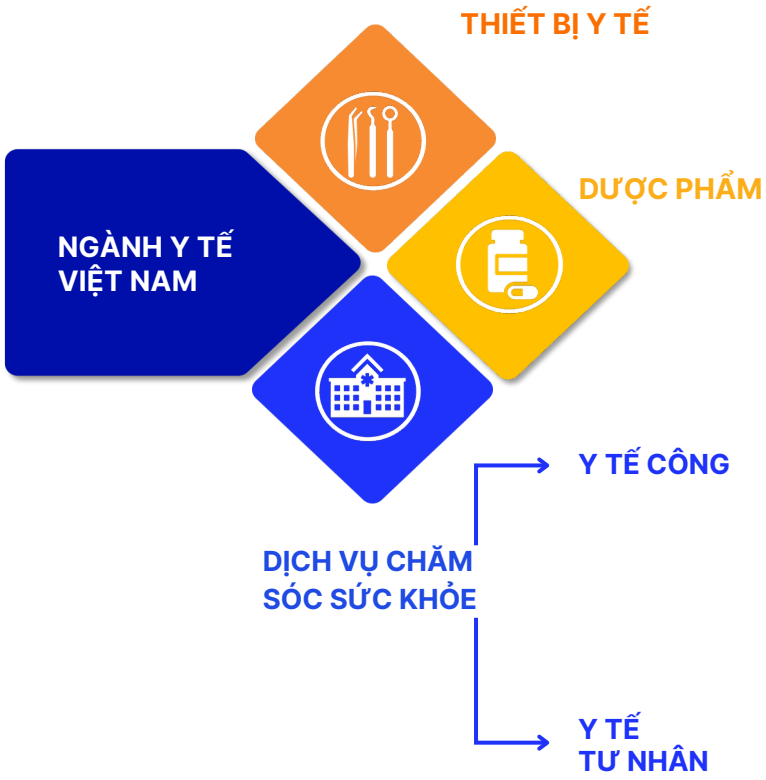
CHƯƠNG 02

Quy mô thị trường

Giá trị, tốc độ tăng trưởng và cấu trúc cung – cầu của ngành dược phẩm Việt Nam



Cơ cấu thị trường và mô tả ngành y tế Việt Nam 2025



Nguồn: FiinGroup, SHS tổng hợp

- Thị trường thiết bị y tế Việt Nam năm 2025 ước đạt khoảng 1,77–1,90 tỷ USD, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 8–9%/năm nhờ nhu cầu chăm sóc sức khỏe gia tăng, tốc độ già hóa dân số nhanh và việc mở rộng hệ thống y tế trên cả nước. Tuy nhiên, mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu vẫn ở mức rất cao, trên 90%, với nguồn cung chủ yếu đến từ Nhật Bản, Đức, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Singapore, do năng lực sản xuất trong nước hiện mới chỉ đáp ứng được các sản phẩm cơ bản, giá trị gia tăng thấp.

- Thị trường dược phẩm Việt Nam năm 2025 ước đạt 7,5–8 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 6–8%/năm và dự kiến vượt 10 tỷ USD vào giai đoạn 2028–2030, thuộc nhóm tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á.
- Năm 2025, Việt Nam nhập khẩu khoảng 4,2–4,3 tỷ USD dược phẩm, chủ yếu từ Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Ấn Độ và Bỉ, cho thấy ngành dược vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn thuốc và nguyên liệu nhập khẩu.

- Bệnh viện công chiếm ưu thế trong hệ thống chăm sóc sức khỏe và chiếm 86% trong tổng số bệnh viện tại Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết các bệnh viện đều đã lỗi thời và phải đối mặt với tình trạng quá tải kinh niên, và chủ yếu nằm ở Hà Nội và Hồ Chí Minh. Nhiều bệnh viện công ở các thành phố lớn xử lý tới 60% bệnh nhân của cả nước và hoạt động với 200% công suất.
- Nhiều bệnh viện công thiếu trang thiết bị đầy đủ cho các khoa phẫu thuật và chăm sóc đặc biệt

- Chi tiêu chăm sóc sức khỏe tư nhân dự kiến sẽ tăng ở mức 7,5% CAGR 2025-2030 với sự gia tăng đầu tư nước ngoài, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu, mối quan tâm ngày càng tăng của người dân về sức khỏe, tình trạng quá tải trong khu vực công và mục tiêu của Chính phủ là giảm thiểu tình trạng quá tải của các bệnh viện công.

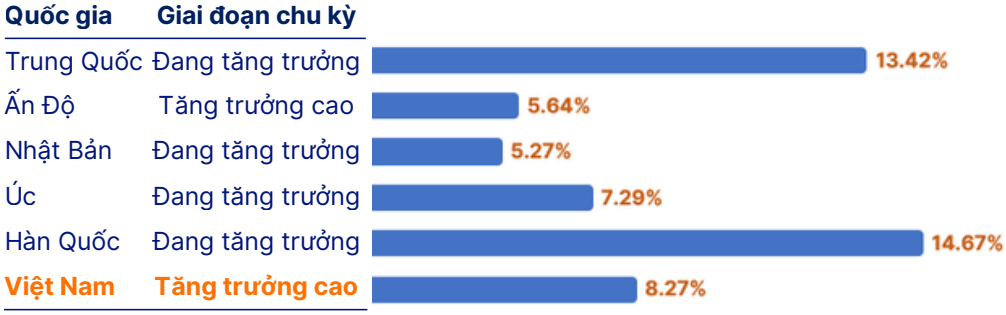
Việt Nam đang ở giai đoạn then chốt của phát triển y tế, với ưu tiên hàng đầu là đảm bảo người dân tiếp cận thuốc chất lượng – giá hợp lý. Ngành sản xuất thuốc generic giữ vai trò cốt lõi khi cung cấp giải pháp tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đáp ứng tiêu chuẩn an toàn và hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập tăng và nhu cầu y tế mở rộng nhanh.

Dự báo các chỉ tiêu tăng trưởng của thị trường dược phẩm và y tế Việt Nam giai đoạn 2024–2030

Chỉ tiêu kinh tế - y tế	2024	2026 (Dự báo)	2030 (Mục tiêu)
Quy mô thị trường dược phẩm (Tỷ USD)	~8,0	10,0	13,0 – 15,0
Tổng chi tiêu chăm sóc sức khỏe (Tỷ USD)	24,7	36,5	~60,0
Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	93,5	95,0	100
Thu nhập bình quân đầu người (USD)	4.600	5.500	7.500
Tỷ trọng chi tiêu y tế/thu nhập khả dụng (%)	9,9	11,5	>13,3

Nguồn: SHS tổng hợp

Thị trường dược phẩm: Việt Nam so với 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới năm 2027 (Châu Á)



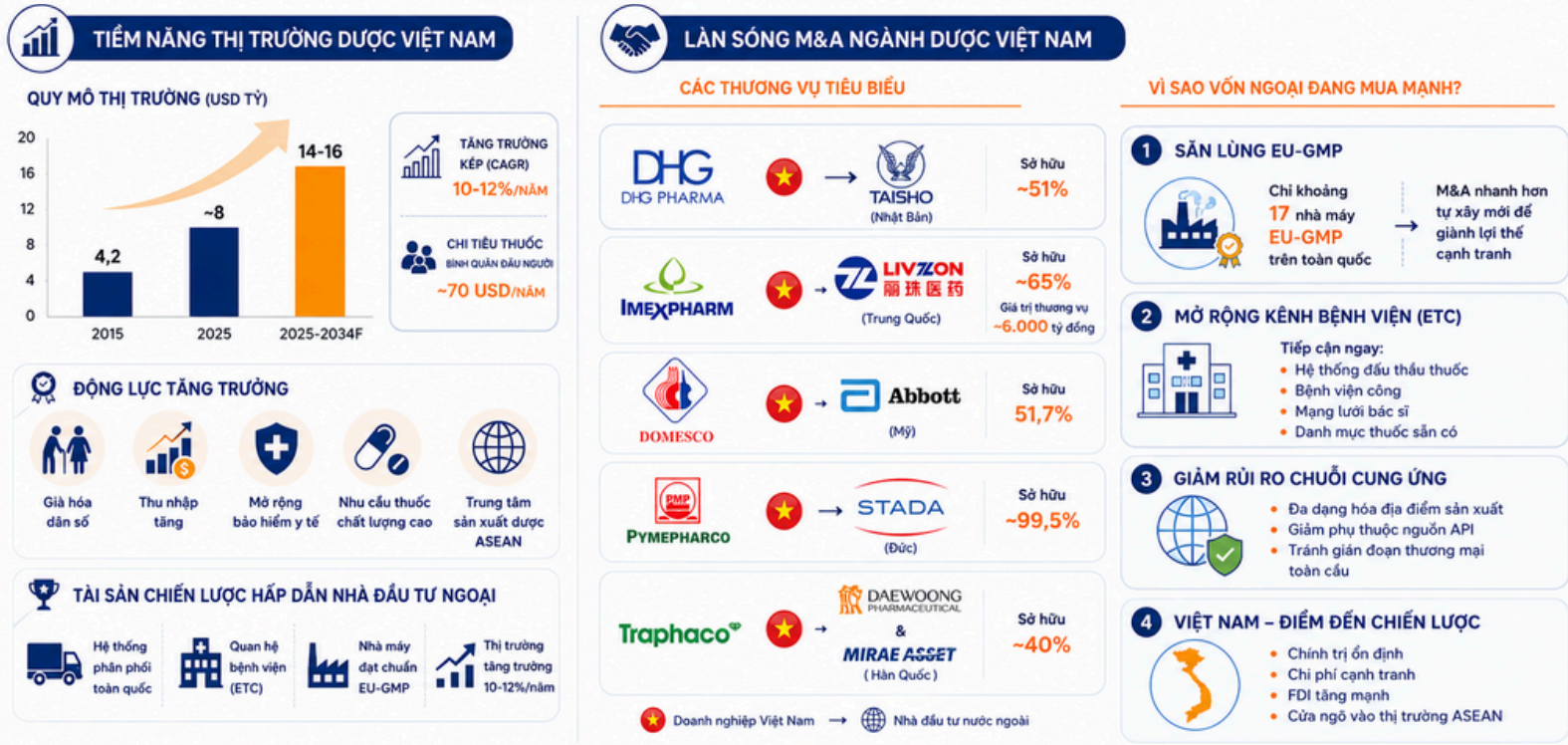
Nguồn: 6WResearch

*Thị trường dược Việt Nam có **độ phân mảnh rất cao** với khoảng 250 nhà máy sản xuất, nhưng phần lớn tập trung vào sản xuất thuốc generic (thuốc sao chép công thức đã hết hạn bảo hộ). Đây là cuộc chơi về giá, với biên lợi nhuận mỏng và ít có sự đột phá.*

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

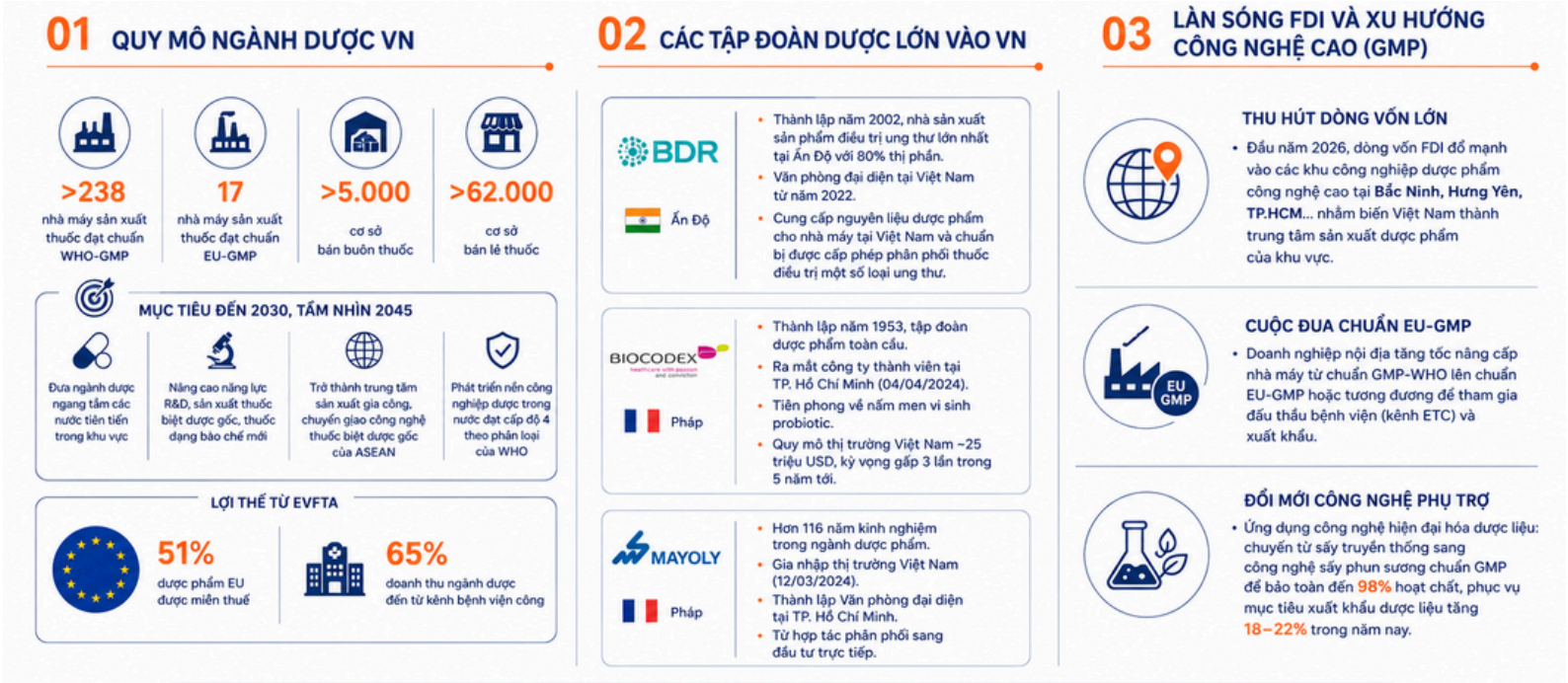
- Ngành dược phẩm Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới, chuyển dịch từ mô hình sản xuất thuốc generic truyền thống sang hệ sinh thái sản xuất hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Quá trình này được thúc đẩy bởi sự cải thiện của môi trường pháp lý, dòng vốn FDI, nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và xu hướng già hóa dân số.
- Trong giai đoạn 2025–2030, ngành dược được đánh giá là một trong những lĩnh vực có triển vọng tăng trưởng dài hạn tích cực. Quy mô thị trường đã tăng từ khoảng **3,4 tỷ USD năm 2015** lên gần **7 tỷ USD năm 2023** và được dự báo đạt **khoảng 10 tỷ USD vào năm 2026**. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ tăng trưởng kinh tế ổn định, thu nhập người dân cải thiện và mức chi tiêu cho y tế ngày càng gia tăng.
- Về vĩ mô, Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao, trong khi thu nhập bình quân đầu người và tổng chi tiêu y tế tiếp tục tăng mạnh. Tổng chi tiêu chăm sóc sức khỏe được dự báo tăng từ **24,7 tỷ USD năm 2024** lên khoảng **57 tỷ USD vào năm 2029**, phản ánh nhu cầu ngày càng lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ y tế chất lượng cao.
- Bên cạnh đó, Việt Nam đang nằm trong nhóm quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. **Tỷ lệ dân số trên 60 tuổi** dự kiến tăng từ **13,9% năm 2023** lên trên **25% vào năm 2050**, tạo dư địa tăng trưởng lớn cho các nhóm thuốc điều trị bệnh mãn tính như tim mạch, tiểu đường, ung thư và các bệnh liên quan đến tuổi tác.
- Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế, mức sống cải thiện, nhu cầu chăm sóc sức khỏe gia tăng và xu hướng già hóa dân số sẽ tiếp tục là những động lực nền tảng hỗ trợ ngành dược Việt Nam tăng trưởng bền vững trong giai đoạn 2025–2030.







- **Ngành dược Việt Nam đang bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với dư địa phát triển lớn.** Quy mô thị trường được dự báo tăng từ khoảng 7 tỷ USD hiện nay lên khoảng 10 tỷ USD năm 2026, được hỗ trợ bởi quá trình già hóa dân số, nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng và mức chi tiêu y tế bình quân đầu người tiếp tục cải thiện. Động lực tăng trưởng của ngành cũng đang dịch chuyển từ mở rộng quy mô sang nâng cao chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn sản xuất và hiệu quả vận hành.
- **Các doanh nghiệp dược đang đẩy mạnh đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.** Xu hướng chung là đầu tư nhà máy đạt chuẩn EU-GMP, ứng dụng công nghệ và AI trong nghiên cứu phát triển, nâng cao tỷ lệ tự chủ nguyên liệu và tối ưu hóa hệ thống phân phối. Bên cạnh đó, mỗi doanh nghiệp theo đuổi chiến lược riêng dựa trên thế mạnh cốt lõi như thuốc chất lượng cao, sản phẩm đặc trị, dược liệu hoặc mở rộng hệ sinh thái phân phối, qua đó hướng tới tăng trưởng bền vững và cải thiện khả năng sinh lời trong dài hạn.



Ngành dược Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mới, được hỗ trợ bởi chính sách thuận lợi, dòng vốn FDI và xu hướng nâng cấp công nghệ, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng trong khu vực và thế giới.

Nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam năm 2025 (ĐVT: USD)

Thị trường	Năm 2025	So với năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)
Số Tổng	**4.295.728.462**	**-2,37**	**100**
(EU) FTA EVFTA-27 thị trường	2.330.780.546	1,71	54,26
Hoa Kỳ	514.881.923	0,46	11,99
Pháp	486.174.887	-15,07	11,32
FTA RCEP-15 thị trường	454.505.169	-18,58	10,58
Đức	400.750.662	-1	9,33
Italy	307.267.463	1,55	7,15
Ấn Độ	305.071.681	-9,13	7,10
Bỉ	281.197.887	39	6,55
FTA CPTPP-11 thị trường	248.062.473	-8,82	5,77
Ireland	224.880.810	18,03	5,23
Hàn Quốc	157.217.852	-23,72	3,66
Thụy Điển	156.703.867	38,17	3,65
Tây Ban Nha	127.302.191	-4,58	2,96
ĐÔNG NAM Á	124.268.204	-18,66	2,89
Thụy Sỹ	120.606.721	13,65	2,81
Áo	102.278.194	-26,28	2,38
Anh	94.655.572	2,03	2,20
Hà Lan	91.483.357	19,97	2,13
Thái Lan	76.031.057	-28,5	1,77
Trung Quốc (Đại lục)	63.103.709	4,29	1,47

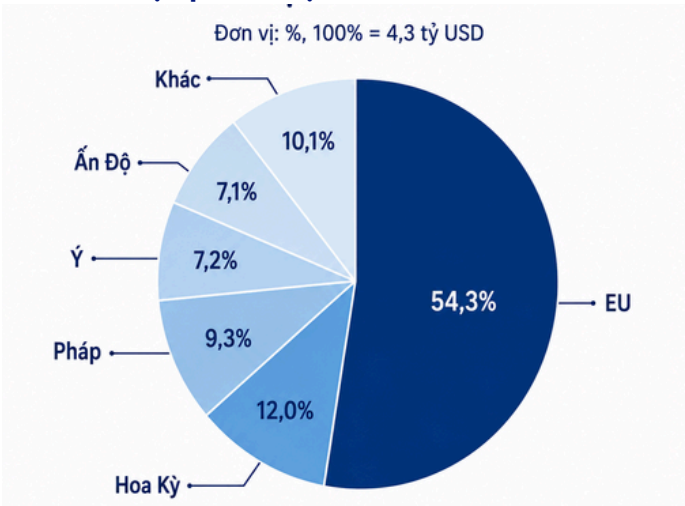
Nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam năm 2025 (ĐVT: USD)

Thị trường	Năm 2025	So với năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)
Nhật Bản	62.338.671	-19,36	1,45
Australia	47.576.733	-22,62	1,11
Ba Lan	47.325.184	-0,41	1,10
Nga	44.946.664	-7,9	1,05
FTA EAEU-5 thị trường	44.946.664	-7,9	1,05
Hungary	43.500.242	3,36	1,01
Đan Mạch	28.608.208	31,3	0,67
Síp	27.098.553	-33,31	0,63
Thổ Nhĩ Kỳ	25.625.119	31,23	0,60
Đài Loan (Trung Quốc)	25.408.095	-27,37	0,59
Indonesia	19.423.594	-6,88	0,45
Singapore	15.620.447	46,87	0,36
Canada	15.415.151	-8,11	0,36
Malaysia	12.455.899	-4,86	0,29
Achentina	10.563.713	-11,86	0,25
Bangladesh	10.165.954	-43,58	0,24
Pakistan	8.733.233	-14,79	0,20
Lithuania	6.209.041	22,71	0,14
Philippines	737.207	-60,33	0,02

Nguồn: Tổng cục Hải quan, SHS tổng hợp

- Giá trị nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam năm 2025 đạt gần 4,3 tỷ USD, giảm 2,4% so với năm 2024.
- Hoa Kỳ trở thành thị trường cung ứng dược phẩm lớn nhất cho Việt Nam với kim ngạch 514,88 triệu USD, tăng 0,5% và chiếm 12% tổng kim ngạch nhập khẩu. Pháp đứng thứ hai với 486,17 triệu USD, giảm 15,1%, tiếp theo là Đức đạt 400,75 triệu USD, giảm 1%.
- Ở các thị trường khác, Italia đạt 307,27 triệu USD, tăng 1,6%, trong khi Ấn Độ đạt 305,07 triệu USD, giảm 9,1%. Riêng khu vực EU vẫn là nguồn cung chủ lực với kim ngạch trên 2,33 tỷ USD, tăng 1,7% và chiếm 54,3% tổng giá trị nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam.
- Nhìn chung, nhập khẩu dược phẩm năm 2025 có xu hướng giảm nhẹ, dù một số thị trường vẫn duy trì tăng trưởng tích cực.

Các thị trường nhập khẩu chính của ngành dược phẩm Việt Nam năm 2025



Nguồn: Tổng cục Hải quan, SHS tổng hợp

Thị trường	Kim ngạch nhập khẩu (Triệu USD)	Thay đổi so với 2024 (%)	Tỷ trọng (%)
Hoa Kỳ	514,88	0,5%	12,0%
Pháp	486,17	-15,1%	11,3%
Đức	400,75	-1,0%	9,3%
Italia	307,27	1,6%	7,2%
Ấn Độ	305,07	-9,1%	7,1%
Toàn thị trường	**4.300,00**	**-2,4%**	**100%**

EU chiếm hơn 54% tổng giá trị nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam, phản ánh sự phụ thuộc lớn vào các thị trường phát triển. Đây vừa là thách thức về an ninh nguồn cung, vừa cho thấy dư địa lớn để các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực sản xuất và thay thế hàng nhập khẩu trong tương lai.

Dao mổ, Phần mềm và Bệnh viện thông minh

TỔNG QUAN

Quy mô **$1.7** tỷ

CAGR **10.2** %

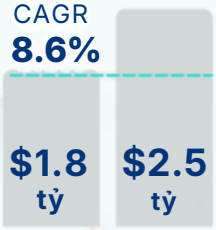
Vị thế **Top 8** Châu Á -TBD

90 % là thiết bị nhập khẩu



50% kim ngạch nhập khẩu

XU HƯỚNG VÀ DỰ BÁO





Thiết bị Tim mạch
$293 triệu
Phân khúc có giá trị cao nhất

Chi tiêu y tế bình quân trên đầu người
$170 (2022) → $230 (2025)

Các phân khúc tăng trưởng nhanh nhất
- Chẩn đoán hình ảnh
- Chăm sóc hô hấp
- Theo dõi bệnh nhân

ĐỘNG LỰC TỪ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

Những bước tiến chính trong khung pháp lý

Kế hoạch dài hạn	Mục tiêu
Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược (giai đoạn đến 2030, tầm nhìn 2045)	Đáp ứng 80% nhu cầu nội địa
Quy hoạch phát triển mạng lưới y tế cơ sở (giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050)	Ưu tiên đầu tư hạ tầng cho các vùng khó khăn, chưa đáp ứng đầy đủ

Kế hoạch chính phủ

Ngân sách
~$1.0 tỷ

Diện tích sản xuất
338 héc-ta
Khu công nghiệp Y tế kỹ thuật cao Lê Minh Xuân 2

CƠ HỘI



1.300 bệnh viện *trên toàn quốc*

75% thuộc khối công lập

Khu vực thu hút FDI
- TP.HCM
- Bình Dương
- Hải Phòng

Các doanh nghiệp quốc tế
- Lắp ráp thiết bị chẩn đoán & thiết bị hình ảnh
- Liên doanh sản xuất vật tư tiêu hao y tế

Nguồn: Tổng hợp báo cáo ngành (Skills Bridge)

- **Thị trường thiết bị y tế Việt Nam năm 2025 được dự báo đạt khoảng 1,8 tỷ USD, duy trì tốc độ tăng trưởng CAGR 8,6% và có thể mở rộng lên 2,5 tỷ USD vào năm 2029**, đưa Việt Nam vào nhóm thị trường tăng trưởng nhanh tại châu Á – Thái Bình Dương. Động lực chính đến từ chi tiêu y tế tăng, già hóa dân số, tỷ lệ bệnh mãn tính cao và nhu cầu nâng cấp hệ thống bệnh viện.
- **Cơ cấu thị trường vẫn phụ thuộc lớn vào nhập khẩu khi hơn 90% thiết bị y tế đến từ Nhật Bản, Đức, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Singapore**, đặc biệt ở các phân khúc công nghệ cao. Các nhóm thiết bị tim mạch, chẩn đoán hình ảnh, hô hấp và theo dõi bệnh nhân là những phân khúc tăng trưởng nhanh nhất, phản ánh xu hướng dịch chuyển sang điều trị bệnh không lây nhiễm.
- **Về chính sách, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư hạ tầng y tế, thu hút FDI và quy hoạch các cụm công nghiệp thiết bị y tế, tạo nền tảng cho phát triển dài hạn.** Đồng thời, xu hướng số hóa, bệnh viện thông minh và ứng dụng AI trong y tế đang mở ra dư địa tăng trưởng mới, ước đóng góp **10 - 15%** tăng trưởng toàn ngành trong những năm tới.

- Thị trường thiết bị y tế Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2025–2030 với tốc độ khoảng **7,6%/năm** theo nội tệ. Động lực tăng trưởng đến từ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, chi tiêu y tế gia tăng cùng với khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện.
- Sau khi phục hồi trở lại trong năm 2024, thị trường được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng trong những năm tới. Việt Nam cũng đang dần trở thành một trung tâm sản xuất thiết bị y tế trong khu vực nhờ lợi thế về chi phí và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Tuy nhiên, ngành vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn thiết bị nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc và Mỹ. Do đó, các yếu tố như căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, biến động chuỗi cung ứng toàn cầu hay sự suy giảm tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu, nguồn cung thiết bị và triển vọng tăng trưởng của thị trường trong thời gian tới.

Các công ty hàng đầu trong thị trường thiết bị y tế Việt Nam

TT	Công ty	Quốc gia	Sản phẩm chính
1	Bausch & Lomb India Pvt. Ltd.	Mỹ	Kính áp tròng, thiết bị phẫu thuật nhãn khoa, sản phẩm chăm sóc mắt (nước mắt nhân tạo, dung dịch chăm sóc mắt...)
2	Stryker Vietnam Co., Ltd.	Mỹ	Dụng cụ phẫu thuật, khớp nhân tạo, thiết bị công nghệ thần kinh, thiết bị cấp cứu y tế
3	CTCP Nhà máy Thiết bị Y tế USM Healthcare	Việt Nam	Găng tay phẫu thuật, ống thông, vật tư y tế dùng một lần
4	CTCP Nhà máy Thiết bị Y tế và Vật liệu Sinh học (MEDEP)	Việt Nam	Stent tim mạch, vật liệu sinh học, cấy ghép chỉnh hình
5	Getz Healthcare	Úc	Sản phẩm chăm sóc vết thương, thiết bị theo dõi bệnh nhân, dụng cụ phẫu thuật
6	Omron Healthcare Việt Nam	Nhật Bản	Máy đo huyết áp, máy khí dung (phun sương), thiết bị chăm sóc sức khỏe cá nhân
7	B. Braun Việt Nam Co., Ltd.	Đức	Thiết bị truyền dịch (IV), dụng cụ phẫu thuật, thiết bị và vật tư lọc thận
8	Hoya Lens Việt Nam Co., Ltd.	Nhật Bản	Tròng kính quang học, kính thuốc, sản phẩm quang học y tế
9	CTCP Thiết bị Y tế Nhật Việt	Nhật Bản/ Việt Nam	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh, dụng cụ phẫu thuật, hệ thống theo dõi bệnh nhân
10	CTCP Armephaco	Việt Nam	Thiết bị chỉnh hình, thiết bị chẩn đoán hình ảnh, dụng cụ phẫu thuật và chẩn đoán
11	Terumo Vietnam Medical Equipment Co., Ltd.	Nhật Bản	Bơm tiêm điện, thiết bị lưu trữ máu, thiết bị truyền máu, kim tiêm và vật tư tiêu hao
12	GE Healthcare Việt Nam	Mỹ	Máy CT, MRI, siêu âm, hệ thống theo dõi bệnh nhân và thiết bị chẩn đoán hình ảnh

Nguồn: Nghiên cứu TechSci

Dự báo thị trường thiết bị y tế Việt Nam giai đoạn 2025-2030

Chỉ tiêu	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Quy mô thị trường (triệu USD)	2.054,8	2.403,5	2.496,2	2.725,2	2.985,3	3.272,1
Chi tiêu bình quân đầu người (USD/người)	20,5	23,9	24,7	26,8	29,2	31,9
Quy mô thị trường (tỷ VND)	51.781	56.962	62.649	69.080	76.430	84.610
Chi tiêu bình quân đầu người (VND/người)	517.274	565.777	618.893	678.938	747.580	823.857
Tỷ giá giả định (VND/USD)	25.200	23.700	25.098	25.349	25.602	25.858

Nguồn: BMI Forecast, Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO), BMI.

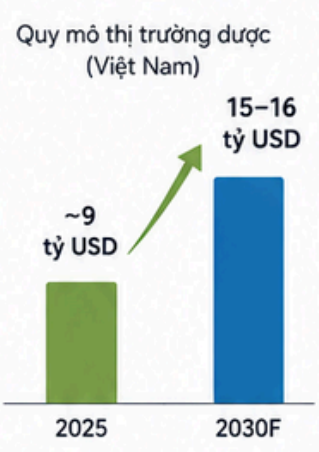
TRIỂN VỌNG NGÀNH DƯỢC VIỆT NAM 2026-2030

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG NHƯNG PHÂN HÓA NGÀY CÀNG RÕ NÉT

Năm 2026, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên, thu nhập bình quân đầu người khoảng 5.400 – 5.500 USD.



1 THỊ TRƯỜNG TIẾP TỤC MỞ RỘNG MẠNH MẼ



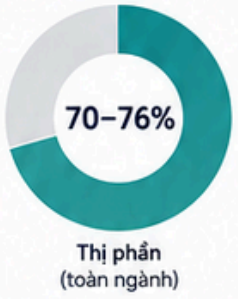
- CAGR 2026–2030 khoảng 7–9%/năm
- Động lực chính:
  - Già hóa dân số
  - Gia tăng bệnh không lây nhiễm
  - Nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao

2 CHI PHÍ Y TẾ TĂNG NHANH HƠN THU NHẬP

Chỉ tiêu	Tăng trưởng
Thu nhập khả dụng	~11%/năm
Chi tiêu y tế	~18%/năm
Lạm phát y tế 2026	~12%
Lạm phát chung	~4%

Người dân có xu hướng ưu tiên thuốc hiệu quả, giá hợp lý và thuộc danh mục BHYT chi trả.

3 KÊNH ETC TIẾP TỤC DẪN DẮT TĂNG TRƯỞNG



- Kênh bệnh viện (ETC) chiếm 70–76% thị phần toàn ngành
- Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt ~95% dân số
- Nhu cầu thuốc thuộc danh mục bảo hiểm tiếp tục tăng

Xu hướng tiêu dùng chuyển dịch từ OTC ⟶ ETC

4 DOANH NGHIỆP ĐẠT CHUẨN CAO SẼ HƯỞNG LỢI



- Nhà máy đạt chuẩn EU-GMP / Japan-GMP
- Danh mục thuốc chuyên khoa, thuốc giá trị gia tăng cao
- Năng lực R&D và tài chính mạnh

Các quy định đấu thầu mới tiếp tục tạo lợi thế, thị phần có xu hướng tập trung vào nhóm doanh nghiệp đầu ngành.

5 CÁC RỦI RO CHÍNH

- Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ
- Biến động tỷ giá và chi phí vận chuyển
- Áp lực lãi suất và dòng tiền
- Cạnh tranh ngày càng gay gắt ở phân khúc generic phổ thông



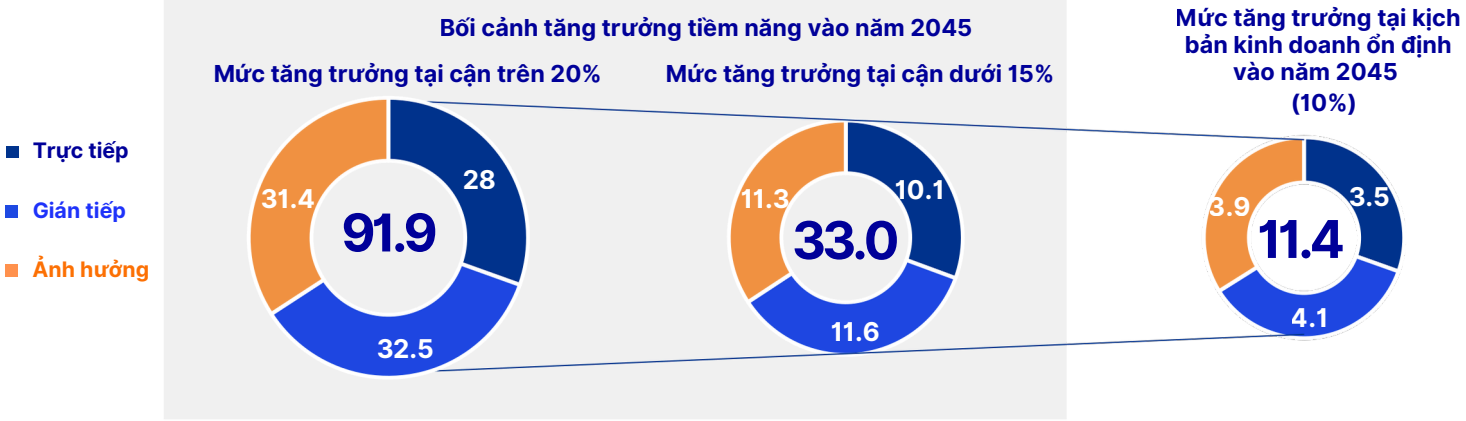
6 CHÍNH SÁCH & CHUYỂN ĐỔI SỐ HỖ TRỢ NGÀNH

- Luật Dược sửa đổi có hiệu lực từ 2025
- Đẩy mạnh hồ sơ điện tử và dịch vụ công trực tuyến
- Tham chiếu kết quả thẩm định từ EMA, FDA, PMDA...
- Rút ngắn thời gian cấp phép và gia hạn thuốc



Môi trường kinh doanh minh bạch và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Giá trị đóng góp gia tăng tiềm năng vào GDP từ 21,6 – 80,5 tỷ USD trong năm 2045



Nguồn: KPMG, Tỷ lệ đóng góp GDP được tính toán dựa trên dự phóng giá trị thị trường và hệ số nhân kinh tế có được từ OECD

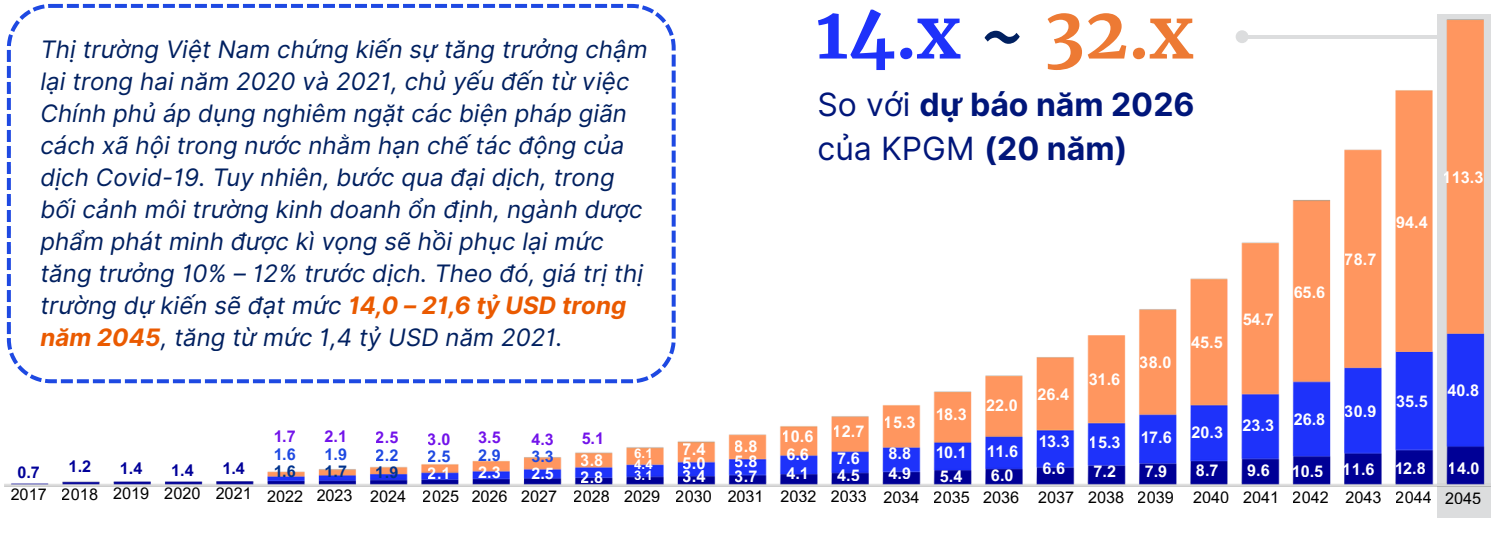
Với nỗ lực của Chính phủ và doanh nghiệp tư nhân, ngành công nghiệp dược phẩm Việt Nam sẽ đóng góp thêm từ 21,6 đến 80,5 tỷ USD vào GDP trong năm 2045 so với giá trị tại kịch bản kinh doanh ổn định. Con số này đã bao gồm phần giá trị tăng thêm trực tiếp 6,6 – 24,5 tỷ USD và gián tiếp 15,0 – 56,0 tỷ USD thông qua các giao dịch thương mại trong nước của các công ty dược phẩm.

Ngành dược phẩm phát minh có thể đạt mức tăng trưởng từ 15% - 20% với giá trị gia tăng từ 26,8- 99,3 tỷ USD trong năm 2045

*Thị trường Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng chậm lại trong hai năm 2020 và 2021, chủ yếu đến từ việc Chính phủ áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp giãn cách xã hội trong nước nhằm hạn chế tác động của dịch Covid-19. Tuy nhiên, bước qua đại dịch, trong bối cảnh môi trường kinh doanh ổn định, ngành dược phẩm phát minh được kì vọng sẽ hồi phục lại mức tăng trưởng 10% – 12% trước dịch. Theo đó, giá trị thị trường dự kiến sẽ đạt mức **14,0 – 21,6 tỷ USD trong năm 2045**, tăng từ mức 1,4 tỷ USD năm 2021.*

14.x ~ 32.x

So với **dự báo năm 2026** của KPGM **(20 năm)**



Nguồn: KPMG

1. Triển vọng tăng trưởng thị trường dược phẩm tích cực

- Doanh thu thị trường dược phẩm Việt Nam dự kiến tăng từ **167 nghìn tỷ đồng (6,63 tỷ USD) năm 2025** lên **243 nghìn tỷ đồng (9,43 tỷ USD) năm 2030** và đạt 328 nghìn tỷ đồng (12,7 tỷ USD) vào năm 2035.
- Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2025–2035 ước đạt khoảng **5,3%/năm** theo nội tệ và **5,0%/năm** theo USD, phản ánh tiềm năng tăng trưởng bền vững của ngành.

2. Động lực tăng trưởng dài hạn

- Việt Nam tiếp tục thu hút các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia thông qua hợp tác, chuyển giao công nghệ và đầu tư sản xuất. Triển vọng tăng trưởng của ngành được hỗ trợ bởi quy mô dân số lớn, chất lượng y tế cải thiện, độ bao phủ bảo hiểm y tế mở rộng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng.

3. Những thách thức còn tồn tại

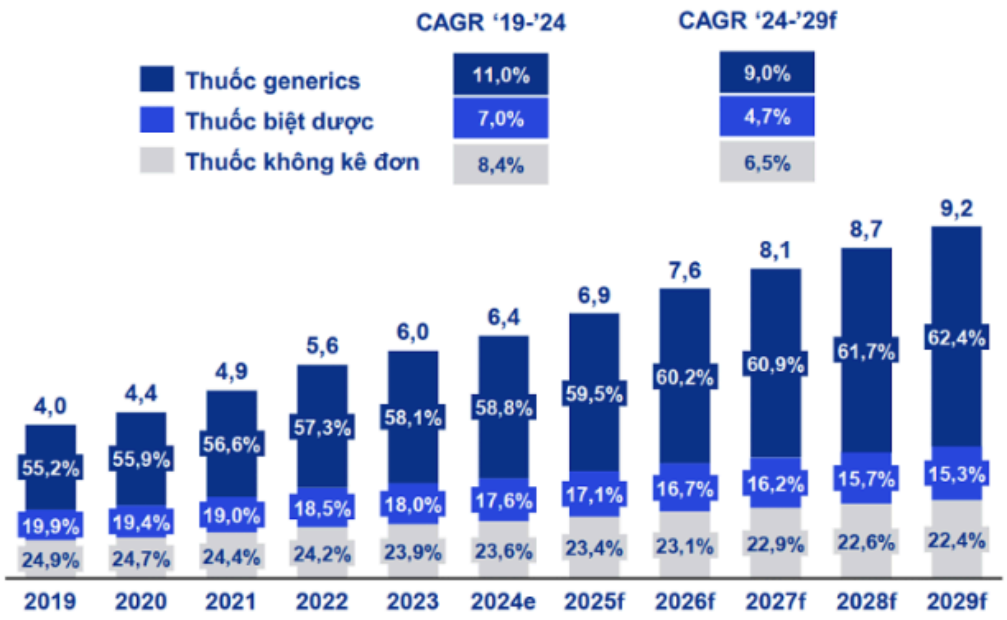
- Hệ thống y tế Việt Nam vẫn đối mặt với hạn chế về hạ tầng, nhân lực và nguồn lực đầu tư, đặc biệt tại khu vực nông thôn. Chênh lệch trong khả năng tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng miền cùng chi phí tự chi trả cao của người dân tiếp tục là những thách thức lớn đối với sự phát triển của ngành.

Dự báo ngành dược phẩm (2025-2030)

Chỉ tiêu	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Doanh thu dược phẩm (tỷ VND)	167.002	180.772	195.447	210.589	226.796	243.708
Chi tiêu dược phẩm bình quân đầu người (VND/người)	1.643.744	1.769.201	1.902.580	2.039.490	2.185.746	2.337.613
Doanh thu dược phẩm (tỷ USD)	6,63	7,63	7,79	8,31	8,86	9,43
Chi tiêu dược phẩm bình quân đầu người (USD/người)	65,2	74,6	75,8	80,5	85,4	90,4
Doanh thu dược phẩm/GDP (%)	1,30%	1,28%	1,25%	1,22%	1,19%	1,17%
Doanh thu dược phẩm/Tổng chi tiêu y tế (%)	28,6%	27,8%	27,4%	27,1%	26,7%	26,4%

Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.

Giá trị thị trường dược phẩm Việt Nam từ năm 2019 đến dự báo 2028 (ĐVT: tỷ USD)



- *Thuốc generic vẫn là phân khúc chiếm ưu thế, với mức tăng trưởng **CAGR 12,4%**, được thúc đẩy bởi giá cả phải chăng và sự hỗ trợ của chính phủ đối với thuốc sản xuất trong nước.*
- *Doanh số thuốc biệt dược đã tăng trưởng ở mức **CAGR 8,3% từ năm 2020 đến 2024**, phản ánh nhu cầu ngày càng tăng đối với các phương pháp điều trị tiên tiến và liệu pháp đổi mới.*
- *Mức tăng trưởng này vẫn còn thấp hơn so với các thị trường cùng khu vực như Thái Lan và Malaysia về giá trị thị trường và tỷ lệ thâm nhập.*

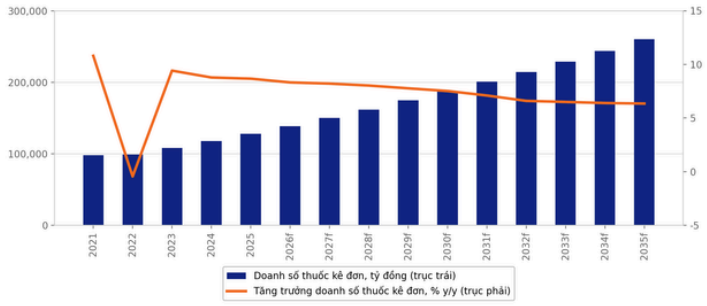
Nguồn: GSO; BMI Fitch Solutions

THỊ TRƯỜNG THUỐC KÊ ĐƠN

1. Thị trường thuốc kê đơn tiếp tục là động lực tăng trưởng chính

- Thị trường thuốc kê đơn (Rx) được dự báo tăng trưởng nhanh hơn thuốc không kê đơn (OTC), nhờ sự gia tăng của bệnh mãn tính, già hóa dân số và nhu cầu điều trị chuyên sâu.
- Doanh thu thuốc kê đơn dự kiến tăng từ 127,9 nghìn tỷ đồng năm 2025 lên 187,7 nghìn tỷ đồng năm 2030 và đạt khoảng 260 nghìn tỷ đồng vào năm 2035.

Dự báo thị trường thuốc kê đơn 2021 - 2035



Nguồn: BMI

2. Tỷ trọng thuốc kê đơn ngày càng gia tăng

- Thuốc kê đơn dự kiến nâng tỷ trọng trong tổng thị trường dược từ 76,6% năm 2025 lên 79,2% năm 2035.
- Động lực đến từ việc mở rộng bảo hiểm y tế, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và sự tham gia ngày càng lớn của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài.

3. Nhu cầu dài hạn được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố cấu trúc

- Thu nhập người dân tăng, độ bao phủ BHYT mở rộng và hạ tầng y tế được nâng cấp sẽ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu sử dụng thuốc.
- Tỷ lệ mắc các bệnh mãn tính như tim mạch, tiểu đường, ung thư ngày càng gia tăng, tạo nhu cầu bền vững đối với cả thuốc biệt dược và thuốc generic.

4. Thách thức: Áp lực giảm giá thuốc

- Chính sách đấu thầu tập trung và kiểm soát giá thuốc có thể làm chậm tốc độ tăng trưởng doanh thu.
- Tuy nhiên, nhu cầu điều trị gia tăng được kỳ vọng sẽ giúp sản lượng tiêu thụ tăng mạnh, bù đắp phần nào áp lực giảm giá bán.

Chỉ số thị trường thuốc kê đơn, dữ liệu lịch sử và dự báo (2022–2030)

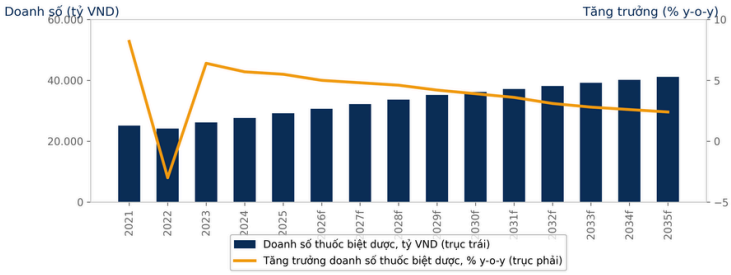
Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Doanh số thuốc kê đơn (tỷ USD)	4,251	4,550	4,872	5,597	5,369	5,864	6,272	6,692	7,124
Tăng trưởng doanh số thuốc kê đơn (% YoY, USD)	-0,92%	7,04%	7,08%	14,88%	-4,07%	9,20%	6,97%	6,70%	6,45%
Doanh số thuốc kê đơn (nghìn tỷ VND)	98.919	108.236	117.735	127.938	138.588	149.962	162.011	174.600	187.726
Tăng trưởng doanh số thuốc kê đơn (% YoY, VND)	-0,44%	9,42%	8,78%	8,67%	8,32%	8,21%	8,03%	7,77%	7,52%
Tỷ trọng doanh số thuốc kê đơn trong tổng thị trường dược phẩm (%)	75,8%	76,1%	76,4%	76,6%	76,9%	77,1%	77,4%	77,6%	77,9%

Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.

THỊ TRƯỜNG THUỐC BIỆT DƯỢC

- Thị trường thuốc biệt dược tại Việt Nam được dự báo tăng từ 28,6 nghìn tỷ đồng năm 2025 lên **41 nghìn tỷ đồng** vào năm 2035, tương ứng **CAGR 10 năm đạt 3,7%** theo VND và 1,7% theo USD.
- Tuy nhiên, tỷ trọng của thuốc biệt dược trong tổng thị trường dược phẩm sẽ giảm từ 17,1% xuống **12,5%**, do sự phát triển nhanh của thuốc generic và các chính sách khuyến khích thay thế nhằm kiểm soát chi phí y tế.
- Dù vậy, nhu cầu đối với thuốc biệt dược vẫn được duy trì nhờ thu nhập người dân tăng lên và xu hướng sử dụng các sản phẩm chất lượng cao tại khu vực đô thị.

Dự báo thị trường thuốc biệt dược 2021 - 2035

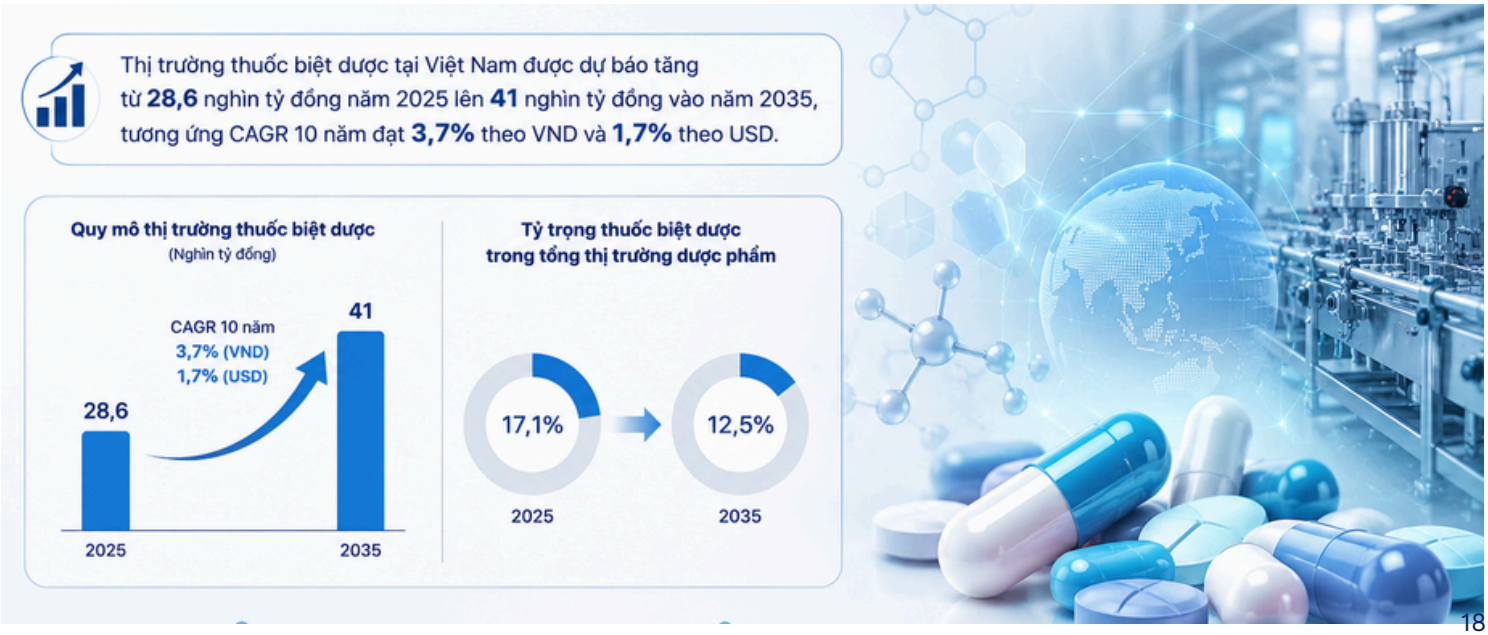


Nguồn: BMI

Các chỉ số thị trường thuốc biệt dược, dữ liệu lịch sử và dự báo (2022-2030)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Doanh số thuốc biệt dược (nghìn tỷ VND)	24.138	25.663	27.105	28.580	30.019	31.472	32.917	34.313	35.653
Tăng trưởng doanh số thuốc biệt dược (% YoY, VND)	-3,18%	6,31%	5,62%	5,44%	5,03%	4,84%	4,59%	4,24%	3,90%
Doanh số thuốc biệt dược (tỷ USD)	1,037	1,079	1,122	1,250	1,163	1,231	1,274	1,315	1,353
Tăng trưởng doanh số thuốc biệt dược (% YoY, USD)	-3,64%	4,01%	3,97%	11,48%	-6,99%	5,81%	3,55%	3,21%	2,87%
Tỷ trọng doanh số thuốc biệt dược trong tổng doanh số dược phẩm (%)	18,5%	18,0%	17,6%	17,1%	16,7%	16,2%	15,7%	15,3%	14,8%

Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.



THỊ TRƯỜNG THUỐC GENERIC

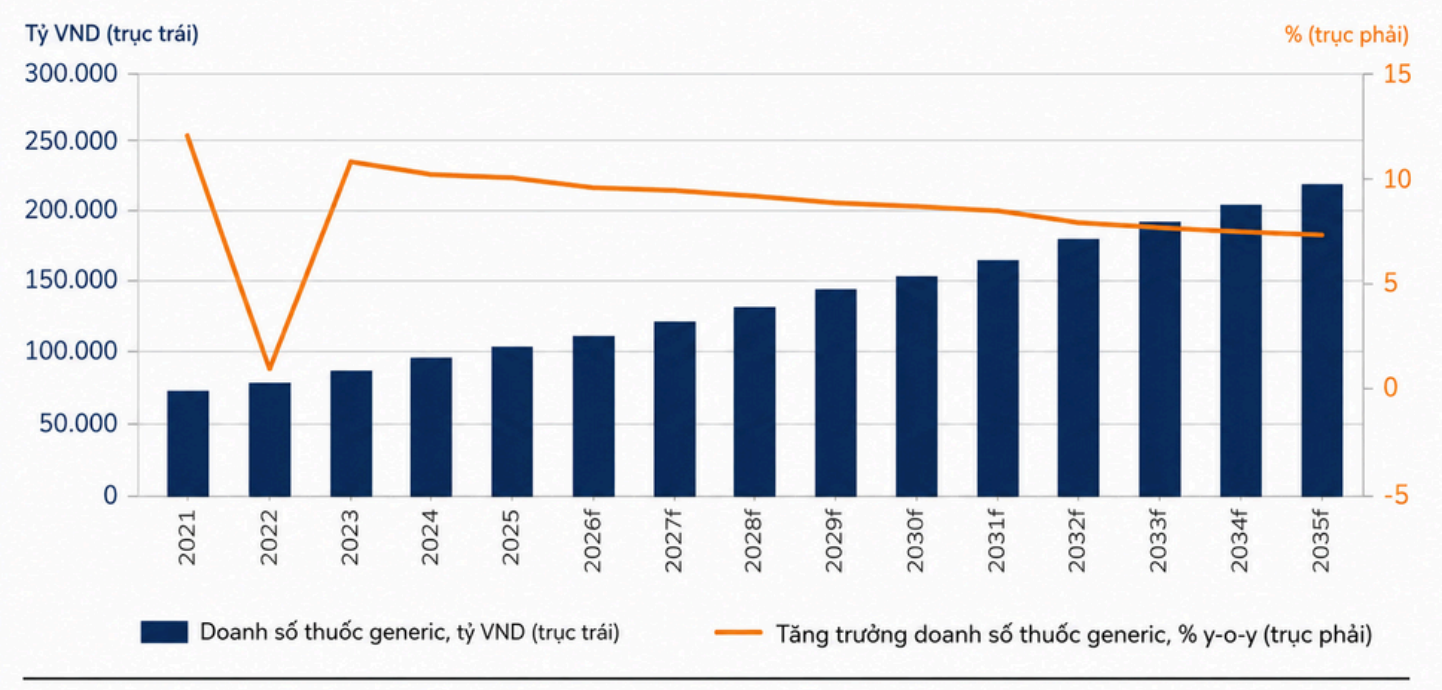
- Thị trường thuốc generic được dự báo tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của ngành dược Việt Nam. Quy mô thị trường dự kiến tăng từ 99,4 nghìn tỷ đồng năm 2025 lên **219 nghìn tỷ đồng vào năm 2035**, tương ứng **CAGR 10 năm đạt 8,2% theo VND** và 6,2% theo USD.
- Đến năm 2035, thuốc generic sẽ chiếm gần **67%** tổng thị trường dược phẩm, tăng từ 59,5% năm 2025, đồng thời nâng thị phần trong phân khúc thuốc kê đơn từ 77,7% lên 84,2%.
- Động lực tăng trưởng đến từ các chính sách khuyến khích sử dụng thuốc generic, xu hướng kiểm soát chi phí y tế và nhu cầu cao đối với các sản phẩm có giá thành hợp lý. Trong khi đó, khả năng chi trả còn hạn chế và năng lực phát triển thuốc đổi mới chưa cao sẽ tiếp tục tạo lợi thế cho các doanh nghiệp sản xuất thuốc generic trong nước.

Các chỉ tiêu thị trường thuốc generic: Dữ liệu lịch sử và dự báo (giai đoạn 2022–2030)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Doanh số thuốc generic (tỷ USD)	3,213	3,471	3,750	4,347	4,206	4,633	4,998	5,377	5,771
Tăng trưởng doanh số thuốc generic (% YoY, USD)	0,00%	8,03%	8,04%	15,90%	-3,23%	10,14%	7,87%	7,59%	7,33%
Doanh số thuốc generic (nghìn tỷ VND)	74.780	82.573	90.629	99.357	108.568	118.489	129.094	140.286	152.072
Tăng trưởng doanh số thuốc generic (% YoY, VND)	0,48%	10,42%	9,76%	9,63%	9,27%	9,14%	8,95%	8,67%	8,40%
Tỷ trọng doanh số thuốc generic trong tổng thị trường dược phẩm (%)	57,3%	58,1%	58,8%	59,5%	60,2%	60,9%	61,7%	62,4%	63,1%

Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THUỐC GENERIC 2021- 2035



Nguồn: BMI

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THUỐC KHÔNG KÊ ĐƠN

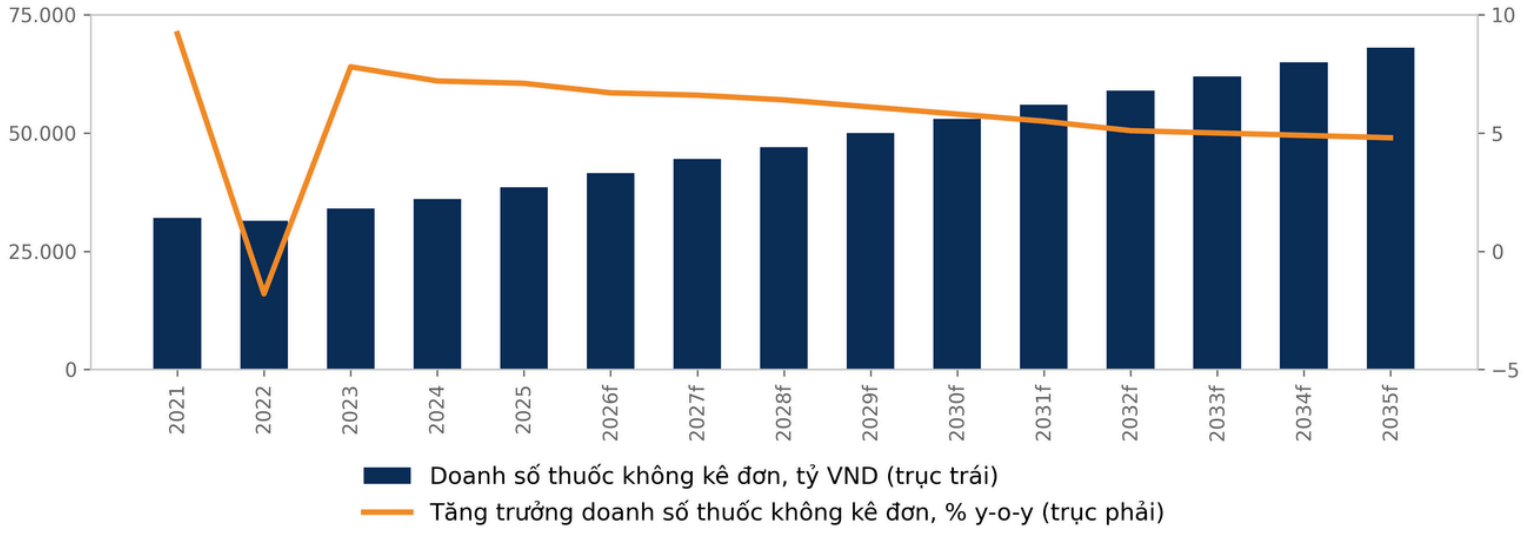
- Mặc dù ranh giới giữa thuốc kê đơn và không kê đơn (OTC) tại Việt Nam vẫn chưa thực sự rõ ràng, thị trường OTC được dự báo tiếp tục tăng trưởng tích cực, với quy mô tăng từ 39,1 nghìn tỷ đồng năm 2025 lên **68,3 nghìn tỷ đồng** vào năm 2035, tương ứng **CAGR 10 năm đạt 5,8%** theo VND và 3,7% theo USD.
- Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của phân khúc này có thể chậm lại do phạm vi bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng, thúc đẩy nhu cầu đối với thuốc kê đơn. Dù vậy, xu hướng nâng cao nhận thức về sức khỏe, kiểm soát chi phí y tế và khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào hệ thống chăm sóc sức khỏe sẽ tiếp tục hỗ trợ sự phát triển của thị trường OTC trong dài hạn.

Các chỉ tiêu thị trường thuốc không kê đơn (OTC): Dữ liệu lịch sử và dự báo (Việt Nam giai đoạn 2022–2030)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Doanh số thuốc không kê đơn (OTC) (tỷ USD)	1,354	1,430	1,509	1,709	1,616	1,739	1,833	1,927	2,021
Tăng trưởng doanh số thuốc OTC (% YoY, USD)	-2,32%	5,54%	5,56%	13,25%	-5,45%	7,63%	5,41%	5,14%	4,88%
Doanh số thuốc không kê đơn (OTC) (nghìn tỷ VND)	31.520	34.005	36.467	39.063	41.708	44.479	47.353	50.283	53.262
Tăng trưởng doanh số thuốc OTC (% YoY, VND)	-1,85%	7,88%	7,24%	7,12%	6,77%	6,64%	6,46%	6,19%	5,93%
Tỷ trọng doanh số thuốc OTC trong tổng thị trường dược phẩm (%)	24,2%	23,9%	23,6%	23,4%	23,1%	22,9%	22,6%	22,4%	22,1%

Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THUỐC KHÔNG KÊ ĐƠN 2021- 2035



f = Dự báo BMI. Nguồn: Cơ sở dữ liệu UN Comtrade DESA/UNSD, ITC, BMI

DỰ BÁO THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM

- Kim ngạch xuất khẩu dược phẩm của Việt Nam dự kiến tăng từ 6.200 tỷ đồng năm 2025 lên **8 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 (CAGR 5,3%)**. Tuy nhiên, ngành vẫn phụ thuộc lớn vào nhập khẩu khi kim ngạch nhập khẩu dự báo tăng từ 116.200 tỷ đồng lên **164.100 tỷ đồng (CAGR 7,1%).**
- Để giảm sự phụ thuộc này, Chính phủ đặt mục tiêu nâng tỷ lệ thuốc sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu nội địa lên **80% vào năm 2030** thông qua các chính sách thúc đẩy đầu tư, R&D và chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, ngành vẫn đối mặt với nhiều thách thức do năng lực R&D còn hạn chế và phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu, với hơn **90%** nguyên liệu dược phẩm phải nhập từ nước ngoài.

Dữ liệu và dự báo thương mại dược phẩm (Việt Nam giai đoạn 2024–2030)

Chỉ tiêu	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Xuất khẩu dược phẩm (triệu USD)	245,68	270,94	251,72	267,17	278,45	290,65	304,42
Tăng trưởng XK dược phẩm (% YoY)	7,79%	10,28%	-7,10%	6,14%	4,22%	4,38%	4,74%
Nhập khẩu dược phẩm (triệu USD)	4.512,90	5.085,91	4.806,46	5.183,27	5.494,72	5.838,08	6.229,26
Tăng trưởng nhập khẩu dược phẩm (% YoY)	25,16%	12,70%	-5,49%	7,84%	6,01%	6,25%	6,70%
Cán cân thương mại dược phẩm (triệu USD)	-4.267,22	-4.814,97	-4.554,75	-4.916,09	-5.216,27	-5.547,43	-5.924,84

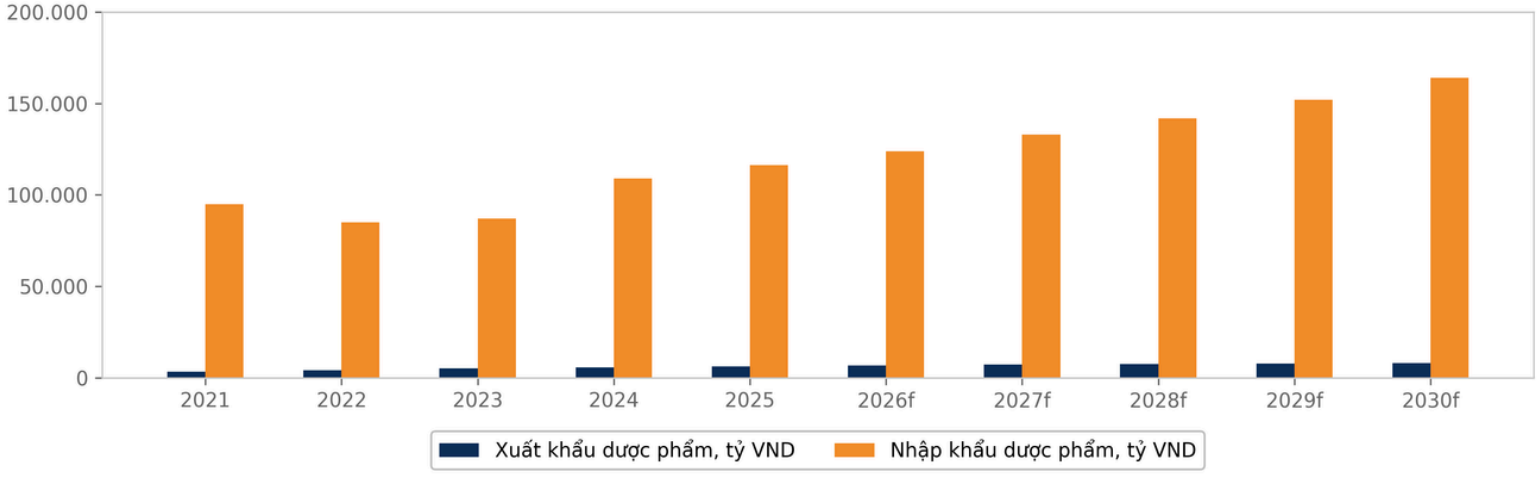
Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.

Dữ liệu và dự báo thương mại dược phẩm theo nội tệ (Việt Nam giai đoạn 2024–2030)

Chỉ tiêu	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Xuất khẩu dược phẩm (tỷ VND)	5.936	6.192	6.497	6.833	7.192	7.582	8.021
Tăng trưởng xuất khẩu dược phẩm (% YoY)	9,50%	4,31%	4,91%	5,17%	5,26%	5,42%	5,78%
Nhập khẩu dược phẩm (tỷ VND)	109.053	116.248	124.059	132.563	141.933	152.311	164.141
Tăng trưởng nhập khẩu dược phẩm (% YoY)	27,15%	6,60%	6,72%	6,85%	7,07%	7,31%	7,77%
Cán cân thương mại dược phẩm (tỷ VND)	-103.116	-110.056	-117.562	-125.730	-134.741	-144.728.	-156.120

Nguồn: BMI; UN Comtrade Database, DESA/UNSD, ITC, BMI.

DỰ BÁO THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM 2021- 2030



Nguồn: BMI

Dự báo ngành Dược phẩm Việt Nam (2024 - 2029)

Chỉ số	2024	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
Doanh thu dược phẩm, tỷ USD	6,372	6,950	7,598	8,122	8,678	9,233
Doanh thu dược phẩm, tỷ VND	154,101	166,797	180,329	194,706	210,109	225,792
Doanh thu dược phẩm bình quân đầu người (VND)	1,548,795	1,666,236	1,791,111	1,923,443	2,065,009	2,208,517
Doanh thu dược phẩm bình quân đầu người (USD)	64	69.4	75.5	80.2	85.3	90.3
Doanh thu dược phẩm, % GDP	1.35	1.3	1.27	1.24	1.21	1.18
Doanh thu dược phẩm, % chi tiêu y tế	24.6	22.5	20.7	19.1	17.7	16.3

Nguồn: BMI

- **Doanh số dược phẩm tại Việt Nam dự kiến sẽ tăng lên 225,8 nghìn tỷ đồng (9,2 tỷ USD) vào năm 2029.**
- **Đến năm 2034, doanh số dược phẩm được dự báo sẽ đạt 314,0 nghìn tỷ đồng (12,2 tỷ USD), tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) trong 10 năm là 7,4% theo đồng VND và 6,7% theo USD.**

Việt Nam sẽ tiếp tục thu hút đầu tư từ các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia, điều này dự kiến sẽ thúc đẩy hơn nữa **sự hợp tác chiến lược với các nhà sản xuất thuốc toàn cầu**. Ngành dược tại Việt Nam được kỳ vọng sẽ chuyển dần từ sản xuất sang nghiên cứu và phát triển (R&D). Các công ty dược phẩm nước ngoài đang mở rộng hiện diện tại thị trường Việt Nam. Triển vọng doanh số thuốc tại thị trường này được đánh giá tích cực, nhờ sự hội tụ của nhiều yếu tố quan trọng như:

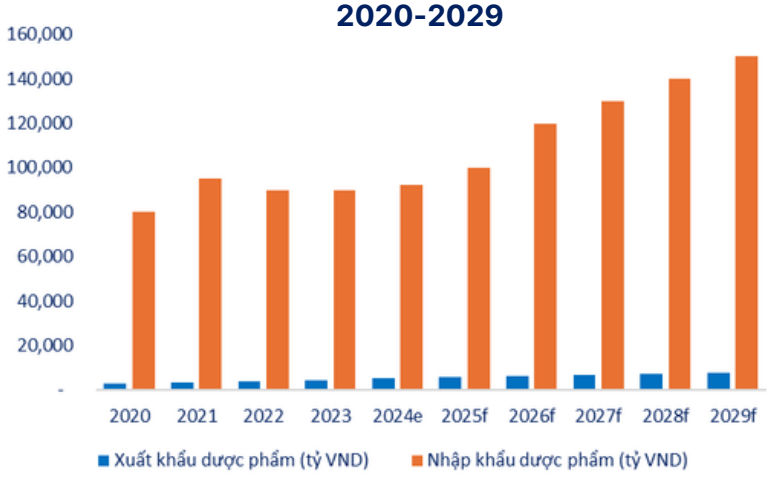
- **Chất lượng dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện**
- **Quy mô dân số lớn và đang gia tăng**
- **Việc mở rộng Chương trình Bảo hiểm Y tế, Xã hội**

Dữ liệu và Dự báo Thương mại Dược phẩm Việt Nam (2024 - 2029)

Chỉ số	2024	2025	2026f	2027f	2028f	2029f
Xuất khẩu dược phẩm, triệu USD	236.28	251.68	269.94	285.56	303.22	323.16
Xuất khẩu dược phẩm, tăng trưởng % so với cùng kỳ	3.67	6.52	7.26	5.79	6.18	6.58
Nhập khẩu dược phẩm, triệu USD	3,867.54	4,241.28	4,657.77	4,993.31	5,349.94	5,708.41
Nhập khẩu dược phẩm, tăng trưởng % so với cùng kỳ	7.26	9.66	9.82	7.2	7.14	6.7
Cán cân thương mại dược phẩm, triệu USD	-3,631.26	-3,989.60	-4,387.83	-4,707.75	-5,046.72	-5,385.25
Doanh thu dược phẩm, % chi tiêu y tế	24.6	22.5	20.7	19.1	17.7	16.3

Nguồn: BMI

Dự báo Thương mại Dược phẩm Việt Nam 2020-2029



(1) Thâm hụt thương mại dược phẩm kéo dài và mở rộng

- Nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam luôn cao gấp ~20 lần xuất khẩu trong suốt giai đoạn 2020–2029.
- Điều này cho thấy Việt Nam vẫn phụ thuộc rất lớn vào thuốc và nguyên liệu từ nước ngoài, đặc biệt là các thuốc chuyên sâu, đặc trị.

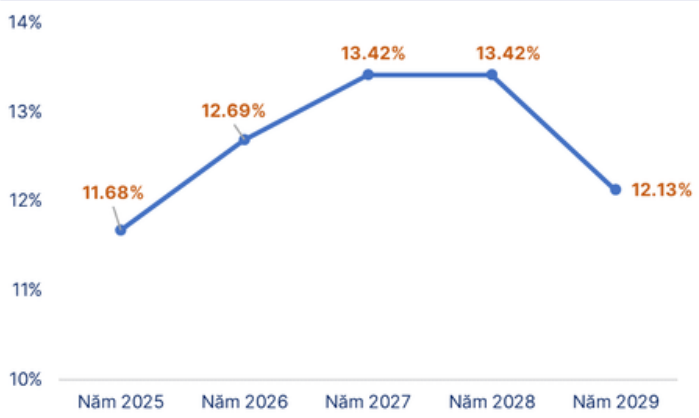
(2) Cơ hội và thách thức cho ngành dược trong nước

- Cơ hội: Việt Nam có thể tận dụng nhu cầu lớn để phát triển ngành sản xuất dược phẩm nội địa, thay thế nhập khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực generic và thuốc điều trị bệnh mạn tính.
- Thách thức: Cần đầu tư mạnh vào công nghệ, R&D, tiêu chuẩn GMP, và nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị dược phẩm toàn cầu.

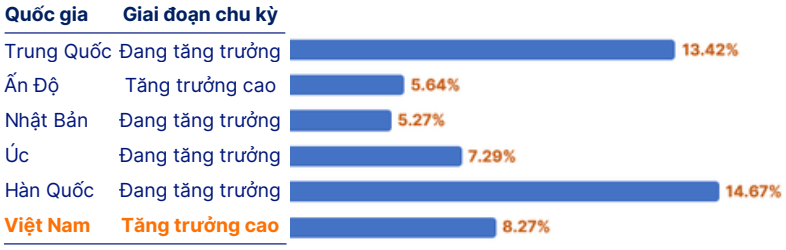
Thị trường dược phẩm Việt Nam dự kiến sẽ chứng kiến tốc độ tăng trưởng hỗn hợp trong giai đoạn 2025-2029. Bắt đầu từ mức 11,68% vào năm 2025, thị trường đạt đỉnh 13,42% vào năm 2027 và ổn định ở mức 12,13% vào năm 2029.

Tại khu vực châu Á, thị trường dược phẩm tại Việt Nam dự kiến sẽ mở rộng với tốc độ tăng trưởng cao 13,42% vào năm 2027. Nền kinh tế lớn nhất là Trung Quốc, tiếp theo là Ấn Độ, Nhật Bản, Úc và Hàn Quốc.

Dự báo tăng trưởng ngành dược phẩm Việt Nam



Thị trường dược phẩm: Việt Nam so với 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới năm 2027 (Châu Á)



Nguồn: 6WResearch

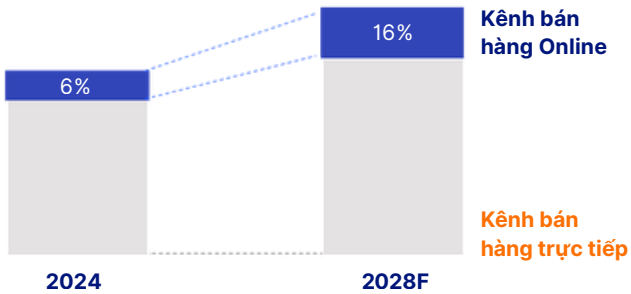
Thương mại điện tử đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phân phối dược phẩm.

Sự phát triển của thương mại điện tử cũng được dự đoán là một xu hướng không thể bỏ qua trong lĩnh vực phân phối dược phẩm.

Động lực chính

- **Các sáng kiến y tế số của Chính phủ Việt Nam**
- **Sự tiện lợi của các giải pháp kỹ thuật số và phân phối liền mạch**
- **Sự tăng trưởng theo cấp số nhân của việc sử dụng điện thoại thông minh**
- **Hiệu quả của mô hình phân phối truyền thống giảm sút**

Thị trường dược phẩm Việt Nam



- **TP.HCM và Hà Nội giữ vai trò dẫn dắt thị trường nhờ dân số đông, thu nhập cao và hạ tầng internet – logistics phát triển**. Nhận thức sức khỏe tăng nhanh đang thúc đẩy mạnh nhu cầu mua sắm y tế trực tuyến, đặc biệt với các sản phẩm chăm sóc sức khỏe dự phòng như vitamin, thực phẩm chức năng, dược liệu và vật dụng y tế thiết yếu.
- **Thị trường dược phẩm trực tuyến và thương mại điện tử y tế tại Việt Nam đang hình thành một hệ sinh thái sôi động, nơi doanh nghiệp trong nước và các nền tảng quốc tế cùng song hành.** Các chuỗi bán lẻ và đơn vị y tế như **Pharmacity, Long Châu (FPT Retail), An Khang (Thế Giới Di Động), Medigo, MyPharma, Jio Health, Hoàn Mỹ, DrugBank** kết hợp với các nền tảng TMĐT lớn như **TikiCare, Lazada Health, Shopee Health** và các doanh nghiệp công nghệ – viễn thông như **Viettel, Med247** đang không ngừng mở rộng độ phủ, chuẩn hóa dịch vụ và nâng cao trải nghiệm người dùng, qua đó từng bước định hình diện mạo của hệ sinh thái y tế số hiện đại tại Việt Nam.

Thị trường dược phẩm trực tuyến và thương mại điện tử chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam có giá trị 130 triệu USD, được thúc đẩy bởi việc ứng dụng chăm sóc sức khỏe kỹ thuật số, tỷ lệ sử dụng internet đạt 79% và nhu cầu ngày càng tăng đối với thuốc và thực phẩm chức năng trực tuyến.





03

CHƯƠNG 03

Động lực tăng trưởng của ngành

Nhân khẩu học, chi tiêu y tế, chính sách và đổi mới công nghệ dược

1 GIÀ HÓA DÂN SỐ

Dân số trên 60 tuổi

2025		2050F
14,5%	→	25%
(~15,1 triệu người)		(~25 triệu người)



Nhu cầu điều trị bệnh mạn tính (tim mạch, tiểu đường, ung thư) gia tăng

2 MỞ RỘNG BẢO HIỂM Y TẾ



Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế

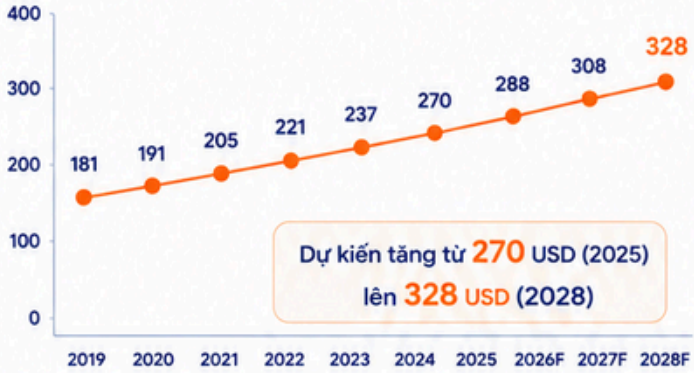
≥ 95%

dân số (Kế hoạch 2026)



3 THU NHẬP & CHI TIÊU Y TẾ NGÀY CÀNG GIA TĂNG

CHI TIÊU Y TẾ TRUNG BÌNH ĐẦU NGƯỜI (USD)



CHỈ SỐ CHÍNH NĂM 2025

- **23,2** tỷ USD — Chi tiêu y tế
- **4,6%** GDP — Chi tiêu y tế
- **9,5%** CAGR 5 năm

4 NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ SỨC KHỎE

- Quan tâm phòng bệnh & chăm sóc chủ động
- Nhu cầu thuốc, vitamin và thực phẩm chức năng tăng
- Ưu tiên sản phẩm chất lượng, an toàn
- Sẵn sàng chi tiêu cho sức khỏe

5 HỆ THỐNG Y TẾ PHÁT TRIỂN

1.191	371.220	139.583	147.596
bệnh viện (2025)	giường bệnh (2025)	bác sĩ (2025)	điều dưỡng (2025)

Mở rộng kênh ETC (bệnh viện), nâng cao chất lượng dịch vụ & tăng khả năng tiếp cận thuốc

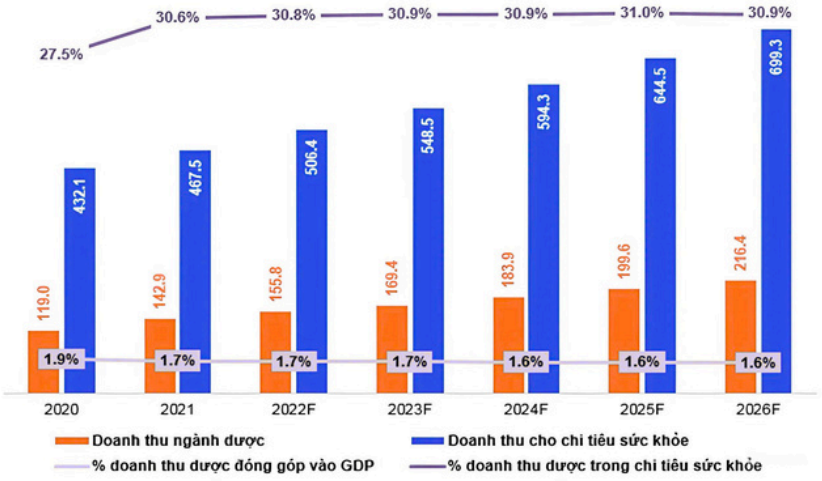
Nguồn: WHO, IQVIA, Bộ Y tế

Triển vọng tăng trưởng và Động lực thị trường

- **Tốc độ tăng trưởng hàng đầu khu vực:** Trong năm 2026, sản lượng dược phẩm tại Đông Nam Á dự kiến sẽ tăng trưởng, dẫn đầu là Việt Nam với mức tăng dự báo đạt 8,2%.
- **Đánh giá rủi ro tín dụng:** Triển vọng ngành dược phẩm của Việt Nam được đánh giá ở mức "Tốt", nghĩa là rủi ro tín dụng trong ngành ở mức lành tính và hiệu quả kinh doanh cao hơn xu hướng dài hạn. Ở bình diện khu vực Đông Nam Á, rủi ro tín dụng của ngành dược phẩm vẫn thuận lợi nhờ điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định.
- **Động lực thúc đẩy :** Sự tăng trưởng của thị trường y tế Việt Nam được thúc đẩy bởi sự gia tăng thu nhập của tầng lớp trung lưu, sự phát triển của hệ thống chăm sóc sức khỏe, và sự gia tăng vốn đầu tư từ cả trong nước và nước ngoài.



Theo Tổng cục Dân số, đến năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già với tỷ lệ người **trên 65 tuổi dự kiến chiếm 14% tổng dân số**. Xu hướng này tạo ra cơ hội lớn cho ngành dược do người cao tuổi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe cao hơn và mức sử dụng thuốc, dịch vụ y tế cũng tăng đáng kể so với nhóm tuổi lao động. Bên cạnh đó, tăng trưởng của ngành còn được thúc đẩy bởi sự gia tăng thu nhập bình quân và nhận thức về sức khỏe ngày càng cải thiện. Theo Statista, **tầng lớp trung lưu** dự kiến sẽ chiếm **khoảng 26% dân số** Việt Nam vào năm 2026.



Nguồn: Fintch Solution, GMP

Trong khi theo Fitch Solutions, chi tiêu dược phẩm bình quân đầu người được dự báo đạt khoảng 2,12 triệu đồng vào cùng thời điểm.

Xu hướng phát triển năm 2026

Ngành dược Việt Nam năm 2026 đang chuyển từ mở rộng số lượng sang nâng cao chất lượng, thông qua việc nâng cấp tiêu chuẩn sản xuất, tăng đầu tư R&D và cải thiện chất lượng thuốc nhằm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, qua đó hướng tới xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- **Chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ** trong toàn ngành với việc số hóa quy trình cấp phép, xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối hệ thống, giúp minh bạch hóa thị trường, kiểm soát thuốc giả và tối ưu hiệu quả quản lý.
- **Xu hướng nội địa hóa sản xuất được thúc đẩy** nhằm nâng cao năng lực tự chủ và giảm phụ thuộc nhập khẩu, tuy nhiên vẫn còn hạn chế do phụ thuộc nguyên liệu đầu vào và công nghệ sản xuất chưa cao.
- **Phân khúc thuốc generic tiếp tục giữ vai trò chủ đạo** nhờ giá thành phù hợp với thu nhập người dân, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh và duy trì tăng trưởng ổn định cho doanh nghiệp nội.
- **Hệ thống phân phối đang được hiện đại hóa** với sự mở rộng của các chuỗi nhà thuốc và mô hình bán hàng đa kênh, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp nhưng cũng gia tăng áp lực cạnh tranh đối với nhà thuốc nhỏ lẻ.
- **Ngành dược ngày càng hội nhập quốc tế** thông qua thu hút đầu tư, hoạt động M&A và chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao năng lực sản xuất và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- **Ngành đang từng bước dịch chuyển sang các sản phẩm công nghệ cao** như thuốc sinh học, vaccine và thuốc điều trị bệnh mãn tính, nhằm nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

1. XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ TẠI VIỆT NAM

So sánh đối chuẩn dân số theo khu vực từ năm 2024 đến năm 2029

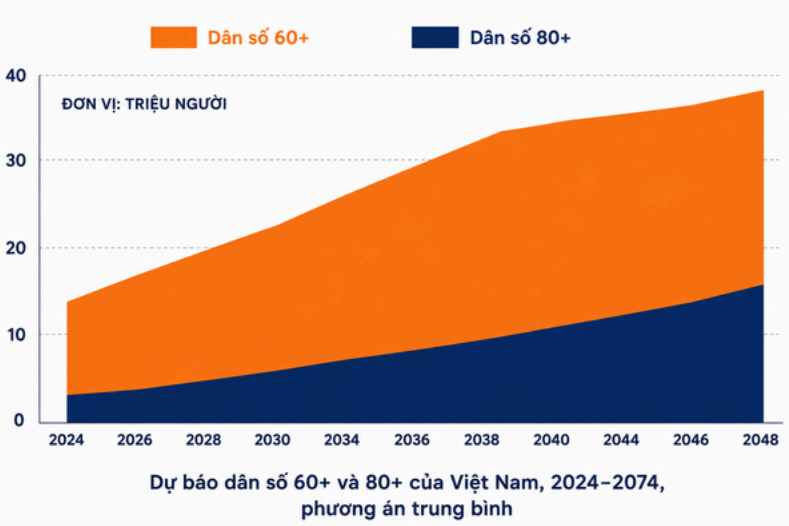
	Tuổi thọ trung bình			Tuổi thọ khi sinh			Tỷ lệ sinh		
	2024	2029	Δ	2024	2029	Δ	2024	2029	Δ
Singapore	43,3	45,3	+2,0	84,4	85,0	+0,6	7,1	6,9	-0,2
Thái Lan	40,7	42,5	+1,8	80,1	85,0	+4,9	8,6	8,3	-0,3
Việt nam	39,5	41,6	+2,1	74,9	75,7	+0,8	14,0	12,9	-1,1
Malaysia	31,2	32,9	+1,7	76,6	77,4	+0,8	14,6	13,5	-1,1
Indonesia	30,1	31,2	+1,1	71,2	71,9	+0,7	15,8	15,0	-0,8
Philippines	25,2	26,3	+1,1	72,4	72,9	+0,5	21,1	19,8	-1,3
Trung Quốc	39,5	41,6	+2,1	79,0	80,0	+1,0	7,4	7,1	-0,3

Nguồn: Tổng Cục Thống Kê; BMI Fitch Solutions, KPMG

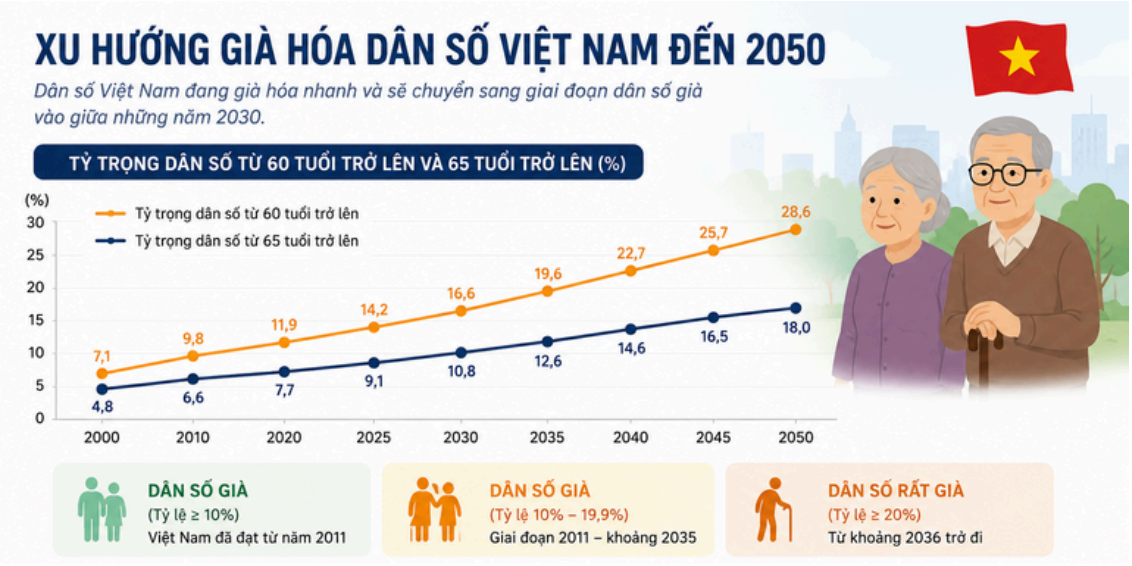
Già hóa dân số - Động lực tăng trưởng dài hạn của ngành dược

- Tính đến năm 2025, dân số Việt Nam ước đạt khoảng 101 triệu người, đứng thứ 15 thế giới về quy mô. Trong nhiều năm, Việt Nam được hưởng lợi từ giai đoạn cơ cấu dân số vàng, khi nhóm dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỷ trọng lớn và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, lợi thế này đang dần thu hẹp khi quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng, với tỷ lệ dân số từ 15–64 tuổi giảm xuống còn khoảng 67% tổng dân số.
- Theo các dự báo nhân khẩu học, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già từ khoảng năm 2035, khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên vượt ngưỡng 20% dân số. Đồng thời, tuổi thọ trung bình tiếp tục tăng trong khi tỷ suất sinh duy trì xu hướng giảm, khiến độ tuổi trung vị của dân số ngày càng cao.

Thời kỳ dân số già và siêu già được dự báo tại Việt Nam



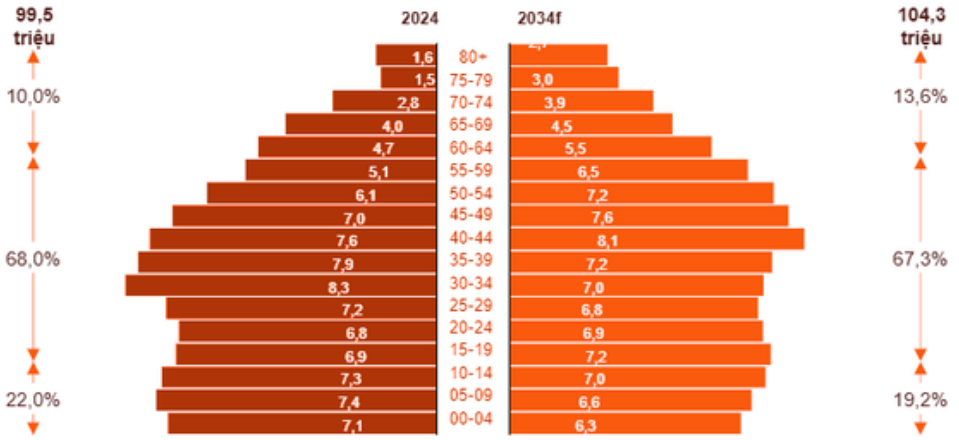
Dự báo dân số 60+ và 80+ của Việt Nam, 2024–2074, phương án trung bình



Sự chuyển dịch nhân khẩu học này sẽ thúc đẩy nhu cầu đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các nhóm thuốc điều trị bệnh mạn tính như tim mạch, tiểu đường, ung thư, thần kinh và các bệnh liên quan đến tuổi tác. Đây được xem là một trong những động lực tăng trưởng bền vững và dài hạn quan trọng nhất của ngành dược phẩm Việt Nam trong giai đoạn 2025–2035.

Nguồn: GSO, UNFPA, SHS tổng hợp.

Tổng dân số Việt Nam theo nhóm tuổi

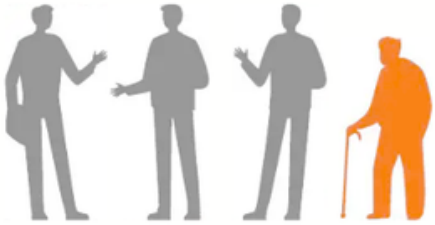


Nguồn: GSO, BMI, Fitch Solutions

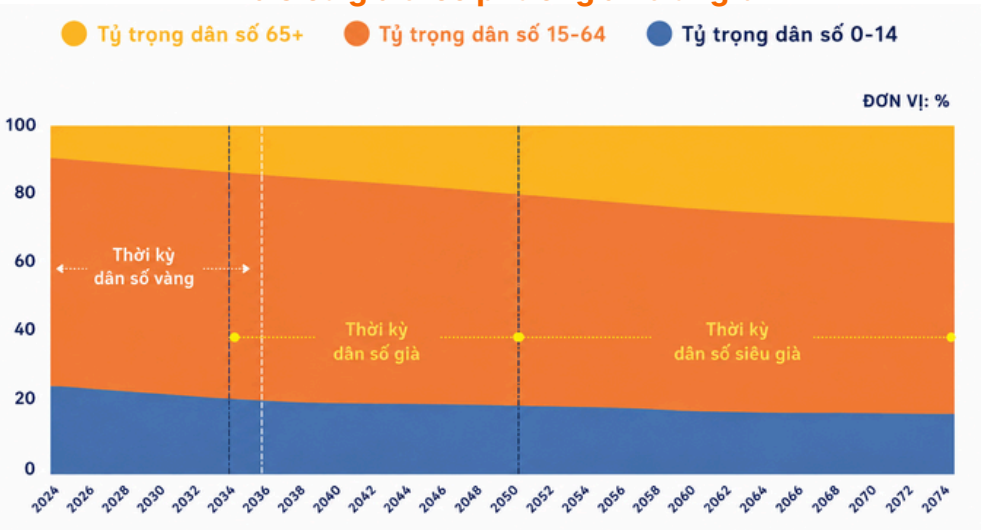
- **Việt Nam bước vào thời kỳ cơ cấu dân số vàng từ năm 2007 và dự kiến kết thúc vào năm 2036**, khi nhóm dân số trong độ tuổi lao động (15–64) duy trì quy mô lớn, gấp khoảng hai lần nhóm phụ thuộc. Đây là giai đoạn thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế, nhưng cũng là cơ hội không kéo dài.
- **Song song đó, quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh và rõ rệt.** Theo dự báo, số người từ 60 tuổi trở lên tăng từ 14,2 triệu năm 2024 lên 20,9 triệu năm 2034 và 27,5 triệu năm 2044. Đến năm 2074, con số này đạt khoảng 38,5 triệu, tương đương mức tăng gần 2,7 lần sau 50 năm, cho thấy áp lực già hóa ngày càng lớn.
- **Cơ cấu giới tính trong nhóm cao tuổi cũng có sự chênh lệch đáng kể:** phụ nữ luôn nhiều hơn nam giới, với khoảng cách dao động từ 1,9 đến 3,2 triệu người trong suốt giai đoạn. Đặc biệt, nhóm rất cao tuổi (80+) tăng nhanh nhất, từ khoảng 2 triệu người năm 2024 lên 15,4 triệu người vào năm 2074, tăng hơn 7 lần. Điều này đặt ra yêu cầu lớn về hệ thống chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội trong tương lai.

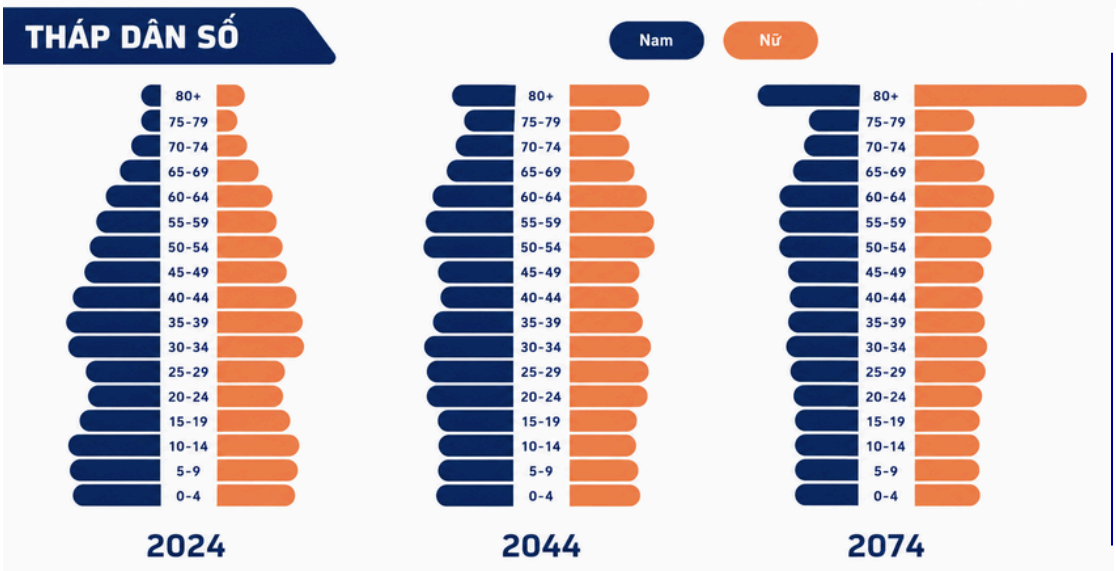


- **Sự thay đổi trong cơ cấu dân số đang định hình tương lai ngành dược phẩm tại Việt Nam.** Giai đoạn 2024–2028, dân số VN dự kiến sẽ tăng thêm khoảng 2,2 triệu người. Bên cạnh đó, quá trình già hóa dân số và gánh nặng bệnh mạn tính gia tăng đang thúc đẩy nhu cầu về các dịch vụ y tế chuyên sâu và các phương pháp điều trị hiện đại.
- **Xu hướng này không chỉ tạo động lực phát triển thị trường thuốc điều trị các bệnh liên quan đến tuổi tác** (như tim mạch, tiểu đường, ung thư...), mà còn mở ra cơ hội lớn để Việt Nam trở thành trung tâm thu hút các thử nghiệm lâm sàng quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên y tế cộng đồng.
- **Thị trường dược phẩm có thể sẽ chứng kiến sự gia tăng nhu cầu thuốc kê đơn**, đặc biệt trong nhóm thuốc điều trị dài hạn và chuyên biệt.



Dự báo thời kỳ cơ cấu dân số vàng, dân số già và siêu già theo phương án trung bình





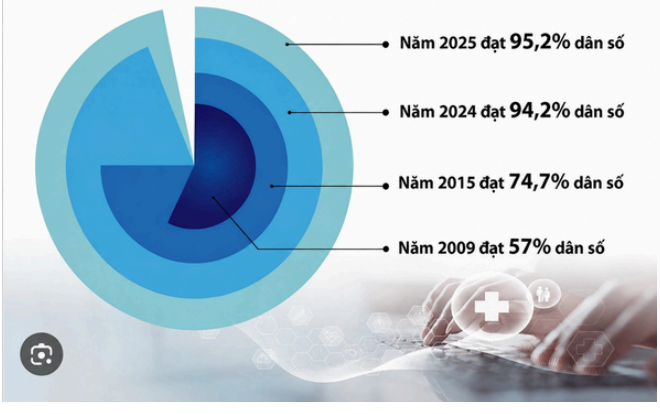
Nguồn: UNFPA

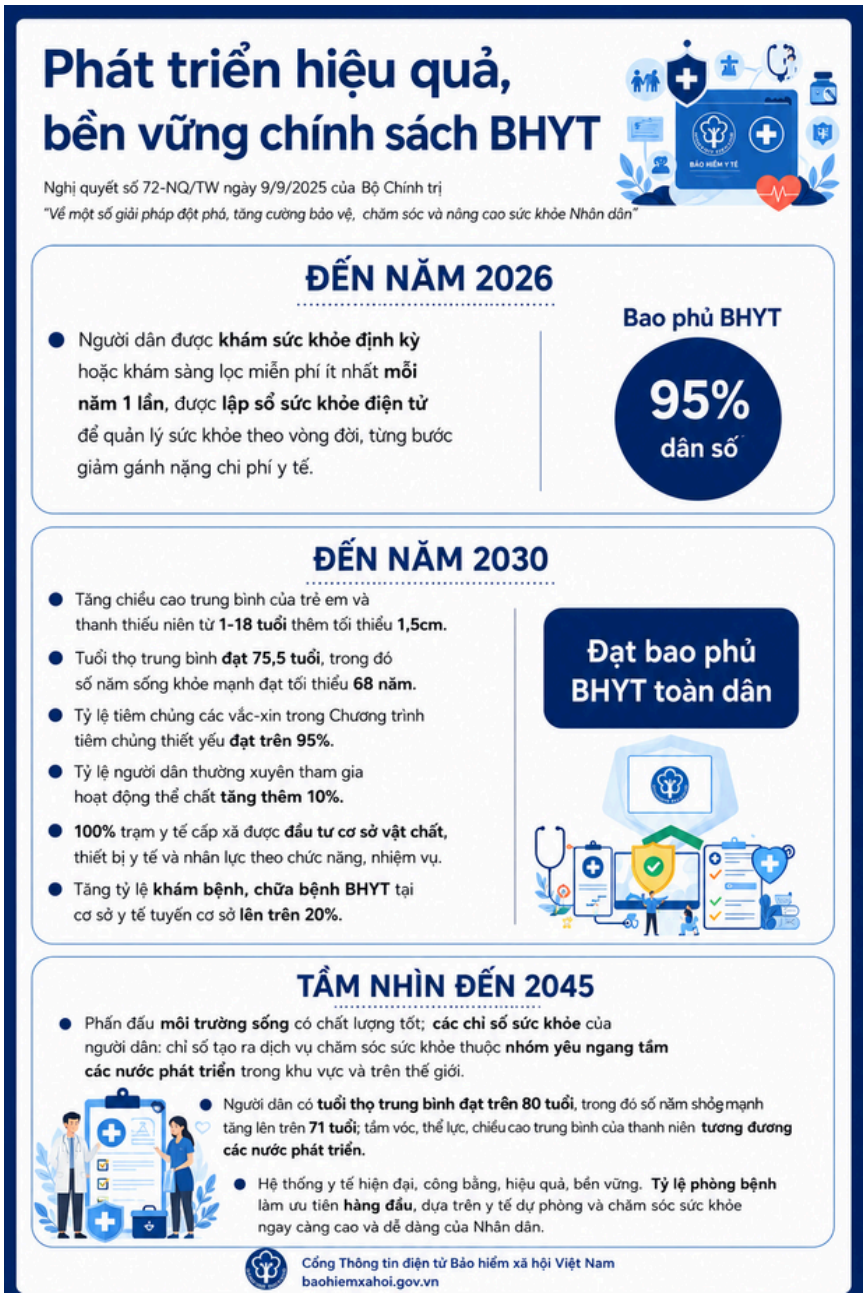
- Năm 2044, tháp dân số thu hẹp ở phần giữa và đáy, trong khi nhóm 65+ mở rộng so với 2024, cho thấy Việt Nam kết thúc thời kỳ dân số vàng và bước vào giai đoạn già hóa.
- Đến 2074, đáy tháp tiếp tục thu hẹp, đỉnh tháp (đặc biệt 80+) nở rộng mạnh, phản ánh cơ cấu dân số "siêu già". Phụ nữ chiếm tỷ lệ cao hơn trong nhóm cao tuổi, rõ nhất ở độ tuổi 80+.

2. BẢO HIỂM Y TẾ

- Tỷ lệ bao phủ BHYT tại Việt Nam tăng mạnh từ 57% năm 2009 lên 74,7% năm 2025, và đến cuối năm 2025 đã đạt **95,2% dân số**, vượt chỉ tiêu 0,16% theo Nghị quyết Đại hội XIII và hoàn thành sớm 5 năm so với mục tiêu đến 2030. Đây là mức cao nhất từ trước đến nay, được duy trì ổn định trên phạm vi cả nước, kể cả ở các vùng khó khăn, thể hiện sự phát triển bền vững và năng lực tổ chức thực hiện chính sách ngày càng hiệu quả.
- Thông qua BHYT, người dân được bảo đảm tiếp cận dịch vụ y tế, kỹ thuật cao. Hiện có hơn **13.000 cơ sở khám chữa bệnh ký hợp đồng BHYT**. Năm 2025 ghi nhận khoảng **195,5 triệu lượt khám chữa bệnh** với tổng chi phí đề nghị thanh toán khoảng **161.628 tỷ đồng**. Quyền lợi BHYT ngày càng mở rộng, bao gồm hơn **10.000 dịch vụ kỹ thuật, trên 1.000 hoạt chất thuốc và nhiều vật tư y tế**.
- Các định hướng trong **Nghị quyết 72-NQ/TW và Chỉ thị 52-CT/TW** tập trung nâng tỷ lệ tham gia bằng cách cải thiện chất lượng dịch vụ và mở rộng quyền lợi. Mục tiêu đến **năm 2027 có 20% lượt khám chữa bệnh BHYT** tại tuyến xã, đồng thời mở rộng chi trả cho y tế dự phòng, sàng lọc, quản lý bệnh mãn tính và hướng tới miễn viện phí cơ bản trong phạm vi BHYT.
- Bên cạnh đó, hệ thống dịch vụ công trực tuyến tiếp tục được hoàn thiện với **70 dịch vụ toàn trình, 100% tích hợp** trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Hơn **91% hồ sơ** (khoảng 113,57 triệu) được xử lý điện tử. Việc sử dụng thẻ BHYT điện tử qua VssID, VNeID giúp đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và tạo thuận lợi cho cả người dân và cơ sở y tế.

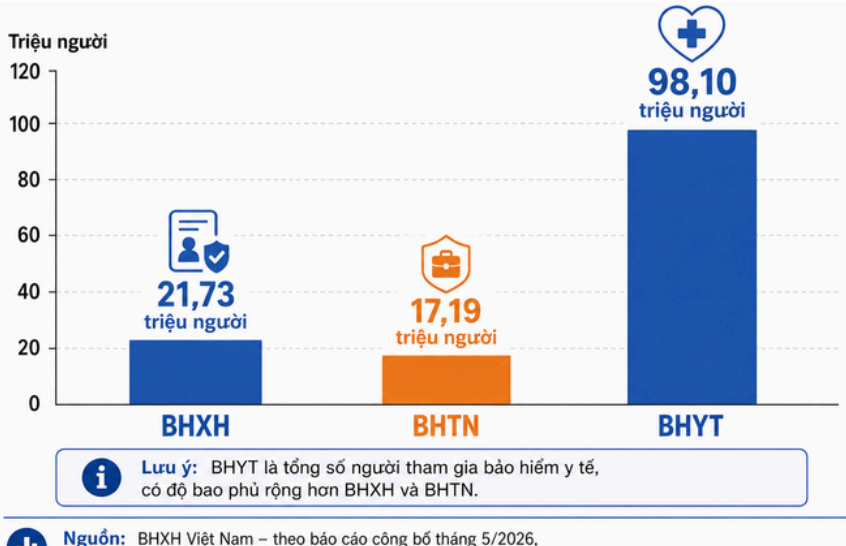
MỨC ĐỘ BAO PHỦ BẢO HIỂM Y TẾ QUA CÁC NĂM





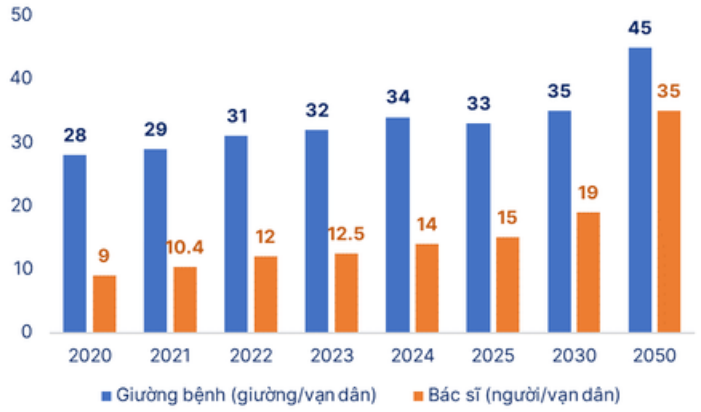
SỐ NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN TẠI VIỆT NAM

(Tính đến hết tháng 04/2026)

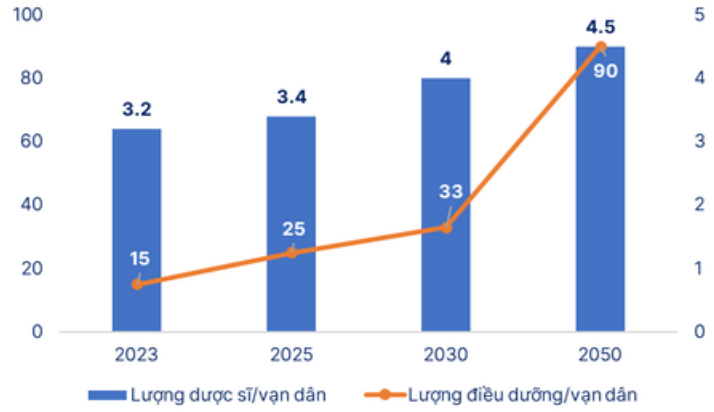


Nguồn: BHXH Việt Nam – theo báo cáo công bố tháng 5/2026, số liệu tính đến hết tháng 4/2026.

Số liệu thống kê Giường bệnh & Bác sỹ tại Việt Nam



Số liệu thống kê Dược sỹ và Điều dưỡng tại Việt Nam

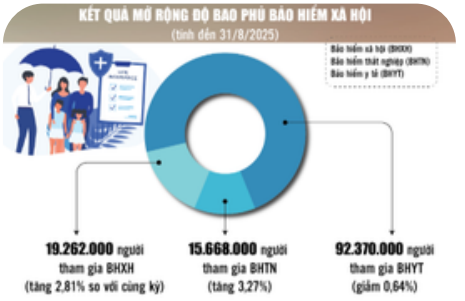


Nguồn: Bộ Y tế, VIRAC , SHS tổng hợp

- **Khung pháp lý y tế 2025 tạo cú hích mạnh cho nhu cầu và khả năng chi trả.** Luật BHYT sửa đổi (hiệu lực 7/2025) mở rộng chi trả cho khám chữa bệnh tại nhà và cho phép bệnh hiểm nghèo khám vượt tuyến vẫn hưởng 100%, giúp tăng khả năng tiếp cận dịch vụ và kích cầu toàn hệ thống. Song song, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện các luật nền tảng (An toàn thực phẩm, Phòng bệnh, Dân số), tạo khung chính sách dài hạn cho ngành y tế.
- **Quy hoạch mạng lưới y tế 2021–2030 định hướng mở rộng cả công và tư.** Quyết định 201/QĐ-TTg đóng vai trò kim chỉ nam cho phát triển hệ thống y tế, tập trung nâng chất lượng và quy mô cơ sở khám chữa bệnh, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia sâu hơn nhằm giảm tải cho y tế công lập.
- **Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng mạnh do già hóa dân số và gia tăng bệnh mạn tính.** Tỷ lệ bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, tiểu đường...) gia tăng, cùng định hướng quốc gia về khám sức khỏe định kỳ toàn dân, đang tạo nền cầu dài hạn và bền vững cho dịch vụ y tế.

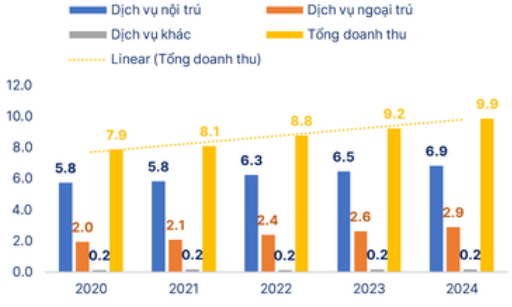
Nguồn cung bệnh viện tăng nhưng vẫn thiếu, đặc biệt về nhân lực. Đến cuối năm 2025, Việt Nam có khoảng 1.300 bệnh viện công và hơn 420 bệnh viện tư, song vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Nhân lực y tế tiếp tục là điểm nghẽn lớn: bác sĩ đạt ~15 người/10.000 dân năm 2025, điều dưỡng chỉ 18 người/10.000 dân, thấp xa so với chuẩn quốc tế. Dù mạng lưới tiếp tục mở rộng, năng lực cung ứng vẫn chưa theo kịp nhu cầu khám chữa bệnh gia tăng nhanh.

- **Nhu cầu chăm sóc sức khỏe duy trì tăng trưởng:** Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt khoảng 95,2% dân số, Quỹ BHYT chi khoảng 143 nghìn tỷ đồng cho khám chữa bệnh trong năm 2025, phản ánh nhu cầu khám chữa bệnh tiếp tục mở rộng.
- **Giá dịch vụ y tế tiếp tục được điều chỉnh theo hướng tính đúng, tính đủ:** Triển khai Thông tư 21/2024/TT-BYT giúp bệnh viện từng bước nâng cao khả năng tự chủ tài chính và cải thiện nguồn thu, đồng thời thúc đẩy xã hội hóa đầu tư y tế.
- **Áp lực chi phí vẫn ở mức cao:** Chi phí nhân sự tăng theo lộ trình cải cách tiền lương; khoảng 90% thiết bị y tế và phần lớn nguyên liệu dược phẩm vẫn phụ thuộc nhập khẩu, khiến biên lợi nhuận chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá và giá đầu vào toàn cầu.

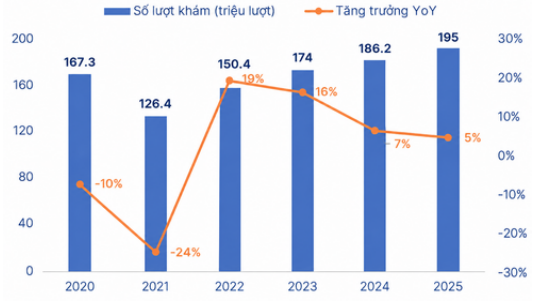




Doanh thu hoạt động y tế tại Việt Nam (2020-2024, tỷ USD)



Số lượt khám bệnh theo BHYT (2020-2025, triệu lượt)

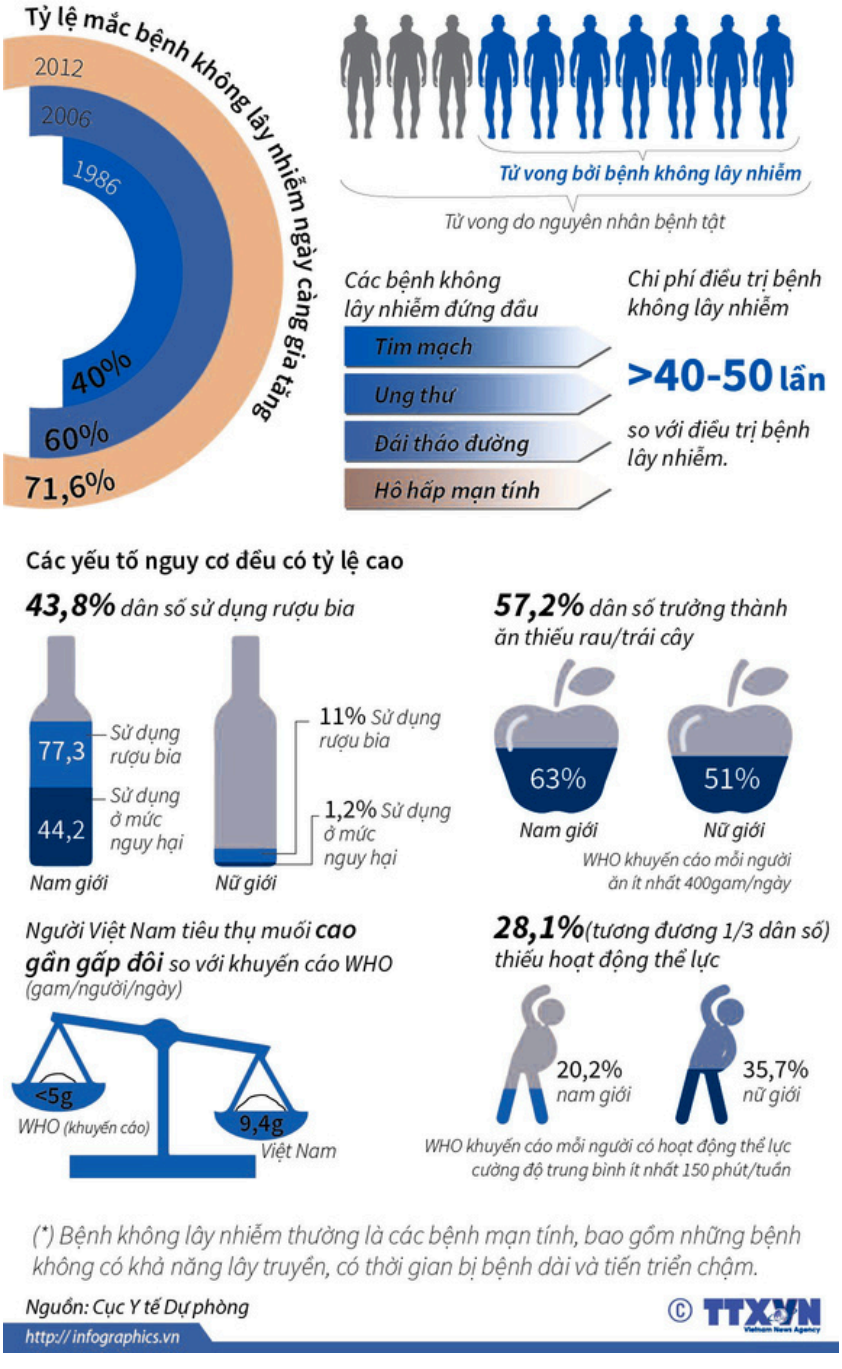


3. GÁNH NẶNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM (NCDS)

BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM

Nguyên nhân của 77% số ca tử vong

Việt Nam đang phải đối mặt với gánh nặng "kép" về bệnh tật. Trong khi tỷ lệ mắc các bệnh truyền nhiễm đang giảm thì tỷ lệ mắc các bệnh không lây nhiễm (*) ngày càng tăng.



Thay đổi hành vi tiêu dùng và chi tiêu y tế

Nhu cầu dược phẩm tại Việt Nam tiếp tục tăng nhờ già hóa dân số và tỷ lệ mắc bệnh không lây nhiễm ngày càng cao. Theo Fitch Solutions, chi tiêu dược phẩm bình quân đầu người dự báo tăng từ 1,46 triệu đồng (2021) lên **2,12** triệu đồng (2026), tương ứng CAGR khoảng 7,8%. Trong khi đó, các bệnh không lây nhiễm chiếm khoảng **77%** tổng số ca tử vong, thúc đẩy nhu cầu sử dụng thuốc điều trị dài hạn đối với các bệnh tim mạch, đái tháo đường, ung thư và bệnh hô hấp mạn tính, tạo động lực tăng trưởng bền vững cho ngành dược.

Số lượng bệnh nhân mắc tiểu đường, tim mạch và các bệnh mãn tính khác tại Việt Nam tiếp tục tăng mạnh trong giai đoạn 2025–2026, kéo theo nhu cầu sử dụng thuốc điều trị chuyên khoa và thuốc chất lượng cao tăng tương ứng. Đây là một trong những động lực tăng trưởng chính của ngành dược phẩm Việt Nam, vốn được dự báo đạt quy mô 10 tỷ USD vào năm 2026.

Quy mô gánh nặng bệnh không lây nhiễm

Chỉ số	Giá trị
Số người mắc đái tháo đường	~7 triệu người
Tỷ lệ biến chứng tiểu đường	> 55%
Người mắc bệnh tim mạch	~1,6 triệu người
Tử vong do tim mạch/năm	> 100.000 ca

Nguồn: IMARC Group, VCCI/Vietnam Report, Tititada Academy (2025).

Số liệu từ doanh nghiệp dược niêm yết cho thấy phân khúc thuốc điều trị bệnh không lây nhiễm có tốc độ tăng trưởng cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng chung của toàn ngành (9%/năm).

Tốc độ tăng trưởng theo phân khúc (CAGR)

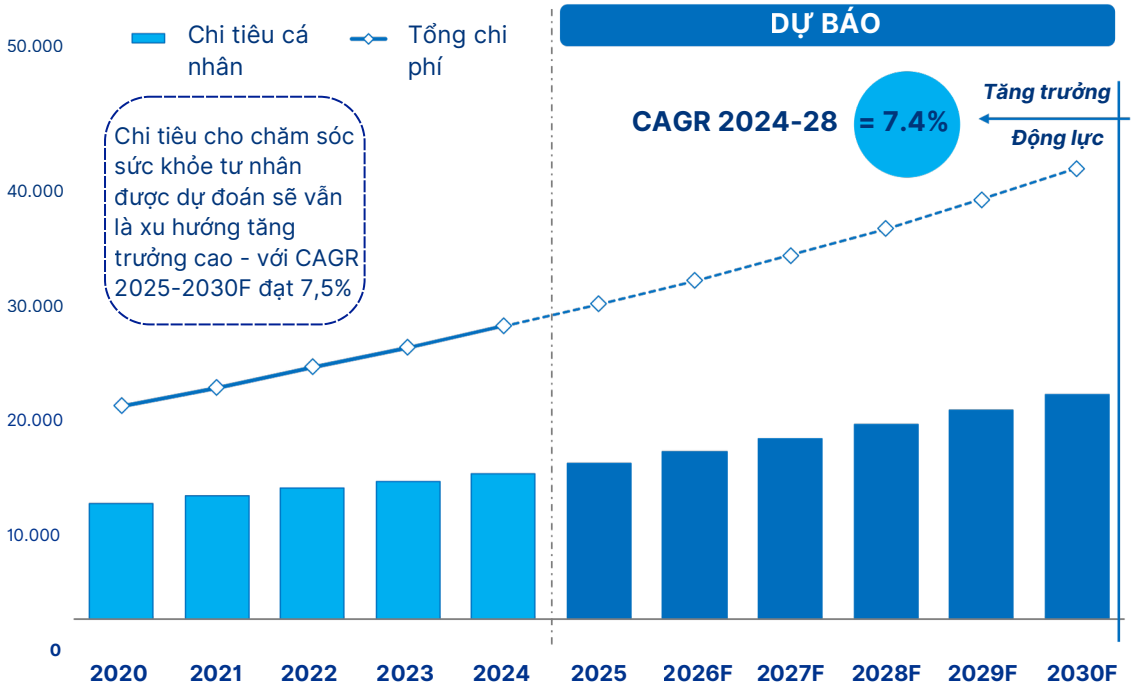
Phân khúc	CAGR
Thuốc điều trị tiểu đường	13%/năm
Nhóm tiêu hóa, tim mạch, tiểu đường (gộp)	> 8%/năm (5 năm qua)
Kênh ETC (bệnh viện, thuốc kê đơn)	8,4%/năm
Kênh OTC (nhà thuốc)	6,6–6,8%/năm
Toàn ngành dược phẩm	6–9%/năm

Nguồn: Imexpharm (ĐHĐCĐ 2025); Tititada Academy (2025); Stellapharm (2025); VIRAC (2025).

- Quy mô riêng các phân khúc thuốc tiêu hóa, tim mạch và tiểu đường mà IMP đang mở rộng được công ty ước tính hơn **50 nghìn tỷ đồng (tương đương 2 tỷ USD)**, chiếm khoảng 20–22% tổng quy mô thị trường dược Việt Nam. Đây là minh chứng rõ ràng việc bệnh không lây nhiễm đang định hình lại cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp dược.
- Ở cấp độ toàn cầu, theo IQVIA, thuốc đặc trị (specialty drugs) dự kiến chiếm **43%** và thuốc sinh học chiếm **35%** thị trường dược phẩm thế giới. Xu hướng này đang được các doanh nghiệp dược Việt Nam (IMP, DHG...) đón đầu thông qua đầu tư R&D vào thuốc tương đương sinh học và dạng bào chế phức tạp.

4. THU NHẬP & CHI TIÊU Y TẾ NGÀY CÀNG GIA TĂNG

Chi tiêu chăm sóc sức khỏe (triệu USD) tại Việt Nam, 2019 - 2028F



Nhân khẩu học thuận lợi

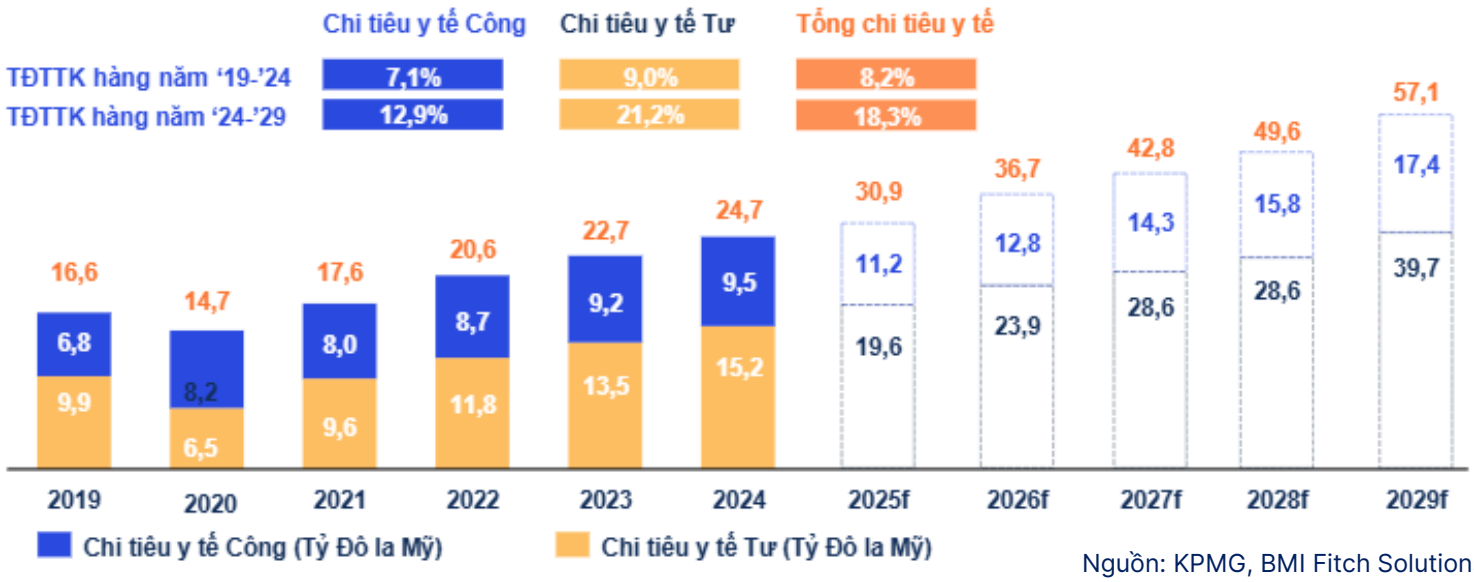
- Tăng trưởng GDP vững chắc, thu nhập khả dụng và chi tiêu hộ gia đình (20% chi tiêu hộ gia đình ở các thành phố lớn là dành cho sức khỏe).
- Sự chuyển dịch dân số từ thời kỳ vàng sang thời kỳ già hóa: Theo Liên Hợp Quốc, Việt Nam đang bước vào giai đoạn dân số già hóa nhanh hơn.

Nhu cầu về sức khỏe ngày càng tăng

- Nâng cao nhận thức và giáo dục về sức khỏe và hạnh phúc là khuyến khích nhiều người tìm kiếm dịch vụ chăm sóc y tế, dịch vụ phòng ngừa và bảo hiểm y tế.

Nguồn: FiinGroup, BMI, SHS tổng hợp

Chi tiêu y tế công và tư tại Việt Nam giai đoạn 2019-2029 (tỷ USD)



Nguồn: KPMG, BMI Fitch Solutions

Chi tiêu y tế tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt ở khu vực tư nhân

- Chi tiêu y tế tại Việt Nam được dự báo tăng từ 24,7 tỷ USD năm 2024 lên **57,1 tỷ USD năm 2029**, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 18,3%/năm, cao hơn đáng kể so với mức 8,2% trong giai đoạn 2019–2024. Động lực tăng trưởng đến từ sự gia tăng thu nhập, mở rộng tầng lớp trung lưu, nhận thức cao hơn về chăm sóc sức khỏe và nhu cầu ngày càng lớn đối với các dịch vụ y tế và dược phẩm chất lượng cao.
- Đáng chú ý, chi tiêu y tế tư nhân đang tăng trưởng nhanh hơn y tế công. Giai đoạn 2024–2029, chi tiêu y tế tư nhân được dự báo tăng trưởng khoảng **21,2%/năm,** cao hơn đáng kể so với mức 12,9%/năm của y tế công. Xu hướng này phản ánh nhu cầu ngày càng cao đối với dịch vụ y tế chất lượng tốt hơn, đồng thời mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, dược phẩm và chăm sóc sức khỏe tư nhân.

4. THU NHẬP & CHI TIÊU Y TẾ NGÀY CÀNG GIA TĂNG

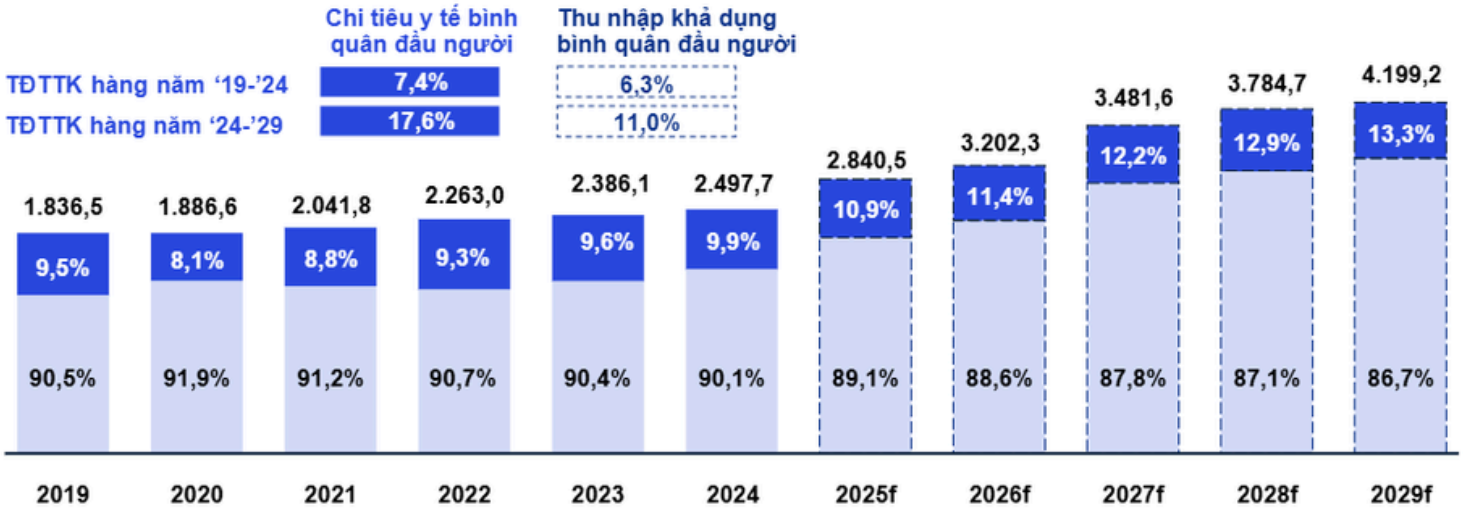
Các chỉ số chính của hệ thống y tế Việt Nam năm 2025

Chỉ tiêu	Năm 2025
Chi tiêu y tế (tỷ USD)	23,2
Chi tiêu y tế (% GDP)	4,6%
Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) chi tiêu y tế theo nội tệ giai đoạn 5 năm (%)	9,5%
Tổng số bệnh viện	1.191
Tổng số giường bệnh	371.220
Tổng số bác sĩ	139.583
Tổng số điều dưỡng	147.596

Nguồn: SHS tổng hợp

- **Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng ổn định:** Việt Nam có 1.172 bệnh viện và 3,6 giường bệnh/1.000 dân (2024); hệ thống y tế công – tư tiếp tục được mở rộng.
- **Bệnh không lây nhiễm gia tăng:** Tim mạch, đột quỵ, ung thư và đái tháo đường hiện là nhóm bệnh chủ yếu, chiếm khoảng 80% số ca tử vong, thúc đẩy nhu cầu khám chữa bệnh và sử dụng thuốc.
- **Ngành dược thu hút FDI:** Khoảng 30% doanh nghiệp dược có vốn nước ngoài; thuốc nhập khẩu vẫn chiếm trên 50% giá trị thị trường, song doanh nghiệp nội địa đang tăng cường hợp tác quốc tế.
- **M&A tiếp tục sôi động:** Các tập đoàn như Abbott, Taisho, Sanofi mở rộng hiện diện, góp phần nâng cao năng lực R&D, quản trị và sản xuất của doanh nghiệp dược Việt Nam.

Thu nhập khả dụng và chi tiêu chăm sóc sức khỏe bình quân đầu người tại Việt Nam từ năm 2019 đến năm 2029 (tỷ USD)



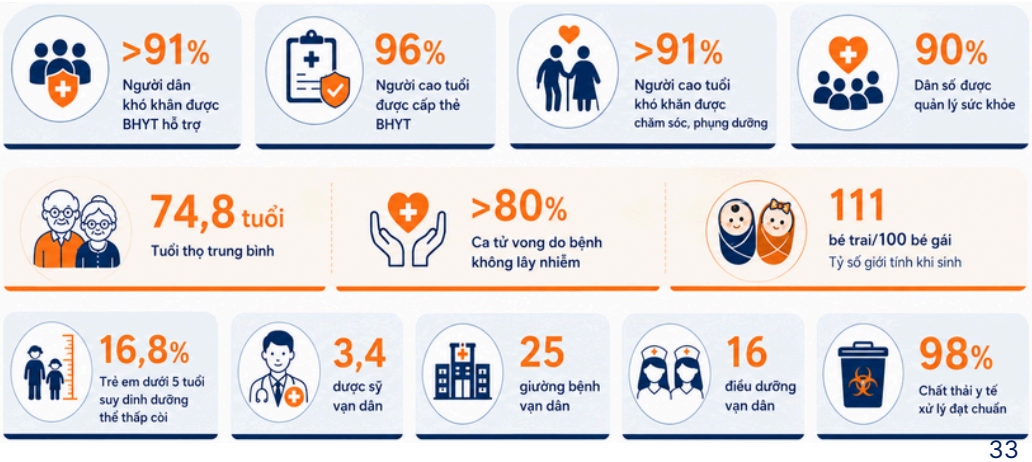
Nguồn: KPMG, BMI Fitch Solutions

Chi tiêu y tế đang tăng nhanh hơn thu nhập của người dân

- Trong giai đoạn 2024–2029, chi tiêu y tế bình quân đầu người tại Việt Nam được dự báo tăng trưởng khoảng 17,6%/năm, cao hơn đáng kể so với mức tăng 11,0%/năm của thu nhập khả dụng bình quân đầu người. Điều này cho thấy chi phí chăm sóc sức khỏe đang gia tăng nhanh hơn khả năng tăng thu nhập của người dân, qua đó tạo áp lực ngày càng lớn lên ngân sách hộ gia đình.
- Xu hướng này được phản ánh rõ qua tỷ lệ chi tiêu y tế trên thu nhập khả dụng, tăng liên tục từ 8,1% năm 2020 lên 9,9% năm 2024 và dự kiến đạt khoảng 13,3% vào năm 2029. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, già hóa dân số và chi phí điều trị không ngừng gia tăng.

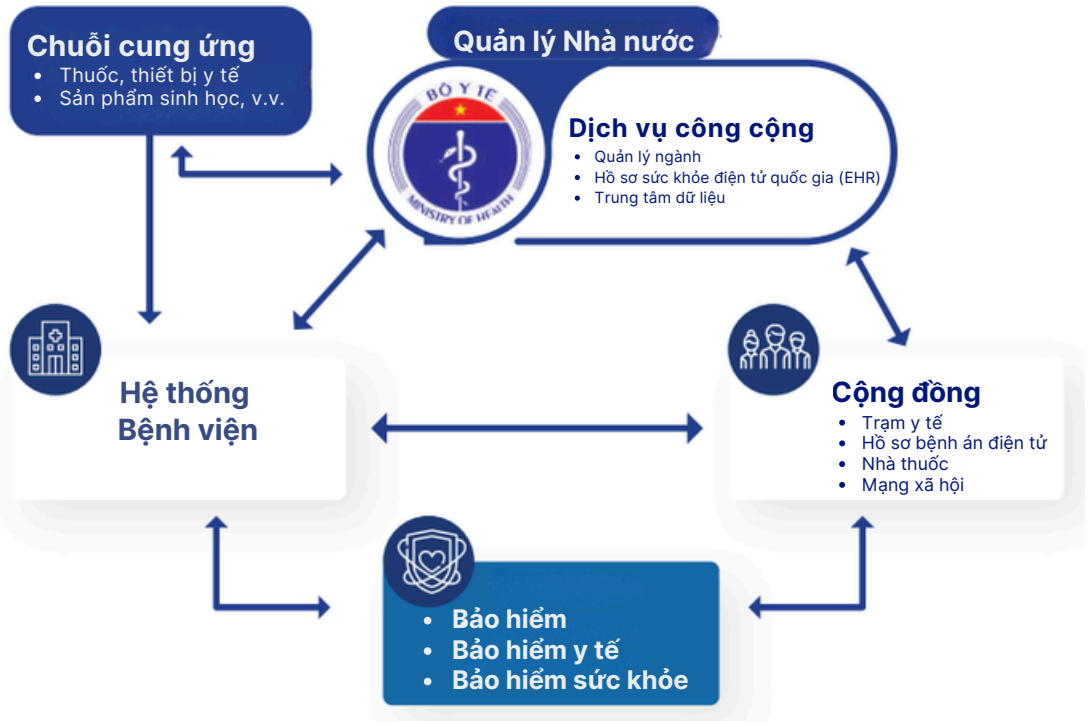
Một số chỉ tiêu về y tế trong năm 2026

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NĐ-CP ngày 8/1/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

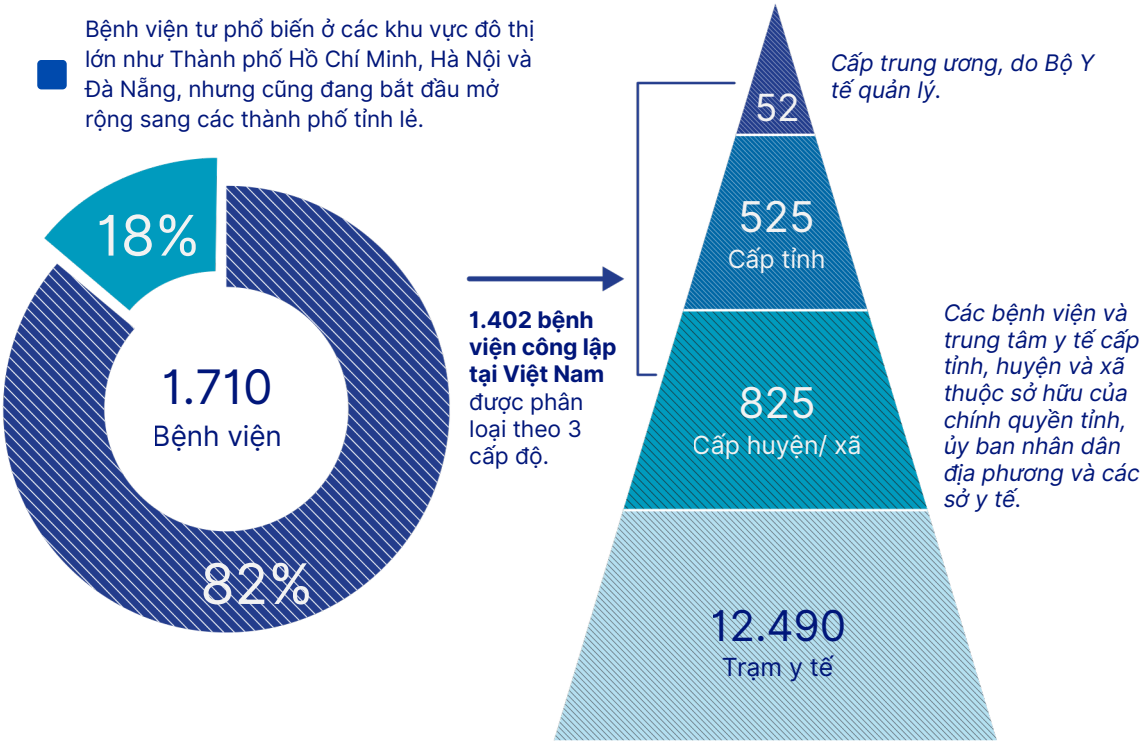


5. HỆ THỐNG Y TẾ PHÁT TRIỂN

Hệ thống y tế tại Việt Nam



Các bệnh viện công đang đối mặt với thách thức về nhu cầu dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng, dẫn đến tình trạng quá tải, đồng thời phải đối mặt với quyền tự chủ tài chính ngày càng lớn. Trong khi đó, các bệnh viện tư nhân phải đối mặt với kỳ vọng về chất lượng chăm sóc và dịch vụ cao hơn cũng như sự cạnh tranh ngày càng tăng, bao gồm cả từ các nhà đầu tư nước ngoài. Những xu hướng này trong cả khu vực công và tư đang dẫn đến những nỗ lực tận dụng công nghệ kỹ thuật số để nâng cao hiệu quả và thúc đẩy kiểm soát chi phí mà không ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc bệnh nhân.



Nguồn: GSO, Bộ Y tế, SHS tổng hợp

Gia tăng áp lực lên hệ thống bệnh viện công lập, vốn là lực lượng nòng cốt đang gánh vác phần lớn trách nhiệm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân Việt Nam, cả về quy mô tiếp nhận bệnh nhân lẫn vai trò bảo đảm an sinh xã hội.

5. HỆ THỐNG Y TẾ PHÁT TRIỂN

Bức tranh ngành Y tế Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030

Quy mô thị trường
Doanh thu năm 2026 ước đạt 11,54 tỷ USD, +7,65% YoY; 6.2% CAGR từ 2023

Bảo hiểm y tế
> 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế quốc gia

Tập trung vào nghiên cứu & phát triển
Khoảng 200 BV đang tham gia vào các thử nghiệm lâm sàng

Phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu vật tư y tế
Khoảng 89,7% nhu cầu thiết bị y tế trong nước được nhập khẩu

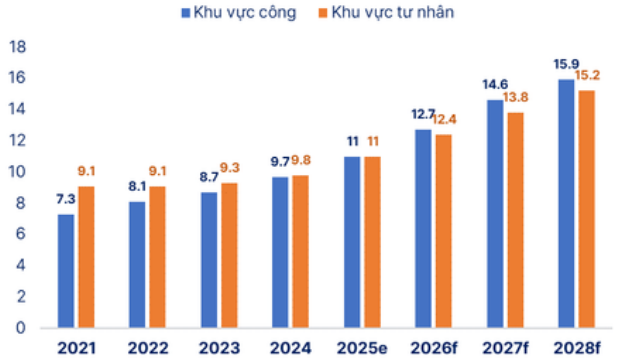
Bộ Y tế là cơ quan chủ quản
Chiếm 75% nhu cầu địa phương

Triển vọng dài hạn "Tích cực"
Kỳ vọng tăng trưởng bền vững nhờ triển khai luật mới (Thiết bị y tế, Người cao tuổi, Luật Dân số)

Bệnh viện công chiếm tỷ trọng lớn
82% bệnh viện là bệnh viện công và 18% là tư nhân

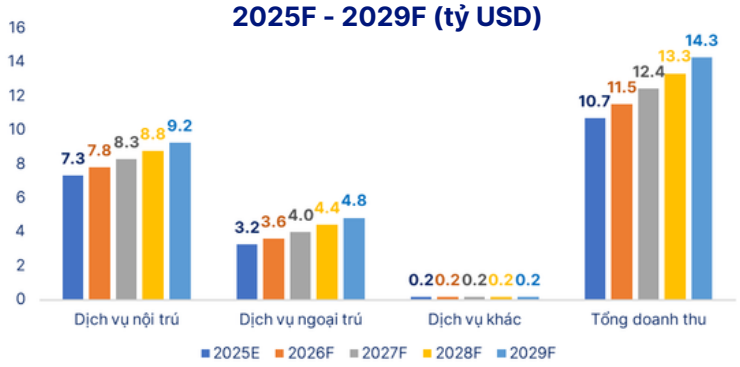
Sự xuất hiện của nhiều thương hiệu lớn
Các tập đoàn đa quốc gia như Siemens và Philips đã thiết lập hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Chi phí chăm sóc sức khỏe (tỷ USD)



Nguồn: KPMG

Doanh thu từ hoạt động y tế tại Việt Nam 2025F - 2029F (tỷ USD)



Nguồn: Statista, VIRAC, SHS tổng hợp

Tương lai ngành Y tế Việt Nam

Tăng trưởng, Đổi mới sáng tạo & Đầu tư

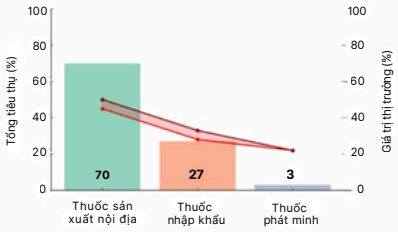
Ngành Dược phẩm

Giá trị thị trường dự kiến năm 2024: **$7 tỷ**

Kim ngạch nhập khẩu: **$3,5 tỷ**

Mục tiêu của Việt Nam đến năm 2030

SẢN XUẤT	XUẤT KHẨU
Đáp ứng **80%** nhu cầu nội địa	**$1 tỷ**
Chủ động **20%** về nguyên liệu	giá trị dự kiến



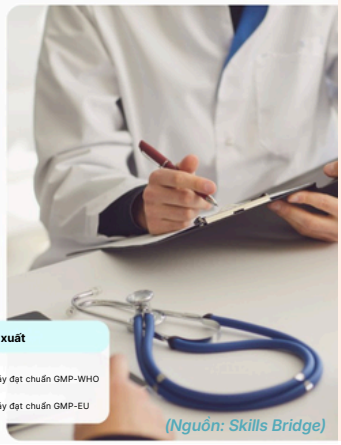
Bệnh viện & chuyển đổi số

Lĩnh vực bệnh viện **$14,3 tỷ** *dự báo năm 2029*

- Tăng trưởng dân số
- Cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ y tế

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG Y TẾ

- Hồ sơ Bệnh án Điện tử (EMR)
- Khám chữa bệnh từ xa
- Chẩn đoán bằng AI



(Nguồn: Skills Bridge)

Triển vọng Chính sách & Đầu tư

Luật & ưu đãi đầu tư

- Bộ Y tế sửa đổi Luật ngành Dược phẩm để thu hút đầu tư công nghệ cao.
- Các ưu đãi hỗ trợ phát triển dạng bào chế công nghệ cao và chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc.

Năng lực sản xuất

230 nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO
30 nhà máy đạt chuẩn GMP-EU

01 **Ngành Y tế tập trung đột phá chính sách với hai trọng tâm**: khám sức khỏe định kỳ toàn dân từ 2026 và miễn viện phí toàn dân theo lộ trình 2030-2035, chuyển từ chữa bệnh sang phòng bệnh, lấy người dân làm trung tâm.

02 **Hoàn thiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh, các luật nền tảng liên quan**, cải cách đấu thầu – mua sắm y tế, tăng phân cấp cho bệnh viện gắn với trách nhiệm giải trình và giám sát độc lập.

03 **Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao là ưu tiên chiến lược**, với mục tiêu đến 2030 đạt 15 bác sĩ/vạn dân, chuẩn hóa đào tạo theo chuẩn khu vực, gắn đào tạo với thực hành và xây dựng văn hóa y tế mới dựa trên y đức và quản trị chuyên nghiệp.

04 **Ngành Y tế định hướng phát triển theo chiều sâu và công nghệ cao, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện**, ứng dụng AI trong chẩn đoán – điều trị, xây dựng dữ liệu y tế quốc gia và mở rộng chăm sóc sức khỏe cá nhân hóa, khám chữa bệnh từ xa.

05 **Đầu tư tài chính y tế được tăng cường với tỷ trọng ngân sách 8-9% giai đoạn 2025-2030**, kết hợp xã hội hóa có kiểm soát, thúc đẩy PPP và phát triển công nghiệp dược, thiết bị y tế trong nước.

06 **Tầm nhìn đến 2045 hướng tới một hệ thống y tế hiện đại, công bằng, xanh và bền vững**, trong đó sức khỏe người dân là nền tảng của hạnh phúc, thịnh vượng và năng lực cạnh tranh quốc gia.



CHƯƠNG 04

Phân khúc ngành

Kênh ETC và OTC - đặc điểm, quy mô và triển vọng của từng phân khúc

Tổng quan thị trường năm 2025

Quy mô thị trường

Quy mô và tăng trưởng thị trường: Năm 2025, thị trường dược Việt Nam được dự báo đạt khoảng 7,5-8 tỷ USD, tiếp tục nằm trong nhóm thị trường tăng trưởng nhanh nhất ASEAN với mức tăng trưởng cao một chữ số. Tăng trưởng ngành được thúc đẩy bởi 3 động lực chính:

(1) Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng do tốc độ già hóa dân số nhanh và tỷ lệ bệnh mãn tính cao;

(2) Chính sách tăng đầu tư công cho y tế và bảo hiểm;

(3) Sự mở rộng của các chuỗi nhà thuốc hiện đại và phân phối dược phẩm qua kênh chính ngạch.

Xu hướng chính năm 2025

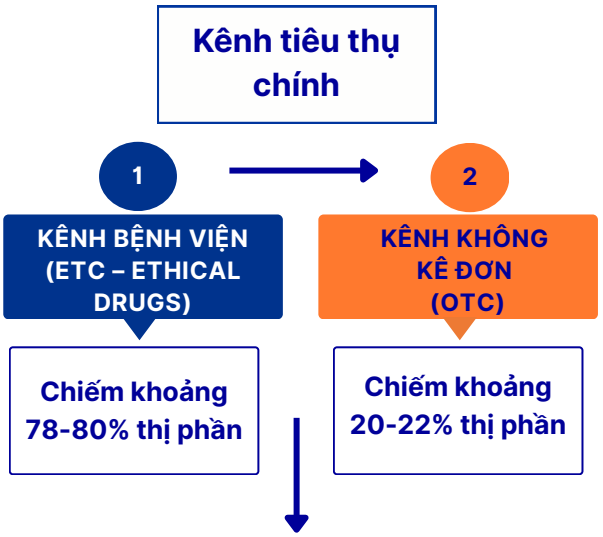
(1) Thuốc nội địa chuẩn cao tăng nhanh, tập trung generic chất lượng và biosimilar.

(2) Chuỗi nhà thuốc hiện đại mở rộng, kênh phân phối được chuẩn hóa.

(3) Nhu cầu thuốc mãn tính và chuyên khoa tiếp tục tăng mạnh.

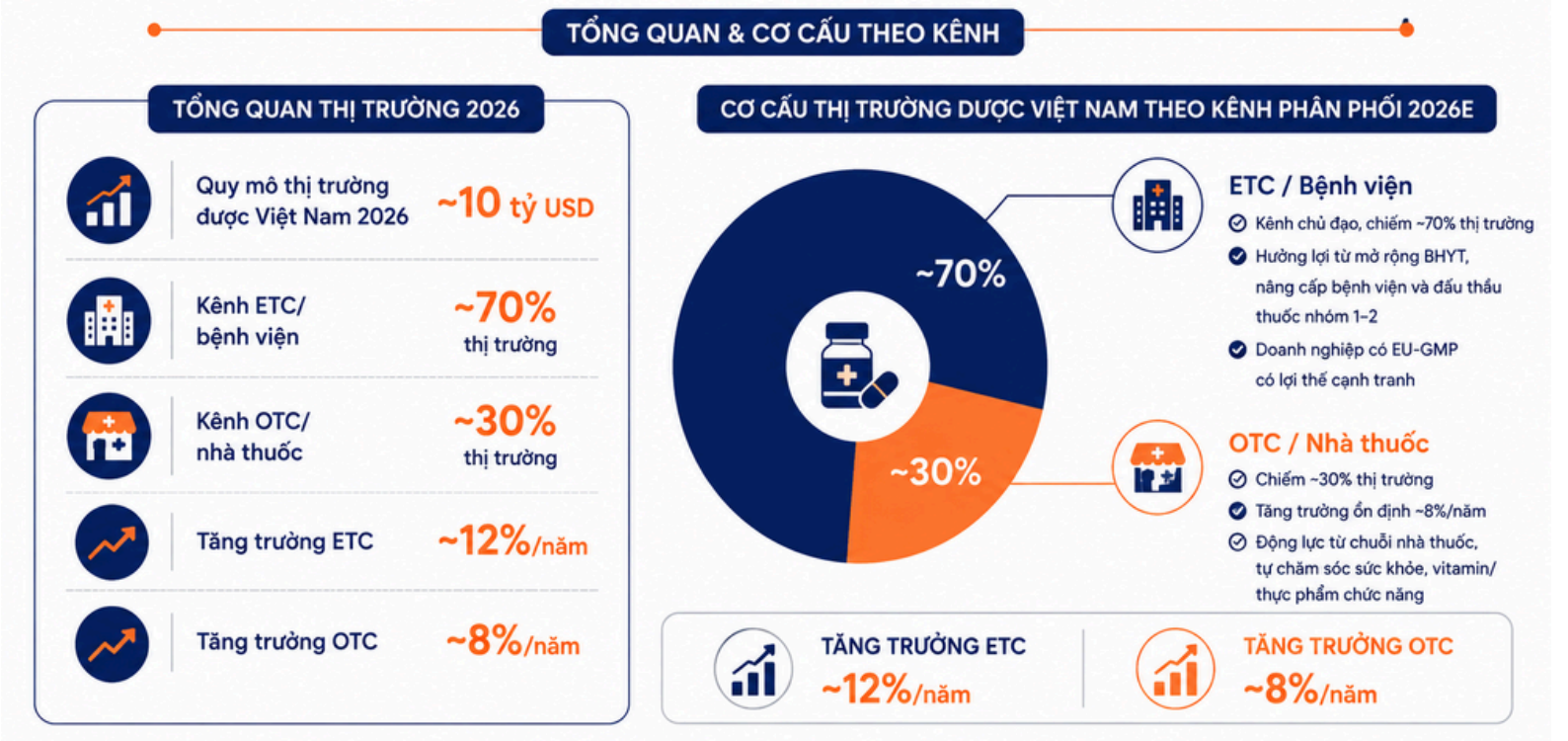
(4) Số hóa, hậu kiểm và truy xuất nguồn gốc được siết chặt.

(5) Cạnh tranh gay gắt từ thuốc nhập khẩu ở phân khúc cao cấp.



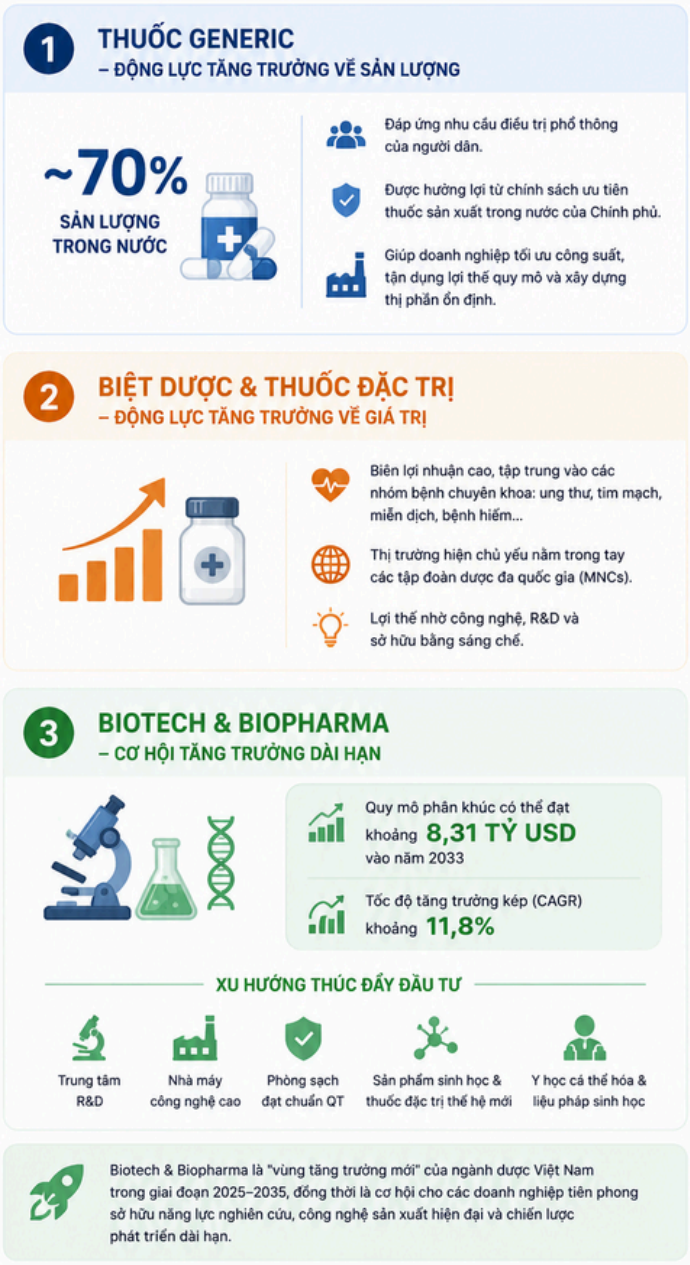
- **Trong khi kênh OTC duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định nhờ nhu cầu tự chăm sóc sức khỏe, kênh ETC tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của ngành dược**, được hỗ trợ bởi việc mở rộng độ bao phủ BHYT, cải cách cơ chế đấu thầu thuốc và chính sách ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước tại các cơ sở y tế công lập.
- **Bên cạnh đó, cơ cấu tiêu thụ thuốc đang dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng các nhóm thuốc điều trị bệnh mạn tính** như tim mạch, đái tháo đường và ung thư, phản ánh xu hướng già hóa dân số và gánh nặng bệnh không lây nhiễm ngày càng lớn. Ngược lại, nhu cầu đối với nhóm kháng sinh có xu hướng chững lại do việc siết chặt quy định kê đơn và sử dụng kháng sinh hợp lý.

Thị trường dược phẩm năm 2026



Nguồn: U.S. International Trade Administration

Phân mảnh thị trường và sự bứt phá của làn sóng Biotech (Công nghệ sinh học)

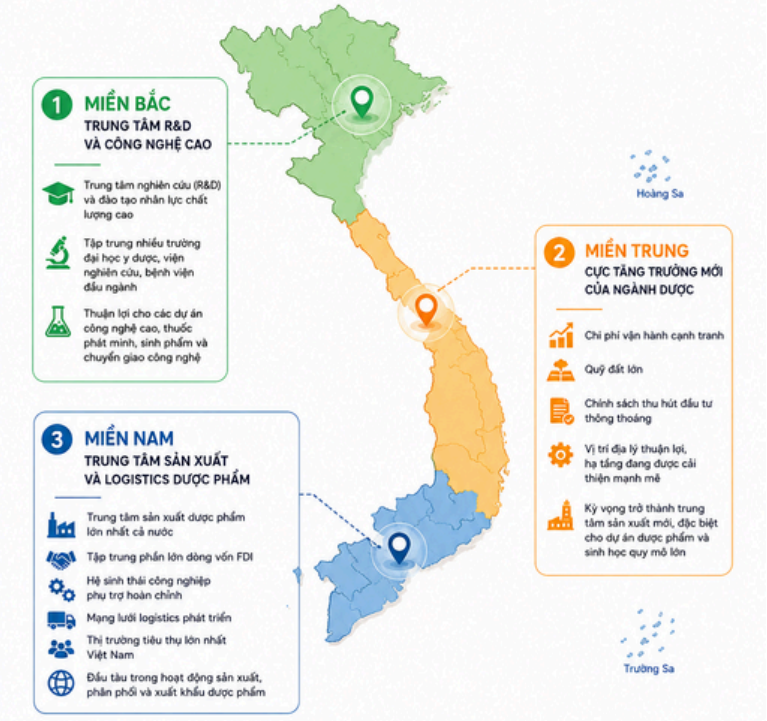


Hiện nay, thị trường dược Việt Nam được phân hóa thành hai phân khúc chính với đặc điểm tăng trưởng và lợi nhuận khác nhau.

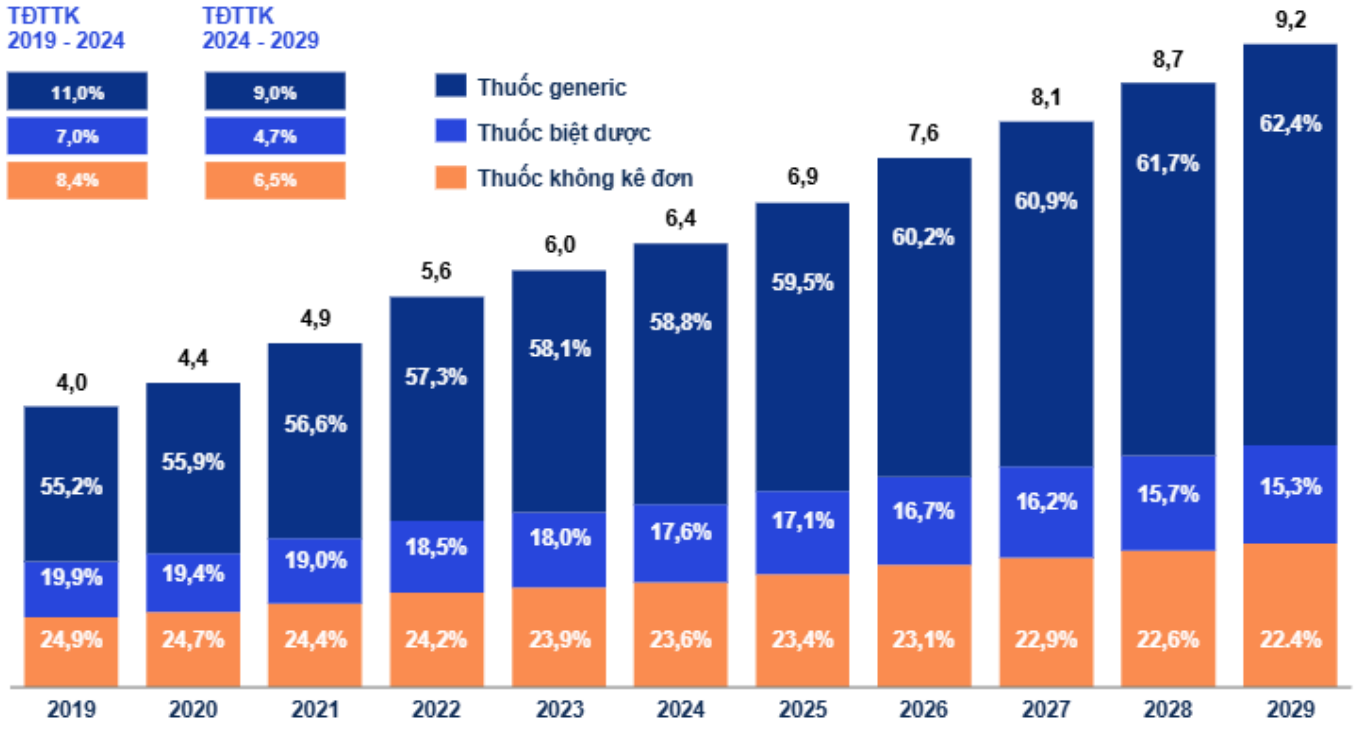
- **Thuốc Generic – Động lực tăng trưởng về sản lượng**
  - Thuốc Generic hiện chiếm khoảng 70% sản lượng tiêu thụ trong nước, đáp ứng nhu cầu điều trị phổ thông của người dân. Đây là phân khúc có quy mô lớn, đóng vai trò chủ lực trong hệ thống chăm sóc sức khỏe và được hưởng lợi từ các chính sách ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước của Chính phủ.
  - Đối với các doanh nghiệp dược nội địa, đây là phân khúc giúp tối ưu hóa công suất sản xuất, tận dụng lợi thế quy mô và xây dựng thị phần ổn định.
- **Biệt dược và thuốc đặc trị – Động lực tăng trưởng về giá trị**
  - Phân khúc biệt dược và thuốc đặc trị có biên lợi nhuận cao hơn đáng kể, tập trung vào các nhóm bệnh chuyên khoa như ung thư, tim mạch, miễn dịch và các bệnh hiếm. Tuy nhiên, thị trường này hiện vẫn chủ yếu nằm trong tay các tập đoàn dược đa quốc gia (MNCs) nhờ lợi thế về công nghệ, nghiên cứu phát triển (R&D) và sở hữu bằng sáng chế.
- **Biotech và Biopharma – Cơ hội tăng trưởng dài hạn**
  - Điểm nhấn chiến lược của ngành dược trong thập kỷ tới được kỳ vọng đến từ lĩnh vực Biotech và Biopharma. Theo các dự báo ngành, quy mô phân khúc này có thể đạt khoảng 8,31 tỷ USD vào năm 2033, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 11,8%.

Bản đồ địa chính trị dược phẩm Việt Nam

- **Miền Bắc – Trung tâm R&D và công nghệ cao**
  - Tập trung các trường đại học, viện nghiên cứu và bệnh viện lớn, là đầu mối phát triển R&D, đào tạo nhân lực chất lượng cao, thuốc công nghệ cao và chuyển giao công nghệ.
- **Miền Trung – Cực tăng trưởng mới**
  - Sở hữu lợi thế về chi phí, quỹ đất và chính sách thu hút đầu tư, đang nổi lên như trung tâm sản xuất dược phẩm và sinh học mới của Việt Nam.
- **Miền Nam – Trung tâm sản xuất và logistics**
  - Là khu vực tập trung nhiều vốn FDI nhất, hệ sinh thái công nghiệp và logistics hoàn chỉnh, giữ vai trò đầu tàu trong sản xuất, phân phối và xuất khẩu dược phẩm.



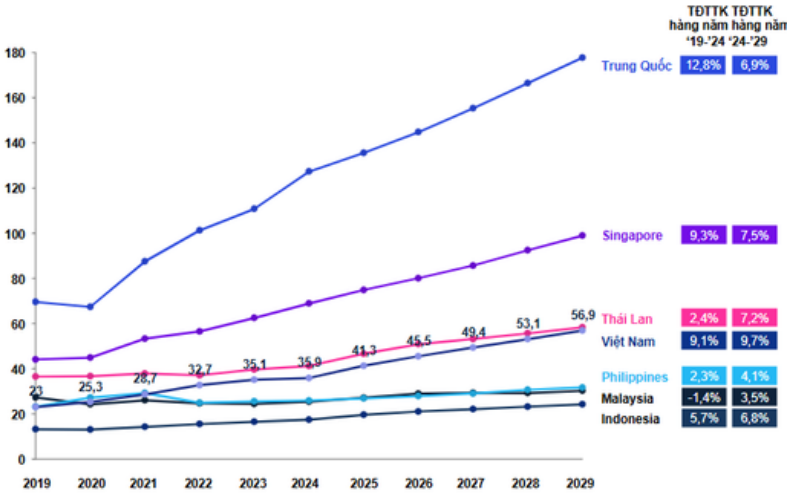
Giá trị thị trường ngành dược phẩm tại Việt Nam từ 2019 đến 2029 (tỷ USD) - 3 phân khúc



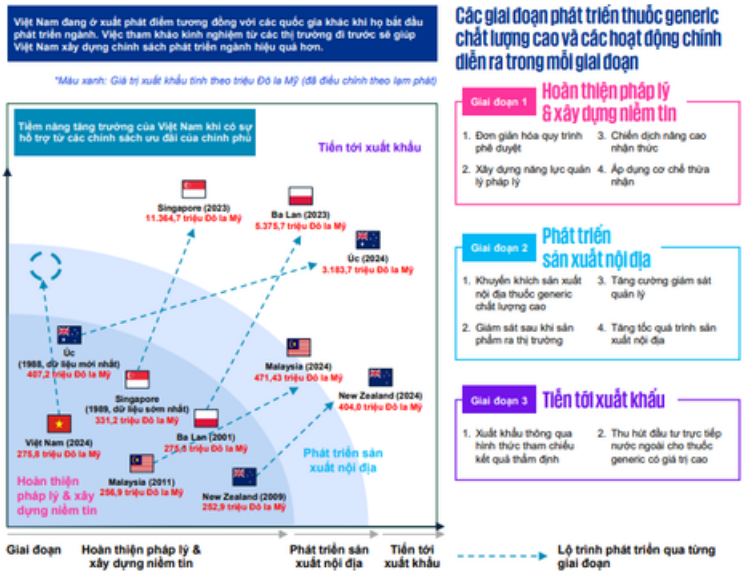
Nguồn: BMI Fitch Solutions, KPMG

Thị trường dược phẩm Việt Nam được dự báo tăng trưởng từ 4,0 tỷ USD năm 2019 lên 9,2 tỷ USD vào năm 2029. Trong đó, thuốc generic là động lực tăng trưởng chính với CAGR 11% giai đoạn 2019–2024, nâng thị phần từ 55,2% lên 62,4% vào năm 2029. Xu hướng này phản ánh nhu cầu ngày càng cao đối với các sản phẩm thuốc có chi phí hợp lý, đồng thời khẳng định vai trò của thuốc generic là phân khúc dẫn dắt tăng trưởng của ngành dược trong dài hạn.

Doanh thu thuốc generic bình quân đầu người tại các quốc gia trong khu vực từ 2019 đến 2029 (USD)



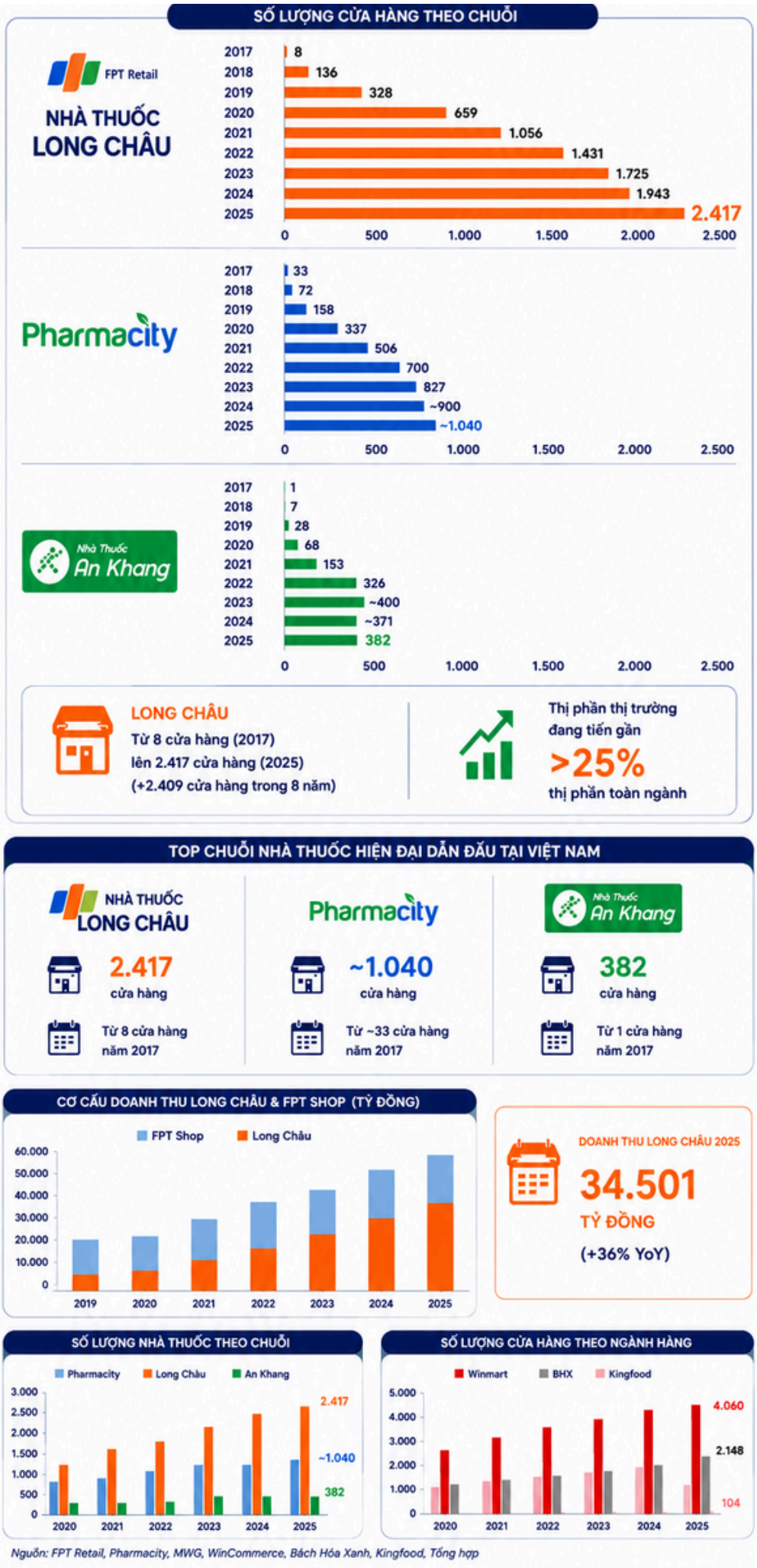
Lộ trình phát triển ngành thuốc generic chất lượng cao



Nguồn: BMI Fitch Solutions, KPMG

Việt Nam đang sở hữu một trong những thị trường thuốc generic tăng trưởng nhanh nhất châu Á với CAGR dự kiến 9,7% giai đoạn 2024–2029. Trong khi đó, mức chi tiêu bình quân đầu người vẫn thấp hơn đáng kể so với các nước trong khu vực, cho thấy dư địa tăng trưởng còn rất lớn trong dài hạn.

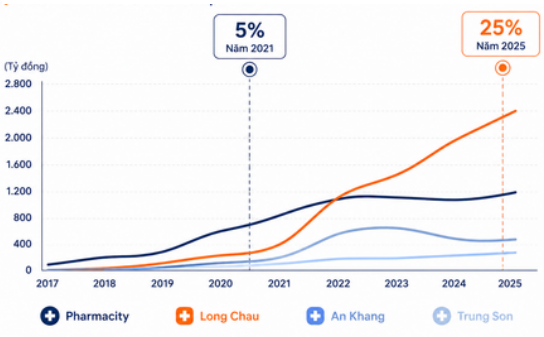
Ngành bán lẻ dược phẩm



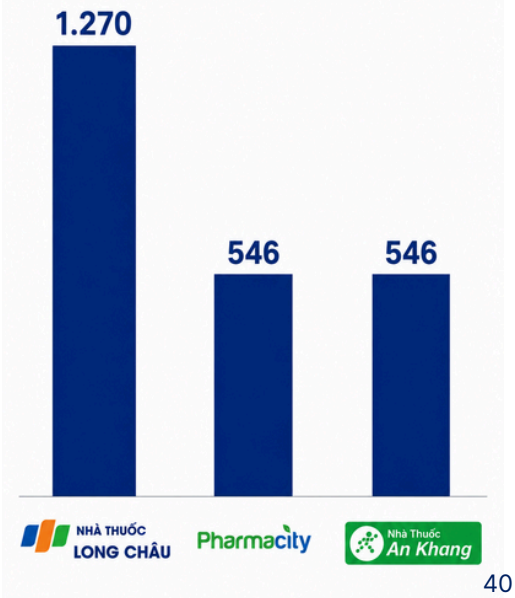
Nguồn: FPT Retail, Pharmacity, MWG, WinCommerce, Bách Hóa Xanh, Kingfood, Tổng hợp

- Long Châu được kỳ vọng duy trì tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số trong trung hạn nhờ tiếp tục mở rộng mạng lưới và gia tăng hiệu quả vận hành. Về dài hạn, động lực tăng trưởng sẽ đến từ mảng tiêm chủng khi bắt đầu đóng góp lợi nhuận từ năm 2027.
- Trong bối cảnh tỷ lệ thâm nhập của chuỗi nhà thuốc hiện đại tại Việt Nam mới đạt khoảng 16% năm 2025, thị trường vẫn còn nhiều dư địa để hợp nhất. Với vị thế dẫn đầu, Long Châu có lợi thế mở rộng sang các đô thị cấp 2–3, đồng thời hưởng lợi từ nhu cầu chăm sóc sức khỏe dự phòng ngày càng tăng và thu nhập người dân cải thiện.

Thị phần của Long Châu trong mảng bán lẻ dược phẩm



Doanh thu trung bình nhà thuốc/tháng (ĐVT: triệu đồng)



Nguồn cung dược phẩm: Mạng lưới phân phối rộng khắp nhưng vẫn phụ thuộc nhập khẩu

- Việt Nam sở hữu hệ thống phân phối dược phẩm rộng lớn với gần 8.000 nhà phân phối và hơn 95.000 điểm bán lẻ trên cả nước, giúp đảm bảo khả năng tiếp cận thuốc cho người dân. Tuy nhiên, thị trường vẫn khá phân mảnh khi các chuỗi nhà thuốc hiện đại chỉ chiếm dưới 10% thị phần.
- Trong khi năng lực sản xuất trong nước đang từng bước được nâng cao, ngành dược vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn nguyên liệu và thuốc biệt dược nhập khẩu, tạo dư địa lớn cho các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất và thay thế hàng nhập khẩu trong tương lai.

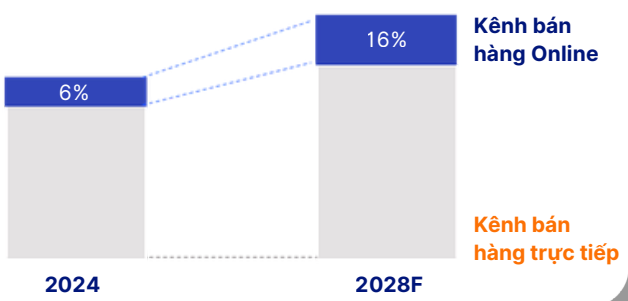
TT	Chuỗi nhà thuốc	Thành lập	Số cửa hàng	Điểm nổi bật
1	FPT Long Châu	2007	2.417	Chuỗi nhà thuốc lớn nhất Việt Nam về số lượng cửa hàng; đang mở rộng sang lĩnh vực tiêm chủng và hệ sinh thái chăm sóc sức khỏe.
2	Pharmacity	2011	1.049	Một trong những chuỗi nhà thuốc hiện đại lớn nhất cả nước, sở hữu mạng lưới rộng khắp và danh mục sản phẩm đa dạng.
3	An Khang	2002	382	Thành viên của MWG, tập trung vào mô hình nhà thuốc hiện đại với sản phẩm chính hãng và dịch vụ tiêu chuẩn hóa.
4	Trung Sơn Pharma	1997	>200	Thương hiệu dẫn đầu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đang mở rộng hiện diện tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam.
5	Phano Pharmacy	2007	37	Một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực bán lẻ dược phẩm hiện đại, đạt các tiêu chuẩn GPP, GDP và GSP.

Thương mại điện tử đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phân phối dược phẩm.

Sự phát triển của thương mại điện tử được dự báo là một xu hướng không thể bỏ qua trong lĩnh vực phân phối dược phẩm.

Động lực chính

- **Các sáng kiến y tế số của Chính phủ Việt Nam**
- **Sự tiện lợi của các giải pháp kỹ thuật số và phân phối liền mạch**
- **Sự tăng trưởng theo cấp số nhân của việc sử dụng điện thoại thông minh**
- **Hiệu quả của mô hình phân phối truyền thống giảm sút**



- **TP.HCM và Hà Nội giữ vai trò dẫn dắt thị trường nhờ dân số đông, thu nhập cao và hạ tầng internet – logistics phát triển.** Nhận thức sức khỏe tăng nhanh đang thúc đẩy mạnh nhu cầu mua sắm y tế trực tuyến, đặc biệt với các sản phẩm chăm sóc sức khỏe dự phòng như vitamin, thực phẩm chức năng, dược liệu và vật dụng y tế thiết yếu.
- **Thị trường dược phẩm trực tuyến và thương mại điện tử y tế tại Việt Nam đang hình thành một hệ sinh thái sôi động, nơi doanh nghiệp trong nước và các nền tảng quốc tế cùng song hành.** Các chuỗi bán lẻ và đơn vị y tế như **Pharmacity, Long Châu (FPT Retail), An Khang (Thế Giới Di Động), Medigo, MyPharma, Jio Health, Hoàn Mỹ, DrugBank** kết hợp với các nền tảng TMĐT lớn như **TikiCare, Lazada Health, Shopee Health** và các doanh nghiệp công nghệ – viễn thông như **Viettel, Med247** đang không ngừng mở rộng độ phủ, chuẩn hóa dịch vụ và nâng cao trải nghiệm người dùng, qua đó từng bước định hình diện mạo của hệ sinh thái y tế số hiện đại tại Việt Nam.

Thị trường dược phẩm trực tuyến và thương mại điện tử chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam có giá trị 130 triệu USD, được thúc đẩy bởi việc ứng dụng chăm sóc sức khỏe kỹ thuật số, tỷ lệ sử dụng internet đạt 79% và nhu cầu ngày càng tăng đối với thuốc và thực phẩm chức năng trực tuyến.





05

CHƯƠNG 05

Nền tảng ngành

Khung pháp lý, năng lực sản xuất, chuỗi cung ứng và tiêu chuẩn chất lượng



1. Cuộc đua nâng cấp tiêu chuẩn sản xuất: EU-GMP và Japan-GMP

CUỘC ĐUA NÂNG CẤP TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT (EU-GMP & JAPAN-GMP)

So sánh năng lực sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng và định hướng phát triển chiến lược của các doanh nghiệp dược tiêu biểu tại Việt Nam.

1 NÂNG CẤP TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT TRỞ THÀNH XU HƯỚNG TẤT YẾU



- Hội nhập sâu rộng, cạnh tranh gay gắt
- WHO-GMP chỉ là điều kiện cơ bản
- Xu hướng tất yếu: Đầu tư EU-GMP, Japan-GMP, PIC/S-GMP

→ Nâng cao năng lực cạnh tranh tại kênh bệnh viện (ETC), mở rộng xuất khẩu và tham gia chuỗi cung ứng dược phẩm toàn cầu.

2 EU-GMP & JAPAN-GMP TẠO LỢI THẾ CẠNH TRANH VƯỢT TRỘI



- Nâng cao chất lượng sản phẩm
- Tăng lợi thế trong đấu thầu bệnh viện
- Tiếp cận thị trường xuất khẩu tiêu chuẩn cao
- Cải thiện biên lợi nhuận phân khúc giá trị gia tăng cao

$ Đầu tư lớn cho nhà xưởng, dây chuyền, phòng sạch, thiết bị kiểm nghiệm và hệ thống quản lý chất lượng nhưng mang lại lợi ích dài hạn vượt trội.

3 CHÍNH SÁCH ĐẤU THẦU THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ TIÊU CHUẨN CAO

- Chính sách đấu thầu và định hướng phát triển ngành dược tạo động lực mạnh mẽ nâng cấp tiêu chuẩn sản xuất.
- Sản phẩm đạt chuẩn EU-GMP hoặc tương đương có lợi thế trong phân nhóm đấu thầu tại bệnh viện.
- Nâng cao khả năng trúng thầu, giảm áp lực cạnh tranh từ sản phẩm giá thấp.

Động lực quan trọng thúc đẩy làn sóng đầu tư nhà máy chất lượng cao trong ngành.

4 CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU NGÀNH ĐANG DẪN DẮT XU HƯỚNG

~18	2025-2030	
doanh nghiệp tại Việt Nam đã sở hữu nhà máy đạt EU-GMP hoặc Japan-GMP	Số lượng doanh nghiệp đạt chuẩn cao được kỳ vọng tiếp tục gia tăng	Phù hợp với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất của Chiến lược phát triển ngành Dược quốc gia

DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG

IMEXPHARM (IMP)



Dẫn đầu chất lượng EU-GMP, tập trung thuốc kháng sinh, tim mạch và biệt dược gốc.

DHG PHARMA (DHG)



Nâng tầm với Japan-GMP & EU-GMP cho nhiều phân khúc chiến lược.

PYMEPHARCO (PME)



Đầu tư mạnh vào EU-GMP, tập trung thuốc kháng sinh, và biệt dược gốc.

BIDIPHAR (DBD)



840 tỷ đồng cho thuốc điều trị ung thư, nâng cấp lên EU-GMP, tập trung vào nhóm thuốc ung thư và thuốc vô trùng.

5 TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT CAO – YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH VỊ THẾ CẠNH TRANH DÀI HẠN

Phân hóa doanh nghiệp trong ngành dược	Lợi thế tại thị trường nội địa	Mở rộng xuất khẩu, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu	Tăng trưởng bền vững và giá trị gia tăng cao



Nền tảng để ngành dược Việt Nam nâng cao vị thế trong ASEAN và tiếp cận các thị trường phát triển.

Cuộc đua nâng cấp tiêu chuẩn sản xuất: EU-GMP và Japan-GMP

So sánh các tiêu chuẩn sản xuất dược phẩm phổ biến

Tiêu chí	WHO-GMP	EU-GMP	Japan-GMP
Cơ quan đánh giá	Cục Quản lý Dược Việt Nam	Cơ quan Quản lý Dược phẩm Châu Âu (EMA)	Cơ quan Dược phẩm và Thiết bị Y tế Nhật Bản (PMDA)
Thời gian thẩm định	Dưới 12 tháng	12–24 tháng	16–27 tháng
Mức độ yêu cầu	Cơ bản	Tiêu chuẩn quốc tế cao	Tiêu chuẩn rất cao
Khả năng tham gia đấu thầu ETC	Chủ yếu Nhóm 3-4–5	Nhóm 1–2	Nhóm 1–2
Khả năng xuất khẩu	Hạn chế	Cao	Cao
Chi phí đầu tư	Thấp – Trung bình	Cao	Rất cao

Quy định đấu thầu mới thúc đẩy nâng cấp tiêu chuẩn sản xuất

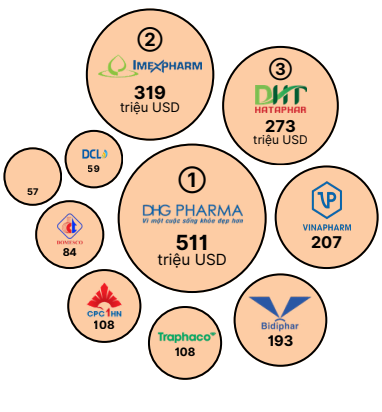
- Các quy định đấu thầu thuốc mới đang tạo động lực mạnh cho doanh nghiệp dược đầu tư nâng cấp nhà máy lên các tiêu chuẩn cao như EU-GMP, Japan-GMP và PIC/S-GMP. Theo cơ chế hiện hành, thuốc sản xuất trên dây chuyền đạt các tiêu chuẩn này có thể tham gia đấu thầu tại Nhóm 1 và Nhóm 2, chiếm khoảng 60% tổng giá trị trúng thầu của kênh ETC.
- Hiện Việt Nam có khoảng 288 cơ sở sản xuất dược phẩm, nhưng chỉ khoảng 20 nhà máy đạt chuẩn EU-GMP, trong khi hơn 90% vẫn hoạt động theo tiêu chuẩn WHO-GMP. Điều này cho thấy dư địa nâng cấp chất lượng sản xuất còn rất lớn.
- Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn thuốc nhập khẩu. Do đó, việc mở rộng các nhà máy đạt chuẩn quốc tế không chỉ giúp doanh nghiệp gia tăng khả năng trúng thầu và cải thiện biên lợi nhuận, mà còn góp phần giảm phụ thuộc nhập khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dược Việt Nam trong dài hạn.

So sánh hiệu quả giữa mô hình nhà máy truyền thống và nhà máy tiêu chuẩn cao

Chỉ tiêu vận hành	Nhà máy WHO-GMP (Truyền thống)	Nhà máy EU-GMP/Smart Factory (Hiện đại)
Phân khúc đấu thầu mục tiêu	Nhóm 3, Nhóm 4, Nhóm 5	Nhóm 1, Nhóm 2
Biên lợi nhuận gộp dự kiến	25% – 35%	45% – 55%
Mức độ tự động hóa	Thấp – Trung bình	Cao (MES, ERP, LIMS)
Khả năng xuất khẩu	Hạn chế, chủ yếu thị trường khu vực	Cao, tiếp cận EU, Mỹ, Nhật Bản
Chi phí đầu tư ban đầu (CAPEX)	Trung bình	Rất cao
Tiềm năng tăng trưởng dài hạn	Trung bình	Cao
Khả năng mở rộng danh mục thuốc giá trị cao	Hạn chế	Rất cao
Năng lực cạnh tranh trong đấu thầu ETC	Trung bình	Vượt trội

Hiệu quả đầu tư và triển vọng sinh lời: Phân hóa rõ nét

- Đầu tư nhà máy đạt chuẩn EU-GMP, Japan-GMP hay Smart Factory tạo áp lực chi phí trong ngắn hạn nhưng mang lại lợi thế dài hạn về chất lượng sản phẩm, khả năng trúng thầu, mở rộng xuất khẩu và cải thiện biên lợi nhuận.
- Xu hướng này đang tạo ra sự phân hóa rõ rệt trong ngành. Các doanh nghiệp như **DHG, IMP, DBD và PME** có lợi thế tăng trưởng và sinh lời tốt hơn, trong khi doanh nghiệp chậm nâng cấp công nghệ có nguy cơ mất thị phần hoặc trở thành mục tiêu M&A.



Bài toán tự chủ nguyên liệu (API): Thách thức lớn nhất của ngành dược Việt Nam

- Sự phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu hiện vẫn là điểm nghẽn quan trọng của ngành dược Việt Nam. Hiện nay, khoảng 90% nguyên liệu sản xuất thuốc (API) được nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc và Ấn Độ. Hoạt động bào chế thuốc hiện mới đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu thuốc tính theo số lượng và 50% tính theo giá trị, nhưng sử dụng nguyên liệu nhập khẩu là chủ yếu, nguồn nguyên liệu trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 5,2% cho thuốc tân dược và khoảng 20% cho thuốc đông dược.



Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào nguyên liệu dược nhập khẩu. Trong Q1/2026, kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu đạt 44,1 triệu USD (-51,5% YoY), trong đó Trung Quốc chiếm 60,5% và Trung Quốc + Ấn Độ cung cấp hơn 83% tổng lượng nhập khẩu.





- Sự phụ thuộc này khiến chi phí sản xuất và giá thành xuất khẩu thuốc của Việt Nam cao hơn khoảng **20–25%** so với hai quốc gia trên, đồng thời làm gia tăng rủi ro từ biến động tỷ giá và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Giải pháp chính sách: Chương trình hóa dược 2030–2045

- Tại Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 13/2/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhằm đưa ngành công nghiệp hóa dược Việt Nam từ trạng thái phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu sang một hệ sinh thái sản xuất hiện đại, đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Quy định pháp lý ngành dược Việt Nam

Khung pháp lý ngành dược Việt Nam đang chuyển dịch theo hướng chuẩn hóa, số hóa và tạo điều kiện mở rộng quy mô doanh nghiệp.

Văn bản	Hiệu lực	Nội dung chính	Tác động
Quyết định 1165/QĐ-TTg	2023	Chiến lược phát triển ngành Dược đến 2030, tầm nhìn 2045	Định hướng dài hạn toàn ngành, thúc đẩy nội địa hóa và thuốc CN cao
Luật Dược sửa đổi 44/2024/QH15	01/07/2025	Bán thuốc online, chuỗi nhà thuốc, ưu đãi đầu tư, minh bạch giá	Thay đổi lớn nhất của ngành trong 10 năm gần đây
Nghị định 163/2025/NĐ-CP	01/07/2025	Hướng dẫn thi hành Luật Dược	Hoàn thiện khung pháp lý vận hành
Thông tư 31/2025/TT-BYT	01/07/2025	Quy định chi tiết Luật Dược, chuỗi nhà thuốc, mô hình kinh doanh mới	Hỗ trợ phát triển bán lẻ dược hiện đại
Thông tư 39/2025/TT-BYT	2025	Phân cấp thủ tục hành chính	Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ
Thông tư 26/2025/TT-BYT	01/07/2025	Quy định kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm	Kiểm soát sử dụng thuốc, tăng minh bạch kê đơn
Thông tư 27/2025/TT-BYT	01/07/2025	Danh mục thuốc, dược liệu được BHYT thanh toán	Hỗ trợ tăng trưởng kênh ETC/BHYT
Thông tư 29/2025/TT-BYT	01/07/2025	Đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu	Thúc đẩy dược liệu và thuốc cổ truyền
Thông tư 32/2025/TT-BYT	01/07/2025	Quản lý chất lượng thuốc cổ truyền, dược liệu	Nâng chuẩn chất lượng sản phẩm dược liệu
Nghị quyết 72-NQ/TW	09/09/2025	Định hướng cải cách toàn diện hệ thống y tế, mở rộng BHYT và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe.	Tăng nhu cầu khám chữa bệnh, thuốc điều trị và đầu tư vào hạ tầng y tế.
Nghị quyết 262/2025/QH15	01/07/2026	Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035 với tổng vốn 88.635 tỷ đồng.	Thúc đẩy đầu tư bệnh viện, thiết bị y tế và mở rộng nhu cầu dược phẩm.
Luật Phòng bệnh và Luật Dân số	01/07/2026	Chuyển trọng tâm sang y tế dự phòng, quản lý sức khỏe chủ động và ứng phó già hóa dân số.	Gia tăng nhu cầu vaccine, thuốc dự phòng, thuốc điều trị bệnh mạn tính và dịch vụ chăm sóc người cao tuổi.

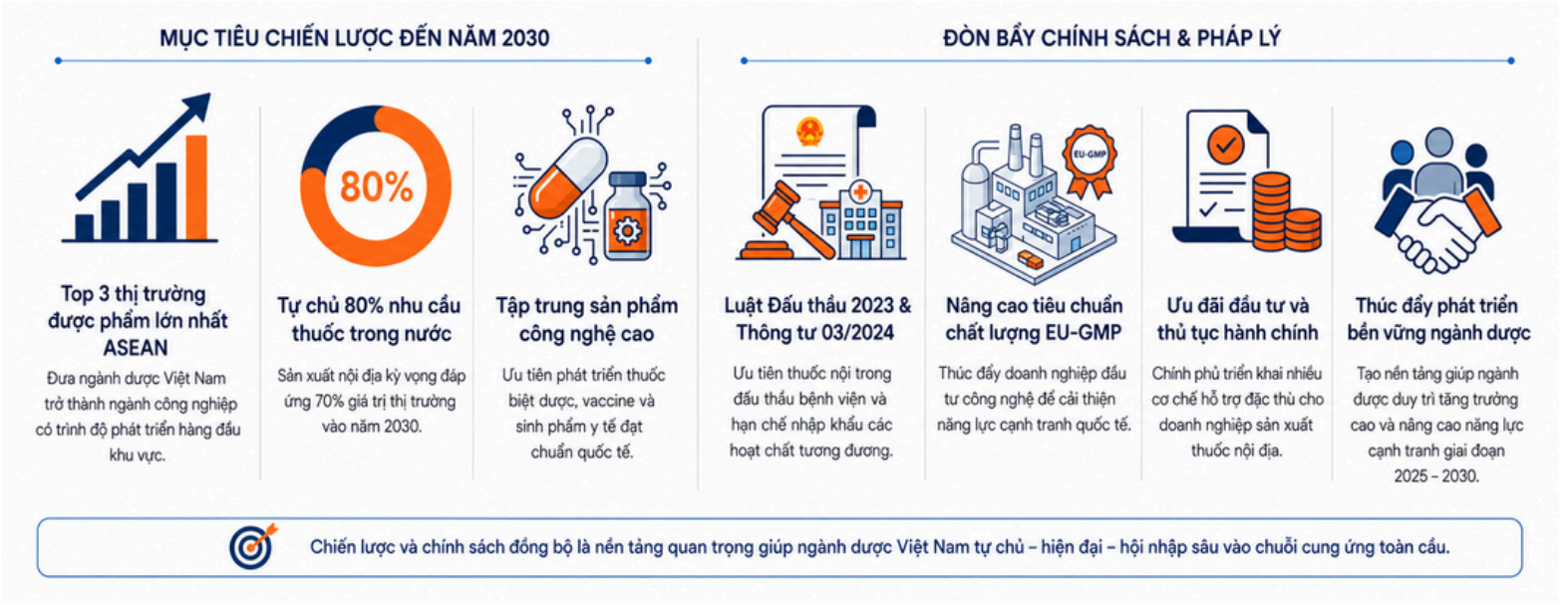
Chính sách ưu tiên thuốc nội - Động lực nâng chuẩn

- **Hoàn thiện thể chế đang tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới của ngành dược.** Năm 2026 là năm đầu tiên Luật Dược sửa đổi được triển khai sâu rộng trong thực tế, giúp đơn giản hóa thủ tục đăng ký thuốc, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh dược phẩm.
- **Nâng chuẩn chất lượng và chuyển đổi số trở thành xu hướng chủ đạo.** Các doanh nghiệp đang đẩy mạnh đầu tư nhà máy đạt chuẩn EU-GMP, tăng cường quản lý chất lượng và số hóa quy trình đăng ký, lưu hành thuốc nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng cơ hội tham gia kênh bệnh viện cũng như thị trường xuất khẩu.
- **Việt Nam tiếp tục thu hút FDI và công nghệ cao trong lĩnh vực dược phẩm.** Nhiều tập đoàn dược quốc tế đang mở rộng hiện diện tại Việt Nam thông qua đầu tư trực tiếp, chuyển giao công nghệ và hợp tác sản xuất, qua đó hỗ trợ nâng cao trình độ công nghệ và chất lượng sản phẩm của ngành.
- **Nội địa hóa và phát triển công nghiệp dược là mục tiêu chiến lược dài hạn.** Theo định hướng đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tối thiểu 80% thuốc tiêu thụ trong nước được sản xuất nội địa, đồng thời phát triển các cụm công nghiệp dược tích hợp sản xuất, R&D, logistics và kiểm nghiệm để từng bước trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm của khu vực ASEAN.

Các động lực tăng trưởng chính

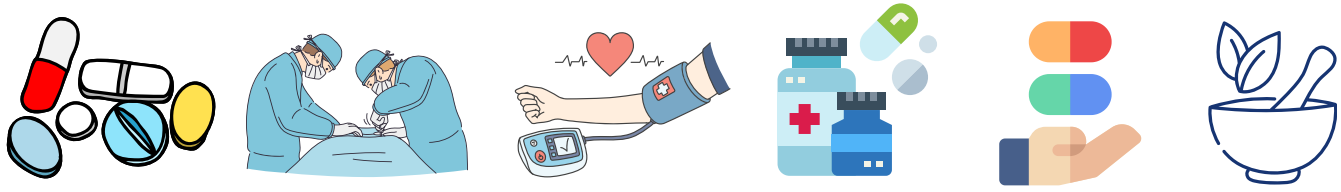
1. **Nền tảng vĩ mô bền vững:** Dân số già hóa nhanh chóng, tầng lớp trung lưu mở rộng và nhận thức về sức khỏe ngày càng cao tạo ra lực cầu dài hạn.
2. **Bệ phóng chính sách:** Luật Dược sửa đổi và các chiến lược phát triển ngành đang thúc đẩy nâng chuẩn EU-GMP, thu hút FDI, chuyển giao công nghệ và gia tăng tỷ lệ nội địa hóa trong ngành dược.
3. **Hiện đại hóa kênh phân phối:** Sự trỗi dậy của các chuỗi nhà thuốc hiện đại (Long Châu, An Khang) và kênh thương mại điện tử đang chuẩn hóa thị trường.
4. **Dòng vốn & M&A sôi động:** Các thương vụ lớn và sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài khẳng định sức hấp dẫn của ngành.

Quy định pháp lý ngành dược Việt Nam



Hệ thống chính sách và chiến lược quốc gia: Động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành dược

- Sự phát triển của ngành dược Việt Nam được hỗ trợ mạnh mẽ bởi các chính sách định hướng của Chính phủ. Theo **Chiến lược phát triển ngành Dược đến năm 2030, tầm nhìn 2045**, Việt Nam đặt mục tiêu đưa ngành dược trở thành một trong những ngành công nghiệp có trình độ phát triển hàng đầu ASEAN, đồng thời nằm trong **Top 3 thị trường dược phẩm lớn nhất khu vực.**
- Một trong những trọng tâm của chiến lược là nâng cao năng lực tự chủ nguồn cung thuốc trong nước. Đến năm 2030, thuốc sản xuất trong nước được kỳ vọng đáp ứng khoảng **80%** nhu cầu theo số lượng và 70% giá trị thị trường, đồng thời ưu tiên phát triển thuốc biệt dược, vaccine, sinh phẩm và công nghiệp API. Chính phủ cũng khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp dược chuyên biệt, tiêu biểu là Khu công nghiệp Dược – Sinh học Thái Bình, nhằm hình thành các trung tâm nghiên cứu, sản xuất và logistics dược quy mô lớn.
- Bên cạnh đó, **Luật Đấu thầu 2023, Thông tư 03/2024/TT-BYT** và các văn bản hướng dẫn triển khai trong giai đoạn 2025–2026 tiếp tục tạo lợi thế cho doanh nghiệp nội thông qua cơ chế ưu tiên thuốc sản xuất trong nước, đặc biệt là thuốc đạt EU-GMP trong đấu thầu bệnh viện. Bộ Y tế cũng đang đề xuất **bổ sung 84 thuốc và sinh phẩm vào danh mục BHYT**, trong đó có nhiều thuốc điều trị ung thư thế hệ mới, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thuốc chất lượng cao và gia tăng quy mô thị trường ETC.
- Ngoài ra, **Luật Dược sửa đổi (2024)** chính thức có hiệu lực từ 01/7/2025 đã tạo bước ngoặt về thể chế khi đơn giản hóa thủ tục đăng ký thuốc, đẩy nhanh cấp phép, khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thuốc công nghệ cao và thu hút đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, các quy định mới về y tế số, dữ liệu y tế, chuyển đổi số và phát triển khoa học công nghệ theo **Nghị quyết 57-NQ/TW** đang tạo nền tảng để doanh nghiệp nâng cao năng lực R&D và hiện đại hóa sản xuất.
- Những thay đổi về chính sách không chỉ giúp mở rộng thị phần cho doanh nghiệp nội mà còn thúc đẩy toàn ngành nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư công nghệ, cải thiện tiêu chuẩn chất lượng và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng dược phẩm toàn cầu. Đây được xem là nền tảng quan trọng giúp ngành dược Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2025–2030.



Hướng tới 2045

Theo Quyết định **"Phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 "** ('Chương trình phát triển'), Chính phủ Việt Nam đã xác định ngành dược phẩm là ngành công nghiệp chủ chốt trong việc phát triển kinh tế và tạo ra phúc lợi cho người dân trong tương lai.

Các mục tiêu chính trong Chương trình phát triển:

1. **75% số lượng sử dụng và 60% giá trị thị trường, tỷ lệ sử dụng dược liệu nguồn gốc trong nước, thuốc dược liệu tăng thêm ít nhất 10% so với năm 2020.**
2. **Đến năm 2030: Thuốc sản xuất trong nước đạt khoảng 80% số lượng sử dụng và 70% giá trị thị trường, tỷ lệ sử dụng dược liệu nguồn gốc trong nước, thuốc dược liệu tăng thêm ít nhất 30% so với năm 2020.**
3. **Đến năm 2045: Tổng giá trị ngành công nghiệp dược đóng góp vào GDP trên 20 tỷ USD.**

Chính sách ưu tiên thuốc nội - Động lực nâng chuẩn

Giai đoạn 2024–2030, Chính phủ Việt Nam định hình rõ chiến lược phát triển ngành Dược theo hướng giảm phụ thuộc nhập khẩu, nâng cao năng lực tự chủ và hướng tới xuất khẩu bằng các chính sách mang tính cấu trúc.

(1) Luật Đấu thầu sửa đổi 2023 - Ưu tiên thuốc nội địa EU-GMP

- Từ 2024, các thuốc nội sản xuất đạt EU-GMP sẽ được ưu tiên đấu thầu nhóm 1 và 2, vốn là nhóm có doanh thu lớn trong kênh bệnh viện (ETC).
- Chính sách này giúp doanh nghiệp nội gia tăng khả năng tiếp cận ngân sách BHYT, từ đó có thêm động lực đầu tư vào nâng cấp nhà máy và năng lực sản xuất trung & cao cấp.

(2) Luật Dược sửa đổi 2024 (hiệu lực từ 01/07/2025) - Chuẩn hóa thị trường & siết hậu kiểm

- Luật mới công nhận e-pharmacy, nhưng đi kèm yêu cầu chặt về kiểm soát chất lượng, QR truy xuất và hậu kiểm định kỳ theo lô.
- Ngoài ra, các công bố giá thuốc sẽ phải đồng bộ qua hệ thống quốc gia, tạo điều kiện cạnh tranh minh bạch cho thuốc nội.

(3) Chiến lược phát triển ngành Dược đến 2030 – Tỷ lệ nội địa ≥80%

- Theo mục tiêu định hướng được Bộ Y tế công bố, đến năm 2030, ít nhất 80% thuốc tiêu thụ tại Việt Nam sẽ được sản xuất trong nước.
- Chiến lược đi kèm cam kết phát triển cụm công nghiệp dược chuyên biệt, với các dự án lớn tại Hưng Yên, Bình Dương, tích hợp sản xuất – R&D – logistics – kiểm nghiệm.



06



CHƯƠNG 06

Hoạt động đầu tư

Định giá, luận điểm đầu tư và các cổ phiếu đáng chú ý trong ngành

- Làn sóng FDI và M&A đang thúc đẩy quá trình nâng cấp ngành dược Việt Nam, giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, công nghệ, tiêu chuẩn quản trị và năng lực R&D từ các tập đoàn quốc tế như **Abbott, Taisho, STADA và SK Group.**
- Nhà đầu tư nước ngoài ngày càng mở rộng hiện diện chiến lược, không chỉ thông qua M&A mà còn đầu tư vào bệnh viện tư nhân và chuỗi giá trị dược phẩm, góp phần chuyển giao công nghệ, chuẩn hóa chuỗi cung ứng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.





CÁC THƯƠNG VỤ M&A LỚN NĂM 2025 - 2026



- **Thị trường M&A trong lĩnh vực y tế sẽ sôi động, chủ yếu do nhu cầu ngày càng tăng về dịch vụ y tế chất lượng cao và sự gia tăng tầng lớp trung lưu. Làn sóng M&A tiếp theo sẽ được thúc đẩy bởi sự kết hợp giữa yếu tố công nghệ và các yếu tố lấy khách hàng làm trung tâm**
- **Nhìn về trung hạn, giai đoạn 2026-2027 được kỳ vọng sẽ xuất hiện khoảng 5-7 thương vụ M&A có giá trị trên 100 triệu USD, tập trung vào dược phẩm, vaccine và chuỗi phân phối. Đến năm 2030, khối doanh nghiệp có vốn ngoại được dự báo có thể sẽ nắm giữ khoảng 40-50% thị phần ngành, qua đó tái định hình cấu trúc cạnh tranh và nâng mặt bằng chất lượng của toàn thị trường.**

Cập nhật tin tức trong ngành 6 tháng đầu năm 2026

- M&A tiếp tục sôi động: Livzon (Trung Quốc) hoàn tất mua 67,87% Imexpharm (~6.000 tỷ đồng), trong khi Pharmacity nhận vốn từ LeapFrog để mở thêm 500 cửa hàng trong 3 năm tới.
- Kết quả kinh doanh phân hóa: Có 23/33 doanh nghiệp dược tăng trưởng lợi nhuận trong Q1/2026; Long Châu, Dược Hậu Giang và Vinapharm duy trì kết quả tích cực, trong khi nhiều doanh nghiệp quy mô nhỏ suy giảm hoặc thua lỗ.
- Chính sách hỗ trợ ngành: Bộ Y tế đề xuất bổ sung 84 thuốc và sinh phẩm vào danh mục BHYT, mở rộng khả năng tiếp cận thuốc chất lượng cao, đặc biệt nhóm thuốc điều trị ung thư.
- Xu hướng ngành: Thuốc biosimilar, thuốc ung thư và thuốc công nghệ cao tiếp tục tăng trưởng mạnh; chuỗi nhà thuốc hiện đại vượt 4.000 điểm bán, trong khi quản trị chất lượng và tiêu chuẩn sản xuất ngày càng trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh.



1. Chuyển đổi số & Nhà máy thông minh

- Chuyển từ số hóa sang Smart Factory, ứng dụng ERP, MES, LIMS, AI và IoT trong toàn bộ chuỗi giá trị.
- Tự động hóa sản xuất, nâng cao truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và tối ưu chuỗi cung ứng.

2. Khu công nghiệp dược chuyên biệt

- Phát triển các cụm công nghiệp dược nhằm tối ưu hạ tầng, logistics và chi phí sản xuất.
- Tiêu biểu là KCN Dược – Sinh học Thái Bình (292 ha, ~3.800 tỷ đồng), hướng tới thu hút ~2 tỷ USD vốn đầu tư đến năm 2030.
- Đang phát triển KCN Dược & Thiết bị y tế chuyên biệt.
- Mục tiêu vận hành khoảng 2030, có cơ chế đặc thù nhằm rút ngắn thủ tục cấp phép và thu hút FDI.

3. ESG & Sản xuất xanh

- ESG trở thành tiêu chuẩn bắt buộc để tiếp cận các thị trường phát triển và nguồn vốn quốc tế.
- Doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, xử lý chất thải và giảm phát thải, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

RỦI RO NGÀNH DƯỢC VIỆT NAM

Bên cạnh triển vọng tăng trưởng, ngành dược Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro. Sự phụ thuộc lớn vào nguyên liệu API nhập khẩu (khoảng 80–90%, gần 90% đến từ Trung Quốc và Ấn Độ) khiến doanh nghiệp dễ chịu tác động từ xung đột địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động tỷ giá và chi phí logistics. Đồng thời, áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng khi thuốc nhập khẩu vẫn chiếm hơn 55% giá trị thị trường, trong khi doanh nghiệp phải đầu tư lớn cho R&D, nhà máy đạt chuẩn EU-GMP và chuyển đổi xanh để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng khắt khe. Bên cạnh đó, rủi ro chất lượng sản phẩm, thiếu nhân lực trình độ cao và thay đổi chính sách đấu thầu, BHYT cũng có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên, xu hướng China+1 và làn sóng FDI đang mở ra cơ hội để Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng dược phẩm toàn cầu nếu nâng cao năng lực sản xuất và tự chủ nguyên liệu.

Một số rủi ro điển hình

Rủi ro	Nội dung chính	Tác động đến doanh nghiệp dược
Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu	Hơn 80% API phải nhập khẩu; năm 2025 kim ngạch API gần 487 triệu USD, Trung Quốc + Ấn Độ chiếm gần 90%.	Chi phí sản xuất, tỷ giá và nguồn cung biến động mạnh khi chuỗi cung ứng gián đoạn.
Rủi ro chất lượng sản phẩm	Nhiều đợt thu hồi thuốc trong năm 2026, cơ quan quản lý tăng cường giám sát chất lượng.	Ảnh hưởng uy tín thương hiệu, mất thị phần và gia tăng chi phí tuân thủ.
Cạnh tranh ngày càng gay gắt	Một hoạt chất có nhiều số đăng ký; cạnh tranh mạnh giữa doanh nghiệp nội, FDI và thuốc nhập khẩu.	Biên lợi nhuận thu hẹp, vòng đời sản phẩm ngắn, áp lực giảm giá.
Chi phí R&D & CAPEX lớn	Đầu tư nhà máy EU-GMP, Japan-GMP, R&D và công nghệ đòi hỏi vốn lớn, thời gian thu hồi dài.	Gây áp lực dòng tiền và hiệu quả đầu tư trong ngắn hạn.
Hạn chế về công nghệ & thuốc chuyên sâu	Thuốc sản xuất trong nước chủ yếu là generic; chỉ khoảng 6% thuộc Nhóm 1 trong đấu thầu; 55–60% giá trị thị trường vẫn là thuốc nhập khẩu.	Phụ thuộc vào thuốc ngoại, khó tham gia phân khúc thuốc công nghệ cao và biệt dược.
Thiếu nhân lực chất lượng cao	Thiếu chuyên gia R&D, dược lâm sàng, QA/QC và sản xuất sinh học.	Hạn chế đổi mới sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.
Biến động chính sách & đấu thầu	Quy định về đăng ký thuốc, đấu thầu, BHYT và kiểm soát chất lượng liên tục thay đổi.	Tăng chi phí tuân thủ, ảnh hưởng tiến độ thương mại hóa sản phẩm.
Địa chính trị & chuỗi cung ứng	Xung đột địa chính trị, giá năng lượng và logistics biến động; xu hướng tự chủ dược phẩm toàn cầu.	Gia tăng rủi ro nguồn cung API nhưng cũng mở ra cơ hội thu hút FDI theo chiến lược China+1.
Làn sóng M&A và FDI	Nhiều tập đoàn ngoại gia tăng sở hữu tại doanh nghiệp dược Việt Nam (Abbott, Taisho, STADA, Livzon...).	Cạnh tranh về công nghệ và quản trị tăng, đồng thời tạo áp lực giữ thị phần của doanh nghiệp nội.

Tổng hợp các chỉ số tài chính và định giá của một số DN ngành dược (Quý 1.2026)

Mã CP	Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	LNST (tỷ VNĐ)	Biên LN Gộp	Biên LN EBITDA (%)	Biên LN ròng (%)	ROA (%)	ROE (%)	Vốn hoá (tỷ VND)	EV/EBITDA (TTM)	P/E	P/B
DHG	**1,198**	**316**	**48.2%**	**21.2%**	**17.1%**	**16.8%**	**22.0%**	**12,251**	**10.35**	**13.59**	**2.76**
DBD	**448**	**80**	**45.9%**	**19.7%**	**15.6%**	**11.5%**	**16.9%**	**4,895**	**13.70**	**16.74**	**2.69**
IMP	546	82	41.5%	23.8%	14.9%	12.3%	15.8%	7,100	12.66	19.90	2.98
DHT	569	9	7.7%	2.1%	1.8%	2.1%	3.8%	6,050	122.28	146.13	5.54
DVN	1,237	154	9.8%	3.0%	13.1%	9.5%	19.7%	5,061	41.18	7.35	1.30
DTP	412	55	52.8%	22.3%	15.7%	18.8%	24.1%	3,407	8.57	12.18	2.71
TRA	633	68	55.0%	16.6%	10.9%	11.5%	18.2%	3,316	7.66	12.30	2.31
DMC	520	53	19.5%	11.9%	9.6%	10.8%	12.4%	2,049	7.90	10.05	1.18
OPC	216	20	40.7%	13.1%	9.9%	8.5%	12.5%	1,492	9.24	13.38	1.61
VDP	196	12	24.4%	10.3%	6.1%	5.7%	8.3%	1,193	10.81	19.34	1.56
DP1	569	22	12.3%	4.6%	4.7%	5.9%	18.0%	648	11.85	6.24	1.06
DBT	190	15	38.3%	7.1%	3.1%	2.8%	9.7%	277	13.15	10.24	0.97

Nguồn: FiinPro, SHS tổng hợp

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀNH

DBD - DƯỢC BÌNH ĐỊNH

1. Vị thế độc quyền thuốc ung thư nội địa

- Doanh nghiệp niêm yết nội địa duy nhất sản xuất thuốc điều trị ung thư, dẫn đầu về sản lượng và sở hữu lợi thế cạnh tranh về giá so với thuốc nhập khẩu.

2. Mở rộng công suất

- Hai nhà máy mới tại Nhơn Hội cùng liên doanh Gene Bio Medical sẽ mở rộng năng lực sản xuất, tạo động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2027–2030.

3. Mục tiêu đạt chứng nhận EU-GMP

- DBD đặt mục tiêu hoàn tất đánh giá GMP-EU cho nhà máy thuốc điều trị ung thư trước 31/12/2026, mở ra cơ hội tham gia nhóm thầu giá trị cao và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường phát triển.

4. Hưởng lợi từ chính sách

- Thuốc sản xuất trong nước tiếp tục được ưu tiên trong đấu thầu ETC, giúp DBD gia tăng thị phần và củng cố vị thế tại kênh bệnh viện.

5. Tăng vốn và tiềm năng M&A

- Kế hoạch phát hành riêng lẻ hơn 1.100 tỷ đồng tạo nguồn lực đầu tư các dự án trọng điểm, đồng thời mở ra cơ hội hợp tác chiến lược và M&A trong tương lai.

DHG - DƯỢC HẬU GIANG

1. Vị thế dẫn đầu ngành dược nội địa

- DHG là doanh nghiệp dược nội địa lớn nhất Việt Nam về doanh thu, lợi nhuận và năng lực sản xuất, sở hữu hệ thống phân phối rộng khắp và là doanh nghiệp nội duy nhất nằm trong Top 10 công ty dược lớn nhất đang hoạt động tại Việt Nam.

2. Nền tảng tài chính vững, cổ tức tiền mặt hấp dẫn

- DHG duy trì dòng tiền ổn định, đòn bẩy tài chính thấp và chính sách cổ tức tiền mặt cao nhiều năm liên tiếp, phù hợp với nhà đầu tư ưu tiên dòng tiền và mức sinh lời bền vững.

3. Nâng cấp nhà máy đạt chuẩn quốc tế

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp các nhà máy đạt chuẩn Japan-GMP và EU-GMP, gia tăng năng lực sản xuất, mở rộng khả năng thay thế thuốc nhập khẩu và tạo nền tảng cho hoạt động xuất khẩu.

4. Gia tăng hiện diện tại kênh ETC

- Việc sở hữu các nhà máy đạt tiêu chuẩn cao giúp DHG nâng cao khả năng tham gia nhóm thầu giá trị cao tại kênh bệnh viện, qua đó mở rộng thị phần và cải thiện cơ cấu doanh thu.

5. Hậu thuẫn từ Taisho

- Sự đồng hành của Taisho (Nhật Bản) với tỷ lệ sở hữu 51% giúp DHG tiếp cận công nghệ, tiêu chuẩn quản trị và R&D tiên tiến, đồng thời hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường quốc tế.

Ngo The Hien
Deputy Head of Research
Hien.nth@shs.com.vn

Nguyen Thanh Hoa
Research Director
Hoa.nt@shs.com.vn

Pham Cao Duy
Analyst
Duy.pc@shs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên,SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688
Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688
Email: contact-hn@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn

SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

Website: shs.com.vn

Tel: 1900 63 8588

Email: hotrokhachhang@shs.com.vn

GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn